

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6330/TCHQ-GSQL

V/v giải đáp vướng mắc Thông tư số 38/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2015

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Ngày 25/3/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (thay thế Thông tư số 22/2014/TT-BTC, Thông tư số 128/2013/TT-BTC và một số văn bản quy phạm pháp luật khác).

Trong quá trình triển khai thực hiện cũng như tại các Hội nghị tập huấn tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh,..., Tổng cục Hải quan đã nhận được phản ánh vướng mắc của một số Cục Hải quan địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và báo cáo của một số đơn vị, như: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đồng Nai, Đắk Lắk, Bà Rịa Vũng Tàu,... Hiện tại, Tổng cục Hải quan đã tổng hợp hướng dẫn, giải đáp (theo Bảng tổng hợp kèm) đối với các vướng mắc thuộc thẩm quyền. Đối với những nội dung kiến nghị liên quan đến quy trình, thủ tục hải quan, Tổng cục Hải quan cũng đã ghi nhận và hoàn thiện tại Quy trình hướng dẫn thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Đối với các nội dung vượt thẩm quyền cần phải sửa đổi, bổ sung tại Thông tư để đảm bảo tính pháp lý hoặc phải báo cáo Bộ có văn bản hướng dẫn cụ thể, hiện Tổng cục Hải quan đã tổng hợp và trình Bộ trong tháng 7/2015.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GSQL.Cường(3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Vũ Ngọc Anh

BẢNG TỔNG HỢP XỬ LÝ VƯỚNG MẮC THÔNG TƯ SỐ 38/2015/TT-BTC NGÀY 25/3/2015 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(ban hành kèm theo công văn số 6330/TCHQ-GSQL ngày 10/7/2015)

STT	Điều/khoản/điểm	Nội dung vướng mắc	Nội dung hướng dẫn
1	Điều 3. Quy định về nộp, xác nhận và sử dụng các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, hồ sơ thuế		
	Khoản 2	Theo quy định, người khai hải quan được lựa chọn nộp hồ sơ hải quan, hồ sơ khai bổ sung... thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (hồ sơ điện tử) hoặc nộp bản giấy (hồ sơ giấy). Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ điện tử qua hệ thống thì kiểm tra như thế nào? Công chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ giấy để kiểm tra không? Nếu có trong trường hợp nào? Đề nghị: chỉ kiểm tra hồ sơ do doanh nghiệp gửi trên hệ thống, không yêu cầu doanh nghiệp nộp bản giấy. Trường hợp nộp bản giấy đề nghị quy định rõ các chứng từ phải nộp bản giấy.	- Đối với hồ sơ giấy: cơ quan Hải quan tiếp nhận bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC; - Đối với hồ sơ điện tử: cơ quan Hải quan căn cứ vào chứng từ điện tử do người khai hải quan gửi đến trên Hệ thống để thực hiện kiểm tra, không yêu cầu người khai hải quan nộp bản giấy. Trường hợp theo quy định trong bộ hồ sơ có những chứng từ phải nộp bản chính thì ngoài hồ sơ điện tử, người khai hải quan phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính cho cơ quan Hải quan.
2	Điều 4. Quy định về thực hiện thủ tục hải quan ngoài giờ làm việc, ngày nghỉ, ngày lễ		
		Chưa có hướng dẫn về việc truyền nhận và phản hồi đề nghị làm ngoài giờ của doanh nghiệp trên Hệ thống VNACCS. Hiện nay, Hệ thống chỉ tiếp nhận và xử lý bằng nghiệp vụ HYS nên việc xem xét và chấp nhận đề nghị làm ngoài giờ của doanh nghiệp trên Hệ thống gặp nhiều khó khăn.	Tổng cục Hải quan dự kiến xây dựng chức năng tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông báo thực hiện thủ tục hải quan ngoài giờ làm việc trên Hệ thống e-Customs, không thực hiện trên Hệ thống VNACCS. Trong thời gian hoàn thiện chức năng Hệ thống, cơ quan Hải quan tiếp nhận thông báo thực hiện thủ tục hải quan ngoài giờ làm việc của người khai hải quan bằng văn bản (chấp nhận cả bản fax).
3	Điều 16: Hồ sơ hải quan		
3.1		So sánh quy định về hồ sơ hải quan tại Điều 16	Đề nghị Chi cục Hải quan thực hiện kiểm tra bộ hồ sơ

		Thông tư số 38/2015/TT và các Thông tư cũ thì hồ sơ hải quan theo quy định hiện hành không có một số chứng từ gây khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hải quan như sau: 1. Bảng kê chi tiết hàng hóa: không có chứng từ này, công chức hải quan rất khó khăn trong việc kiểm hóa tỷ lệ. 2. Hợp đồng: - Hợp đồng thương mại: không có chứng từ này thì không thể phân biệt hàng thương mại và phí mậu dịch, hàng sửa chữa theo hợp đồng dịch vụ sửa chữa và những trường hợp khác; - Hợp đồng gia công, SXXX: doanh nghiệp không khai hợp đồng gia công, SXXX thì làm thế nào để biết để biết doanh nghiệp thực hiện gia công và thực hiện thủ tục cho doanh nghiệp? Nếu doanh nghiệp đăng ký tờ khai nhập khẩu, tờ khai xuất khẩu ở nhiều chi cục khác nhau thì xử lý như thế nào? Ai sẽ chịu trách nhiệm quản lý doanh nghiệp? Kiểm tra CSSX, kiểm tra tình hình sử dụng NLVT...? Doanh nghiệp thực hiện hợp đồng lần đầu để tiến hành kiểm tra cơ sở sản xuất như quy định. Đề nghị Tổng cục Hải quan có hướng dẫn cụ thể.	hải quan theo đúng quy định tại Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Về các vướng mắc nêu bên, Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau: 1. Công chức hải quan căn cứ theo các thông tin trên tờ khai hải quan và các chứng từ khác trong hồ sơ hải quan để thực hiện việc kiểm tra, không yêu cầu người khai hải quan nộp bảng kê chi tiết hàng hóa. 2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Hải quan, tùy từng trường hợp, người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại...Đề nghị đơn vị căn cứ quy định để thực hiện. Việc nhận biết doanh nghiệp thực hiện hợp đồng gia công, SXXX căn cứ vào thông tin khai báo mã loại hình trên tờ khai hải quan. Theo đó, việc quản lý doanh nghiệp, kiểm tra CSSX, kiểm tra tình hình sử dụng NLVT, kiểm tra cơ sở sản xuất của doanh nghiệp thực hiện hợp đồng lần đầu căn cứ vào các thông tin tờ khai hải quan của doanh nghiệp trên Hệ thống.
3.2		Hiện nay, theo quy định tại công văn số 8319/BTC-TCT ngày 27/6/2013 và công văn số 12485/BTC-TCT ngày 18/9/2013 của Bộ Tài chính về việc tăng cường quản lý thuế, hải quan liên quan đến hoàn thuế GTGT hàng hóa xuất khẩu qua biên giới đất	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ. Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ, yêu cầu đơn vị thực hiện theo các văn bản hiện hành.

		liên có yêu cầu doanh nghiệp xuất trình hợp đồng xuất khẩu, hóa đơn mua bán hàng hóa, chứng từ vận tải...để cơ quan hải quan kiểm tra. Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn: tiếp tục thực hiện nội dung công văn số 8319/BTC-TCT ngày 27/6/2013 và công văn số 12485/BTC-TCT ngày 18/9/2013 của Bộ Tài chính hay thực hiện theo Thông tư hiện hành?	
3.3	Điểm c khoản 1, điểm đ khoản 2	Theo quy định, hồ sơ hải quan không quy định nộp giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành. Như vậy, phát sinh khó khăn trong công tác quản lý của cơ quan hải quan khi doanh nghiệp đề nghị đưa hàng về bảo quản. Đề nghị: Doanh nghiệp phải nộp giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành. Trường hợp Doanh nghiệp đề nghị đưa hàng hóa về bảo quản, thì Doanh nghiệp phải nộp giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành và biên bản lấy mẫu để đảm bảo việc lấy mẫu được thực hiện tại cửa khẩu.	Tổng cục Hải quan ghi nhận vướng mắc báo cáo Bộ Tài chính hướng dẫn theo hướng bổ sung giấy đăng ký kiểm tra chuyên ngành làm cơ sở để cơ quan hải quan cho phép doanh nghiệp được đưa hàng về bảo quản.
4 Điều 18: Khai hải quan			
4.1		Theo quy định tại Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới; Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BCT-BTC-BNN&PTNT-BYT; NHNN ngày 31/01/2008 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 254/2006/QĐ-TTg ngày 07/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới có quy định hàng hóa xuất khẩu biên giới không có hợp	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo hướng cho phép làm thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan giấy.

đồng mua bán thì sử dụng tờ khai hàng hóa xuất khẩu biên giới do Bộ Tài chính quy định (mẫu tờ khai HQ/2004-XBG).

Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ thì thủ tục hải quan được thực hiện theo phương thức điện tử, trừ một số trường hợp được khai trên tờ khai hải quan giấy gồm: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của cư dân biên giới; Hàng cứu trợ khẩn cấp, hàng viện trợ nhân đạo; Hàng hóa là phương tiện chứa hàng hóa quay vòng theo phương thức tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập quy định tại Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định này; Hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định trong trường hợp mang theo khách xuất cảnh, nhập cảnh; Các trường hợp khai hải quan quan giấy nêu trên thực hiện chung với các trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại. Với quy định này, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu biên giới (không có hợp đồng) phải thực hiện khai báo điện tử, nhưng chủ hàng làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu biên giới không đủ các điều kiện cần thiết khai báo điện tử (hộ kinh doanh không có mã số và không có chữ ký điện tử).

- Để thực hiện thống nhất đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể quy trình thủ tục đối với loại hình xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới (không có hợp đồng mua bán).

- Do đến thời điểm hiện nay, chưa có quy định nào bãi bỏ sử dụng tờ khai HQ/2004/XBG, đề nghị Tổng

		cục Hải quan hướng dẫn có được sử dụng tờ khai hàng hóa xuất khẩu biên giới do Bộ Tài chính quy định (mẫu tờ khai HQ/2004-XBG) để làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu biên giới không có hợp đồng mua bán không?	
4.2		Khoản 15 Điều 3 Thông tư 139/2013/TT-BTC ngày 9/10/2013 quy định: đối với xăng dầu chứa trong phương tiện chuyên dùng tự hành tạm nhập - tái xuất, khi phương tiện làm thủ tục nhập cảnh (xuất cảnh) thì thương nhân làm thủ tục nhập khẩu (xuất khẩu) đối với nhiên liệu xăng dầu theo chế độ phi mậu dịch, sử dụng mã loại hình nhập cơ quan - phi mậu dịch và xuất cơ quan phi mậu dịch và khai trên tờ khai hải quan giấy. Tuy nhiên, theo bảng mã loại hình ban hành kèm theo công văn số 2765/TCHQ-GSQL thì không có mã nào phù hợp với loại hình nêu trên. Đề nghị: khai theo mã loại hình H11 (đối với hàng NK) và mã H21 (đối với hàng XK), đồng thời bổ sung hướng dẫn về sử dụng mã loại hình H11, H21 tại công văn 2765/TCHQ-GSQL.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn bổ sung đối với mã H11 và H21 tại công văn sửa công văn số 2765/TCHQ-GSQL. Trong thời gian này, đề nghị đơn vị hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng mã H11 và H21 đối với các loại hình này.
4.3	Khoản 1 điểm e	a. Theo quy định tại Điều 35 Nghị định 161/2013/NĐ-CP thì căn cứ quyết định mua bán, đóng mới tàu biển, hợp đồng..., biên bản giao nhận tàu biển..., cơ quan hải quan có trách nhiệm làm thủ tục XK, NK tàu biển. Như vậy, nếu khai báo nhập khẩu trước nhập cảnh thì sẽ không có biên bản giao tàu để nộp cho cơ quan Hải quan theo quy định tại Điều 35, Nghị định 161/2013/NĐ-CP khi làm thủ tục xuất nhập khẩu tàu biển.	Tổng cục Hải quan ghi nhận vướng mắc và báo cáo Bộ Tài chính sửa đổi nội dung quy định này theo hướng: Làm thủ tục nhập cảnh trước, làm thủ tục nhập khẩu sau.

Mặt khác, khi doanh nghiệp khai báo tờ khai tạm nhập PTVT thì đồng thời phải làm thủ tục NK đối với nhiên liệu chứa trên PTVT. Khối lượng nhiên liệu xăng, dầu chứa trong PTVT được xác định theo bản khai chung khi PTVT làm thủ tục nhập cảnh (theo quy định tại Điểm 15 Điều 3 Thông tư số 139/2013/TT- BTC). Do vậy, nếu quy định phải làm thủ tục NK trước khi NC thì công chức không có căn cứ để kiểm tra lượng nhiên liệu khai báo trên tờ khai.

b. Về việc hoàn thành thủ tục cho tàu nhập cảnh:

+ Một số phương tiện vận tải khi làm thủ tục nhập cảnh chờ kế hoạch làm dịch vụ nhưng chưa có kế hoạch cụ thể. Do vậy, không thể biết được phương tiện đó có làm thủ tục nhập khẩu hay không?

+ Công chức của Đội thủ tục tàu tiếp nhận hồ sơ điện tử (e- manifest) do đại lý hãng tàu gửi đến. Do vậy, không thể biết được phương tiện vận tải đã khai và làm thủ tục hải quan nhập khẩu hay chưa? Không thể biết được khai và làm thủ tục hải quan nhập khẩu ở Chi cục nào để nắm bắt thông tin.

+ Theo quy định tại Khoản 2, Điều 67 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 thì: “Thời hạn cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan đối với tàu biển XC, NC, QC: Không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp, xuất trình đủ hồ sơ hải quan theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.”. Do vậy khi chủ tàu, đại lý chủ tàu gửi đầy đủ hồ sơ đến thì công chức phải thực hiện hoàn thành thủ tục hải quan cho

		tàu nhập cảnh theo thời hạn quy định chứ không thể chờ làm xong thủ tục nhập khẩu cho tàu như quy định tại Thông tư. Đề nghị BTC (TCHQ) hướng dẫn thực hiện theo hướng hoàn thành thủ tục cho tàu nhập cảnh trước và làm thủ tục nhập khẩu cho tàu sau.	
4.4	Khoản 7	Đề nghị TCHQ hướng dẫn cụ thể các chứng từ chứng minh doanh nghiệp hoạt động bình thường.	Thông tư không quy định được cụ thể các chứng từ theo từng trường hợp do nội dung các chứng từ chứng minh rất đa dạng (ví dụ: Thông báo về việc khôi phục mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thông báo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo về danh sách MSDN/MST của các đơn vị trực thuộc...). Do vậy, các Chi cục Hải quan căn cứ vào từng trường hợp để xem xét, kiểm tra các chứng từ chứng minh tương ứng của doanh nghiệp.
4.5	Khoản 8	Trường hợp người khai hải quan khai địa điểm tập kết hàng hóa tại Cảng thì khi tiếp nhận tờ khai, công chức đăng ký có cần yêu cầu doanh nghiệp chứng minh rằng hàng hóa đã tập kết đủ hay không? Đề nghị TCHQ có hướng dẫn: người khai hải quan không cần chứng minh và không bắt buộc cơ quan Hải quan kiểm tra.	Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Thông tư số 38/2015/TT-BTC không yêu cầu người khai hải quan phải tập kết đủ hàng hóa trước khi khai hải quan nhưng phải thông báo địa điểm tập kết hàng hóa cho cơ quan hải quan. Trường hợp có nghi ngờ hoặc có thông tin, cơ quan hải quan tiến hành kiểm tra địa điểm tập kết của người khai hải quan.
5	Điều 19: Đăng ký tờ khai hải quan		
	Khoản 3	Quy định “Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc phân luồng tờ khai hải quan và sử dụng kết quả phân luồng trong kiểm tra hải	Tổng cục Hải quan ghi nhận hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		quan”	
		Đề nghị TCHQ có văn bản hướng dẫn thực hiện	
6	Điều 20: Khai bổ sung hồ sơ hải quan		
6.1	Khoản 1	Quy định doanh nghiệp khai bổ sung: Điểm c: DN tự phát hiện và khai sau thời điểm cơ quan Hải quan kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa nhưng trước khi thông quan và bị xử lý theo quy định. Việc xử phạt trong trường hợp này là không phù hợp. Nếu doanh nghiệp để hàng hóa thông quan rồi mới khai bổ sung thì không bị phạt (thực hiện theo điểm b khoản 4 Luật Hải quan hoặc điểm b khoản 1 Điều 20 TT38). Điểm d: Người khai hải quan thực hiện khai bổ sung theo yêu cầu của cơ quan hải quan khi kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa và bị xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Quy định việc xử lý trong trường hợp này là không phù hợp vì: - Khi kiểm tra thực tế hàng hóa, nếu phát hiện hàng cấm, hàng thừa, hàng không đúng theo khai báo thì doanh nghiệp có phải khai báo bổ sung không? Khi đó hành vi được xử lý như thế nào khi doanh nghiệp có khai báo với cơ quan hải quan? Nếu công chức thông đồng với doanh nghiệp để khai bổ sung thì xử lý như thế nào?	Nội dung Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC chỉ quy định-việc khai bổ sung hồ sơ hải quan, không quy định việc xử lý vi phạm hành chính. Các trường hợp phải xử phạt thực hiện theo các quy định về xử lý vi phạm hành chính.

		Đề nghị Tổng cục Hải quan có hướng dẫn thống nhất quan điểm xử phạt trong trường hợp doanh nghiệp tự phát hiện, trước khi cơ quan hải quan kiểm tra, thanh tra thì không bị xử lý (bao gồm cả trường hợp tự phát hiện sau khi cơ quan Hải quan kiểm tra hồ sơ đến trước khi thông quan hàng).	
6.2	Khoản 1 điểm b, d	Khoản 1 Điều 20 quy định: “<i>Việc khai bổ sung theo quy định tại điểm b, điểm d khoản này chỉ được thực hiện đối với hàng hóa xuất nhập khẩu không thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng quản lý chuyên ngành, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.</i>” Điểm b khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan quy định người khai hải quan xác định có sai sót trong việc khai hải quan được thực hiện khai bổ sung trong các trường hợp: “...<i>Đối với hàng hóa đã được thông quan: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra, trừ trường hợp nội dung khai bổ sung liên quan đến giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm.</i>” Đề nghị Tổng cục Hải quan cho phép thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và báo cáo Bộ Tài chính để sửa nội dung này; trong khi chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính, các đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan.
6.3	Khoản 1	Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 Luật Hải quan: “<i>Đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan:</i>	Yêu cầu thực hiện theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan; quá thời hạn quy định, người khai mới phát hiện sai sót thì thực hiện khai bổ sung và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật..." Tuy nhiên, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Thông tư thì “Người khai hải quan được khai bổ sung hồ sơ hải quan sau khi Hệ thống phân luồng nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan” Như vậy, trường hợp doanh nghiệp khai bổ sung hồ sơ hải quan sau thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan thì có thực hiện xử lý vi phạm hành chính không?	
6.4	Khoản 3 điểm a	Chưa có quy định cụ thể về hồ sơ khai bổ sung, điều kiện khai bổ sung. Đề nghị: TCHQ có hướng dẫn và bổ sung các điều kiện để xem xét, giải quyết cho doanh nghiệp khai bổ sung.	Thông tư không quy định được cụ thể các chứng từ theo từng trường hợp khai bổ sung do nội dung sửa đổi rất đa dạng, các chứng từ chứng minh có thể do người khai hải quan tự có (nếu chỉ sai so với hồ sơ hải quan) hoặc do các cơ quan khác cung cấp (ví dụ sai tên phương tiện vận chuyển).... Do vậy, yêu cầu Chi cục Hải quan căn cứ vào tình hình cụ thể của từng lô hàng để xem xét, kiểm tra các chứng từ chứng minh tương ứng để chấp nhận thông tin khai bổ sung.
6.5	Khoản 3 điểm a.4	Quy định trong thời gian 03 ngày kể từ ngày hàng hóa đưa vào khu vực giám sát, người khai hải quan	Tổng cục Hải quan ghi nhận báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện.

		có trách nhiệm thực hiện khai bổ sung. Tuy nhiên, Chi cục nơi đăng ký tờ khai chỉ biết được ngày qua khu vực giám sát. Đề nghị TCHQ quy định doanh nghiệp phải xuất trình chứng từ chứng minh ngày hàng hóa đưa vào khu vực giám sát. Nếu quá 03 ngày người khai hải quan không thực hiện việc khai bổ sung thì có xử phạt hay không?	Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính, yêu cầu Chi cục Hải quan căn cứ ngày xác nhận hàng qua khu vực giám sát trên Hệ thống để lấy mốc thời điểm 03 ngày. - Căn cứ theo quy định hiện hành, nếu việc không thực hiện khai bổ sung thuộc các trường hợp phải xử phạt thì cơ quan hải quan thực hiện xử phạt.
		Quy định: Trường hợp tờ khai hải quan hàng hóa XK đã được thông quan, hàng hóa đã đưa vào khu vực giám sát ... người khai hải quan nộp văn bản thông báo thay đổi cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất phương tiện vận tải của hãng vận chuyển hoặc nộp văn bản thay đổi cửa khẩu xuất của cơ quan có thẩm quyền cho cơ quan hải quan. Nhưng đối với trường hợp tờ khai hải quan hàng hóa XK đã được thông quan chưa đưa vào khu vực giám sát hải quan thì quy định không chỉ rõ người khai hải quan nộp văn bản thông báo thay đổi cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất của cơ quan nào hay của chính người khai hải quan.	Thông tư quy định chung để phù hợp cho tất cả các trường hợp, cơ quan hải quan chấp nhận văn bản đề nghị của người khai hải quan (ví dụ: trường hợp vận chuyển đường bộ, doanh nghiệp tự vận chuyển).
6.6	Khoản 3 điểm a.5	Hệ thống không có file link excel. Cơ quan hải quan phải tự nhập từng cont, số seal hăng tàu vào hệ thống cho mỗi Container sẽ mất rất nhiều thời gian dẫn đến rút Container. Sau đó HQ phải in danh sách Container theo mẫu 29/DSCT/GSQL để xác nhận qua khu vực giám sát, tuy nhiên, giao diện mẫu 29/DSCT/GSQL có khoảng cách rộng nên khoảng 20 Container thì phải in trên 10 trang giấy, gây lãng phí.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để hoàn thiện chức năng trên Hệ thống.

	Đề nghị bổ sung chức năng cập nhật số Container hàng xuất khẩu cho công chức tại bộ phận giám sát theo file link excel. Đồng thời link sang mẫu số 29/DSCT/GSQL để cơ quan hải quan in và xác nhận.	
	- Trường hợp DN không khai báo số cont trên hệ thống, sau khi kiểm tra thực tế hàng hóa DN có phải khai báo bổ sung số cont không hay chỉ cần lập bảng kê kèm theo tờ khai. Nếu là bản kê thì công chức kiểm hóa có xác nhận trên bảng kê này không trong trường hợp kiểm tra theo tỷ lệ %?	- Theo quy định tại điểm a5 khoản 3 Điều này: “trường hợp khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu chưa có số hiệu Container như vậy, khi kiểm tra thực tế hàng hóa vẫn đang trong quá trình làm thủ tục hải quan mà doanh nghiệp đã có đầy đủ thông tin về số Container thì doanh nghiệp phải thực hiện khai báo bổ sung về số Container trên tờ khai hải quan, không sử dụng bảng kê theo mẫu số 31/BKCT/GSQL
	Quy định: “<i>Trường hợp khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu chưa có số hiệu container hoặc số hiệu container có thay đổi so với khi đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu thì người khai hải quan phải nộp Bản kê số hiệu container theo mẫu số 31/BKCT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này cho công chức hải quan giám sát tại cửa khẩu xuất. Công chức hải quan kiểm tra và cập nhật số container vào Hệ thống để in danh sách container</i>”. Như vậy, việc cập nhật và in danh sách container đối với trường hợp trên sẽ gặp nhiều vướng mắc và khó khăn như sau: Hiện nay, tại bộ phận Giám sát hàng xuất khẩu một ngày làm thủ tục thanh lý (qua khu vực giám sát) cho hơn 3.000 tờ khai xuất khẩu mở tại Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh và các Cục hải quan địa phương khác, số lượng tờ khai khi làm thủ tục hải quan xuất khẩu chưa có số hiệu Container chiếm	Tổng cục Hải quan ghi nhận và báo cáo Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thống nhất.

khoảng 45%. Theo kết quả khảo sát Doanh nghiệp làm thủ tục thanh lý tờ khai xuất của công chức hải quan, việc chưa khai số hiệu container tại thời điểm đăng ký một phần do sự hướng dẫn của Chi cục hải quan nơi đăng ký tờ khai. Như vậy, với số lượng tờ khai 1.300 tờ khai xuất khẩu (tương ứng khoảng 3.000 container) công chức hải quan giám sát hàng xuất khẩu cần phải kiểm tra, cập nhập từng container và in danh sách container (theo mẫu 29/DSCT/GSQL), việc đó sẽ gây tình trạng ùn tắc, gây khó khăn trong quá trình làm thủ tục thanh lý cho Doanh nghiệp.

Ngày 07/01/2015, Bộ Tài Chính có công văn số 195/BTC-TCHQ về việc giám sát hải quan tại khu vực cửa khẩu cảng biển áp dụng đề án mã vạch. Theo nội dung, đề án mã vạch sẽ rút ngắn thời gian làm thủ tục, tạo điều kiện thông thoáng trong hoạt động xuất nhập khẩu cho Doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc kiểm tra và cập nhập vào hệ thống để in danh sách container theo mẫu 29/DSCT/GSQL có mã vạch đối với trường hợp Doanh nghiệp sử dụng mẫu số 31/BKCT/GSQL sẽ thêm thao tác xử lý của công chức hải quan, thời gian xử lý sẽ kéo dài dẫn đến gây ùn tắc, ảnh hưởng đến quá trình làm thủ tục thanh lý của Doanh nghiệp.

Xuất phát từ những vướng mắc và khó khăn trên Chi cục xin đề xuất như sau:

+ Chi cho phép các trường hợp đặc biệt (xuất khẩu có số lượng container lớn hơn 20 container/tờ khai chưa có số hiệu container tại thời điểm đăng ký tờ

		khai; hàng xuất khẩu được đóng tại bãi cửa khẩu xuất) được sử dụng mẫu số 31/BKCT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC khi thanh lý tờ khai xuất khẩu. Các trường hợp đặc biệt khác như (đổi container, sang container tại cửa khẩu xuất) doanh nghiệp được sử dụng mẫu 31/BKCT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC và phải xuất trình các chứng từ chứng minh có liên quan. + Kiến nghị Tổng cục Hải quan có quy định cụ thể đối với các trường hợp được sử dụng mẫu 31/BKCT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC và thống nhất trong toàn ngành.	
6.7	Khoản 3 điểm a.6	Nếu người khai hải quan không có văn bản đề nghị khai bổ sung (theo mẫu 03/KBS/GSQL Phụ lục 5) mà trực tiếp nộp thuế bổ sung tại các Ngân hàng thương mại thông qua cổng thông tin điện tử Paygate thì cơ quan hải quan xử lý như thế nào?	Yêu cầu Chi cục Hải quan hướng dẫn người khai hải quan thực hiện khai bổ sung theo đúng quy định, khi người khai nộp bổ sung thuế cho tờ khai ban đầu, thì số thuế đã thu sẽ được hạch toán theo tờ khai chính thức.
6.8	Khoản 3 điểm b	Các chi cục khó đảm bảo thời gian để xử lý yêu cầu khai bổ sung cho doanh nghiệp theo quy định nhất là những chi cục có số lượng tờ khai lớn.	Yêu cầu các Chi cục Hải quan nghiên cứu, cân nhắc khối lượng công việc các khâu nghiệp vụ để bố trí số lượng công chức cho phù hợp. Trường hợp không đủ lực lượng để bố trí công việc, Chi cục Hải quan báo cáo Cục Hải quan đề xuất Tổng cục Hải quan xem xét, chỉ đạo.
6.9	Khoản 3 điểm b.7.3	Quy định “Đối với trường hợp không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp thì trả lại hồ sơ cho người khai hải quan và có văn bản thông báo nêu rõ lý do”. Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn: Sau khi trả	Chi cục Hải quan trả lại hồ sơ hải quan cho người khai hải quan và chỉ thực hiện tiếp thủ tục hải quan khi người khai hải quan đã thực hiện việc khai bổ sung.

		lại hồ sơ cho người khai hải quan thì người khai hải quan thực hiện những thủ tục gì tiếp theo?	
6.10		Nếu tham vấn giá tính thuế hoặc quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở hải quan với kết quả: bác bỏ trị giá khai báo hoặc điều chỉnh mã số, bác bỏ xuất xứ (C/O), cơ quan hải quan điều chỉnh lại mức thuế khai báo ban đầu, ảnh hưởng đến số thuế phải nộp nhưng nếu người khai hải quan không khai bổ sung (theo mẫu 03/KBS/GSQL phụ lục 5), đề nghị cơ quan hải quan sẽ ban hành Thông báo kết quả tham vấn hoặc Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan tại trụ sở hải quan để thông báo cho người khai hải quan biết, đồng thời thực hiện Quyết định ấn định thuế theo quy định tại Điều 48 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.	Về tham vấn trị giá hải quan: Căn cứ quy định tại điểm g.2 khoản 3 Điều 25 Thông tư 38/2015/TT- BTC, trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung theo quy định thì cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo và thực hiện chuyển các cơ sở bác bỏ trị giá khai báo sang kiểm tra sau thông quan. Do đó, cơ quan hải quan sẽ không ban hành Thông báo gửi người khai hải quan. Trường hợp kiểm tra sau thông quan đề nghị thực hiện theo quy định và hướng dẫn liên quan, nếu có vướng mắc đề nghị đơn vị báo cáo cụ thể về Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) để được hướng dẫn.
7	Điều 21: Khai thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa		
7.1		Theo quy định tại Khoản 5 Điều 25 Nghị định 08: “...chuyên mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa XK, NK tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu”. Như vậy, quy định phải có giấy phép khi thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa có phù hợp Nghị định?	- Cơ quan hải quan chỉ thực hiện việc kiểm tra theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành khi nhập khẩu chưa thực hiện hoặc thuộc diện quản lý bằng giấy phép nhập khẩu thì khi chuyển đổi mục đích phải có văn bản đồng ý của cơ quan quản lý chuyên ngành.
		- Hàng hóa chuyển tiêu thụ nội địa có buộc phải kiểm tra thực tế hàng hóa để xác định doanh nghiệp có sử dụng hàng hóa trước khi thông quan không?	- Việc kiểm tra thực tế đối với hàng hóa chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện theo nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

7.2	Đối với hàng hóa của: - Doanh nghiệp đăng ký Danh mục miễn thuế; - Doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên liệu, vật liệu để gia công, sản xuất xuất khẩu. Căn cứ Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (báo cáo quyết toán hàng gia công, sản xuất - xuất khẩu) và căn cứ Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế), cả 2 nội dung trên đều quy định: định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người khai hải quan phải báo cáo tình hình cho cơ quan Hải quan. Đề nghị: Trong trường hợp người khai hải quan đề nghị làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng trước thời hạn kết thúc năm tài chính thì chấp nhận cho đăng ký tờ khai mới để nộp thuế bổ sung thay vì phải chờ đến kết thúc năm tài chính, người khai hải quan báo cáo những loại hàng hóa đã chuyển đổi mục đích sử dụng.	Điều 60 và Điều 106 Thông tư số 38/2015/TT-BTC không có quy định về việc phải chờ đến kết thúc năm tài chính mới cho phép làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc đăng ký tờ khai mới để nộp thuế bổ sung. Do vậy, thời điểm báo cáo quyết toán, báo cáo việc sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế và việc thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng, đăng ký tờ khai mới có thể thực hiện độc lập.
7.3	Khi thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức tái xuất hoặc chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện không chịu thuế, miễn thuế thì người khai hải quan phải thực hiện mở tờ khai nhập khẩu mới để thay đổi mục đích sử dụng và sau đó mở tờ khai tái xuất (xuất trả) cho đối tác nước ngoài hoặc đối tượng nhận chuyển nhượng tiếp tục thực hiện mở tờ khai nhập khẩu mới. Nếu thực hiện như quy định thì sẽ phát sinh thêm thủ tục hành chính không cần thiết, không	

		tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình khai báo hải quan. Như vậy:	
		- Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức tái xuất, doanh nghiệp có văn bản gửi cơ quan hải quan đề nghị thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức tái xuất và thực hiện mở tờ khai tái xuất (xuất trả) theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.	- Trường hợp hàng hóa NK đã hoàn thành thủ tục hải quan sau đó tái xuất để trả cho khách hàng nước ngoài hoặc xuất sang nước thứ 3, xuất vào khu phi thuế quan thì thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.
		- Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng bằng hình thức chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện không chịu thuế, miễn thuế thì chỉ thực hiện mở tờ khai nhập khẩu mới đối với đối tượng nhận chuyển nhượng.	- Trường hợp chuyển nhượng cho đối tượng thuộc diện không chịu thuế, miễn thuế, người nhận chuyển nhượng mở tờ khai hải quan mới theo quy định nhưng không phải nộp thuế.
8	Điều 22: Hủy tờ khai hải quan		
8.1	Khoản 1 điểm c	Trường hợp hàng hóa chuyển cửa khẩu được phân luồng đỏ từ Chi cục HQ cửa khẩu đến Chi cục HQ ngoài cửa khẩu: vào ngày thứ 15 kể từ ngày đăng ký tờ khai doanh nghiệp mới lấy được hàng tại Chi cục HQ cửa khẩu và hàng đã qua khu vực giám sát, tới ngày thứ 16 doanh nghiệp xuất trình hàng hóa cho Chi cục HQ ngoài cửa khẩu thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa. Theo quy định nêu trên thì phải hủy tờ khai. Như vậy, trong trường hợp này hàng hóa đã qua khu vực giám sát, nêu thực hiện hủy tờ khai thì hải quan giám sát sẽ xử lý như thế nào? Đề nghị TCHQ cho phép tiếp tục xử lý, không cần phải hủy tờ khai, cơ quan Hải quan tiếp tục thực hiện kiểm tra thực tế đối với trường hợp này trong trường hợp không ảnh hưởng tới chính sách thuế, chính sách mặt hàng.	Trường hợp hàng hóa chuyển cửa khẩu được phân luồng đỏ, người khai hải quan đã thực hiện việc đưa hàng qua khu vực giám sát tại cửa khẩu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan tờ khai hải quan thì không được phép hủy.

8.2	Khoản 2 điểm a	Nội dung quy định người khai hải quan phải nộp các chứng từ chứng minh thực tế hàng hóa không xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên, Thông tư chưa quy định những chứng từ gì? Đề nghị: căn cứ xác nhận của hãng tàu hàng hóa chưa xuất lên tàu để cho phép doanh nghiệp hủy tờ khai.	Thông tư không quy định được cụ thể các chứng từ theo từng trường hợp do nội dung đề nghị hủy rất đa dạng, các chứng từ chứng minh có thể do người khai hải quan tự có hoặc do các cơ quan khác cung cấp (ví dụ: xác nhận của hãng tàu về việc hàng hóa của người khai hải quan chưa được đưa lên tàu, ... đối với hàng hóa xuất khẩu; xác nhận không có thông báo hàng đến của hãng tàu; văn bản xác nhận không giao hàng của chủ hàng nước ngoài, ... đối với hàng hóa nhập khẩu). Do vậy, yêu cầu các Chi cục Hải quan căn cứ vào tình hình cụ thể của từng lô hàng để xem xét, kiểm tra các chứng từ chứng minh tương ứng để chấp nhận thông tin đề nghị hủy.
8.3	Khoản 2 điểm b	Đơn vị gặp vướng mắc trong các nội dung sau: - Việc rà soát thực hiện như thế nào? Thời gian hủy là bao lâu? Hủy và cập nhật số tiền thuế như thế nào? - Hiện nay số lượng tờ khai luồng xanh trên hệ thống rất nhiều, làm thế nào để biết được tờ khai nào thuộc diện phải hủy (chưa có hàng NK đến cửa khẩu nhập hoặc chưa đưa hàng qua khu vực giám sát) để rà soát, xác minh? - Thông báo các trường hợp trên như thế nào? Làm sao biết được hàng hóa XK có nguồn gốc trong nước hay NK để thông báo cho các đơn vị như quy định? - Chưa có mẫu Thông báo như quy định tại Thông	Tổng cục Hải quan ghi nhận đề nghị quy định cụ thể tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		tư. Đề nghị: TCHQ xây dựng chương trình để kết xuất tờ khai phải hủy thuộc luồng xanh. Hướng dẫn việc kiểm tra, xác minh như thế nào? Bằng văn bản xác nhận hay tra cứu bằng chương trình? Trường hợp hủy nhằm tờ khai có nhầm lẫn trong khâu cập nhật dữ liệu tại khâu giám sát thì xử lý như thế nào? Ban hành mẫu thông báo để thực hiện thống nhất.	
8.4	Khoản 2 điểm b.1.1	Quy định sau khi hủy tờ khai trên Hệ thống, thanh khoản tiền thuế phải thu của tờ khai được hủy (nếu có) và cập nhật vào Hệ thống QLRR để đánh giá tiêu chí chấp hành pháp luật đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống QLRR chưa có chức năng cập nhật tiêu chí này.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để bổ sung chức năng trên Hệ thống.
8.5	Khoản 2 điểm b.1.5	Đề nghị Tổng cục Hải quan ban hành mẫu Thông báo cho Cục Thuế nội địa đối với hàng hóa xuất khẩu có nguồn gốc nhập khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai nhập khẩu.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
8.6	khoản 2 điểm b.2	Quy định “ <i>Trường hợp đủ căn cứ để xác định người khai hải quan khai không đúng tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế thì hướng dẫn và yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung theo quy định tại Điều 20 Thông tư này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật Trường hợp người khai hải quan không thực hiện khai bổ sung thì cơ quan hải quan xác định lại mã số hàng hóa, mức thuế và thực hiện ấn định thuế, đồng thời, tùy theo mức độ vi phạm giữa nội dung khai hải quan và thực tế kiểm tra để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật và cập nhật kết quả kiểm tra vào cơ sở dữ liệu, thông quan hàng hóa sau khi người khai hải quan nộp đủ tiền thuế,</i>	Yêu cầu các Chi cục Hải quan thực hiện đúng quy định của điểm b.2 khoản 2 Điều 24 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		tiền phạt nếu có) theo quy định” Tuy nhiên, việc đợi người khai hải quan phải nộp đủ tiền thuế ấn định, tiền phạt (nếu có) sau đó mới thông quan hàng hóa cho Doanh nghiệp sẽ gây khó khăn cho Doanh nghiệp trong việc cần phải có tờ khai thông quan của cơ quan hải quan để làm thủ tục thanh khoản với ngân hàng đúng hạn Kiến nghị: + Kiến nghị trường hợp doanh nghiệp có công văn cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế sau khi có kết quả phân tích phân loại (đối với trường hợp có kết quả PTPL khác so với trước đây) thì cơ quan hải quan vẫn thực hiện in tờ khai thông quan trả cho Doanh nghiệp 01 bản như quy định trước đây tại Thông tư 22/2014/TT-BTC ngày 01/04/2014 để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. + Cơ quan Hải quan ấn định thuế và xử phạt theo quy định. + Thời gian nộp thuế theo loại hình hàng hóa tương ứng, việc nộp phạt thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính.	
9	Điều 23: Nguyên tắc kiểm tra hải quan		
9.1	Khoản 1	Đơn vị gặp vướng mắc trong các nội dung sau: - Khi nào nộp 1 loại chứng từ, khi nào nộp toàn bộ chứng từ?	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

- Khái niệm kiểm tra chi tiết hồ sơ là như thế nào?
Căn cứ quy định nào để thực hiện?

- Quy định khi kiểm tra thực tế hàng hóa phải ghi
Phiếu ghi kết quả kiểm tra hàng hóa là phát sinh thủ
tục, mất thời gian và không phù hợp với thủ tục hải
quan điện tử

- Trong phiếu ghi kết quả kiểm hóa có ô dành cho
công chức kiểm tra chi tiết hồ sơ và ý kiến lãnh đạo
chi cục. Như vậy, công chức có phải ghi kết quả
kiểm tra chi tiết hồ sơ và lãnh đạo chi cục có phải
ghi vào phiếu không? Ghi nội dung gì? và ký vào
thời điểm nào? Trước lúc kiểm tra hay sau khi kiểm
tra?

- Quy định Lãnh đạo chi cục ký vào Phiếu ghi kết
quả là không phù hợp vì lãnh đạo chi cục không trực
tiếp kiểm tra hàng hóa. Nếu xảy ra sai sót, các cơ
quan điều tra sẽ truy cứu và xem xét trách nhiệm của
lãnh đạo như trường hợp hàng XK qua cửa khẩu
đường bộ trước đây (đã bãi bỏ tại Thông tư số 38).

- Việc thông báo kiểm tra hồ sơ hay không là do hệ
thống thực hiện tự động. Khi DN nộp, xuất trình hồ
sơ thì công chức mới thực hiện kiểm tra hồ sơ. Như
vậy, công chức hải quan thông báo cho NKHQ về
việc nộp một hoặc nhiều loại hồ sơ khi nào? Thực
hiện trên hệ thống như thế nào?

Đề nghị:

- Chỉ ghi kết quả kiểm hóa vào Phiếu ghi kết quả

		kiểm hóa khi kiểm hóa hộ và trường hợp hệ thống phân luồng xanh, dừng thông quan đột xuất để chuyển luồng đỏ kiểm tra. Nếu cần lưu hồ sơ giấy thì chương trình cho phép in vào mặt sau của tờ khai sau khi nhập kết quả kiểm tra. - Đề nghị bỏ quy định Lãnh đạo chi cục ký vào Phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa.	
9.2	Khoản 2	Trong quá trình kiểm tra hải quan, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế, công chức hải quan có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra phù hợp. Việc chuyển luồng vàng, luồng đỏ được thực hiện như thế nào?	Tổng cục Hải quan ghi nhận để quy định cụ thể tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
9.3	Khoản 3	Việc thanh toán chi phí giám định được thực hiện như thế nào? Lấy từ nguồn kinh phí nào? Của Cục hay chi cục? Thủ tục thực hiện như thế nào? Đề nghị TCHQ có hướng dẫn. Nên mở rộng chức năng giám định của các Trung tâm PTPL để phục vụ cho việc giám định của CQHQ để hạn chế thủ tục thanh toán chi phí giám định.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và sẽ hướng dẫn rõ thêm theo hướng giao cho Vụ Tài vụ quản trị nghiên cứu, triển khai thực hiện.
10 Điều 25: Kiểm tra trị giá hải quan			
10.1		1. Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định “Trường hợp người khai hải quan nhất trí với kết luận kiểm tra của cơ quan hải quan về tên hàng, mã số, xuất xứ, trọng lượng, chủng loại, chất	1. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015, trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở bác bỏ trị giá hải quan, đồng thời người khai hải quan chấp nhận cơ sở bác bỏ

lượng, trị giá hải quan của hàng hóa thì thực hiện việc khai bổ sung các nội dung theo yêu cầu của cơ quan hải quan và xử lý theo quy định pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc quy định của pháp luật liên quan”. Điều này cũng đã được quy định tại Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Thực tế trong quá trình tham vấn, cơ quan hải quan phát hiện một số cơ sở bác bỏ khác ngoài quy định tại điểm g.1 khoản 3 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC như cơ quan hải quan phát hiện các mâu thuẫn về thủ tục, hồ sơ; người khai hải quan không giải trình, không chứng minh được hoặc giải trình, chứng minh thiếu thuyết phục, không có căn cứ về các nghi vấn của cơ quan hải quan; thông tin mà người khai hải quan cung cấp sau khi đã kiểm tra là không chính xác, chứng từ tài liệu cung cấp là giả mạo hoặc chứng từ không hợp pháp... Sau tham vấn, doanh nghiệp thống nhất với cơ sở bác bỏ của cơ quan hải quan, đồng ý nộp thuế theo trị giá hải quan xác định. Vậy đối với các trường hợp này cơ quan hải quan có được bác bỏ trị giá khai báo, xác định trị giá hải quan hay không? Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, xác định trị giá hải quan thì có xử phạt vi phạm hành chính hay không?

Ví dụ:

- Công ty TNHH LG Electronics VN là doanh nghiệp thường xuyên nhập khẩu mặt hàng điện tử, điện lạnh với kim ngạch rất lớn, thuế suất cao và mức giá khai báo của lô hàng sau thường thấp hơn lô

do cơ quan hải quan đưa ra thì cơ quan hải quan thông báo để người khai hải quan khai sửa đổi, bổ sung; cơ quan hải quan xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy, đối với trường hợp người khai hải quan đồng ý với cơ sở bác bỏ trị giá khai báo quy định tại Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC, cơ quan hải quan yêu cầu doanh nghiệp khai sửa đổi, bổ sung, đồng thời thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 thì cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan trong các trường hợp sau: (1) Người khai hải quan không xác định được trị giá hải quan theo các phương pháp quy định tại Thông tư này; (2) Trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 17 Thông tư này. Như vậy, cơ quan hải quan không xác định trị giá hải quan đối với trường hợp kiểm tra, tham vấn trong thông quan.

Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện đúng quy định nêu trên.

		hàng trước hoặc thấp hơn mức giá kiểm tra tại Danh mục quản lý rủi ro về giá của Tổng cục Hải quan. Sau tham vấn, Công ty TNHH LG Electronics VN vẫn thường chấp nhận nộp thuế theo mức giá xác định của cơ quan hải quan. Do đó, quy định trên dẫn đến nhiều trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu có kim ngạch lớn, hợp tác với cơ quan hải quan như Công ty TNHH LG Electronics VN lại bị xử phạt rất nhiều lần trong năm đối với cùng một hành vi. Đề xuất: Đối với các trường hợp cơ quan hải quan có căn cứ bác bỏ ngoài quy định tại điểm g.1 khoản 3 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì bác bỏ trị giá khai báo nhưng không xử phạt vi phạm hành chính.	
10.2	Khoản 1 điểm b	Quy định “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ là trường hợp trị giá khai báo thấp hơn thông tin rủi ro về trị giá tại cơ sở dữ liệu giá theo quy định của Tổng cục Hải quan”. Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 39/2015/TT-BTC quy định: “Cơ sở dữ liệu trị giá là thông tin liên quan đến xác định trị giá hải quan của các hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp phân loại. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan được Tổng cục Hải quan xây dựng tập trung thống nhất và thường xuyên cập nhật. Bao gồm: a) Hệ thống quản lý dữ liệu giá hải quan; b) Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá và mức giá tham	Căn cứ quy định tại Điều 23 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì việc kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan, kiểm tra chi tiết hàng hóa căn cứ thông báo kết quả phân luồng từ khai hải quan của Hệ thống, quyết định của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc Chi cục Hải quan nơi kiểm tra thực tế hàng hóa, thông tin khai hải quan, thông tin chỉ dẫn rủi ro trên Hệ thống. - Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ là trường hợp trị giá khai báo thấp hơn thông tin rủi ro về trị giá tại cơ sở dữ liệu trị giá theo quy định của Tổng cục Hải quan” Tổng cục Hải quan ghi nhận và sẽ hướng dẫn chi tiết

		chiếu kèm theo”. Như vậy, quy định trên được hiểu trong quá trình kiểm tra, xác định trị giá hải quan tại cửa khẩu phải kiểm tra đối với tất cả các hàng hóa nằm trong hệ thống quản lý giá GTT02 và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá. Do đó, khối lượng công việc cần thực hiện là quá lớn, không đảm bảo yêu cầu về quản lý rủi ro trong lĩnh vực trị giá (gần như 100% tờ khai phát sinh thuộc trường hợp phải kiểm tra hồ sơ đều phải kiểm tra về trị giá). Điều này sẽ dẫn đến không đảm bảo về thời gian thông quan hàng hóa mà ngành Hải quan đang phấn đấu thực hiện. Đề xuất: việc kiểm tra trị giá hải quan chỉ thực hiện đối với các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá do Tổng cục Hải quan ban hành. Các mặt hàng không thuộc Danh mục nêu trên thì do lực lượng kiểm tra sau thông quan tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra theo quản lý rủi ro.	các trường hợp nghi vấn và việc kiểm tra trị giá khai báo đối với các trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ tại Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
10.3	Khoản 2 điểm b	Trường hợp có nghi vấn về trị giá khai báo nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ. Người khai hải quan chấp nhận mức giá đã được cơ quan hải quan chấp nhận tại cơ sở dữ liệu giá (giá theo kết quả kiểm tra sau thông quan hoặc kết quả tham vấn của chính mặt hàng do Công ty nhập khẩu trước đó và trong thời hạn 90 ngày trước và sau ngày XK của lô hàng đang xác định giá). Thông tư chưa có quy định đối với trường hợp này.	Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC, Thông tư chỉ quy định xử lý kết quả kiểm tra theo 2 trường hợp: Đối với trường hợp người khai hải quan không đề nghị tham vấn, cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo; chuyển các nghi vấn để thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định hoặc tham vấn theo đề nghị của người khai hải quan. Do vậy, cơ quan hải quan không đưa ra mức giá xác định nên người khai hải quan chỉ được lựa chọn 1 trong 2 trường hợp trên.

		Nghi vấn nhưng chưa đủ cơ sở bác bỏ: Phản hồi trên hệ thống hoặc mẫu 02A đồng thời yêu cầu người khai hải quan nộp bổ sung các chứng từ, tài liệu liên quan phù hợp với phương pháp xác định trị giá khai báo theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Hỏi: Trong Thông tư không có quy định cho trường hợp trong thời hạn 5 ngày: Doanh nghiệp nộp đầy đủ chứng từ, không đề nghị tham vấn thì giải quyết thế nào? (Thông quan hay chuyển sau thông quan?).	Căn cứ quy định tại điểm b.2 khoản 2 Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC, trường hợp quá 05 ngày kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp không đề nghị tham vấn thì cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo, chuyển các nghi vấn để thực hiện kiểm tra sau thông quan theo quy định.
10.4	Khoản 3 điểm c.1.2	Quy định: “kết thúc tham vấn phải ghi rõ kết luận vào biên bản tham vấn theo một trong các trường hợp “không đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo” hoặc “đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo” (nêu rõ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo) hoặc “đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo nhưng người khai hải quan không chấp nhận” (nêu rõ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo)”. Như vậy, quy định trên không nêu cụ thể kết thúc tham vấn cơ quan hải quan có đưa ra mức giá dự kiến xác định không? Trong nhiều trường hợp doanh nghiệp chỉ chấp nhận cơ sở bác bỏ trị giá khai báo của cơ quan hải quan nếu biết cụ thể trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định. Trường hợp cơ quan hải quan không đưa ra mức giá dự kiến xác định thì doanh nghiệp không có cơ sở để thực hiện khai sửa đổi, bổ sung, trên cơ sở đó để nộp thuế và cơ quan hải quan thực hiện xử phạt vi phạm hành chính. Đề xuất: Đối với các trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở bác bỏ trị giá thì phải nêu rõ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo và mức giá dự kiến xác định vào	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn chi tiết việc tham vấn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		biên bản tham vấn.	
11	Điều 26: Kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu		
11.1	Khoản 1	Theo quy định, việc kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu khi có dấu hiệu gian lận xuất xứ: " <i>...trường hợp người khai hải quan không xuất trình thì tiến hành xác minh tại cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu...</i> " Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn trình tự, thủ tục xác minh tại cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và sẽ hướng dẫn tại Quy trình xác định xuất xứ hàng hóa.
11.2	Khoản 2 điểm d	Cơ quan Hải quan chấp nhận chứng nhận xuất xứ cho một phần hàng hóa thực nhập. Tuy nhiên, Thông tư không hướng dẫn đối với số lượng hàng hóa còn lại trên giấy chứng nhận xuất xứ có được phép tiếp tục làm thủ tục nhập khẩu cho những lần tiếp theo hay không? Đề nghị: trường hợp số lượng hàng hóa thực nhập ít hơn số lượng hàng hóa trên giấy chứng nhận xuất xứ thì người khai hải quan được phép sử dụng giấy chứng nhận xuất xứ để làm thủ tục nhập khẩu cho những lần tiếp theo đối với số lượng hàng hóa còn lại, lập Phiếu theo dõi trừ lùi.	- Đối với các lô hàng nhập khẩu thông thường, cơ quan hải quan chấp nhận C/O cho lượng hàng hóa thực nhập, không được sử dụng C/O để làm thủ tục nhập khẩu cho lượng hàng hóa còn lại. - Việc trừ lùi C/O chỉ được áp dụng đối với C/O cấp cho hàng hóa đưa vào khu phi thuế quan (Kho ngoại quan...) và làm thủ tục hải quan tại một Chi cục Hải quan (đã được Tổng cục Hải quan hướng dẫn tại công văn số 2677/TCHQ-GSQL ngày 06/6/2011 và số 6973/TCHQ-GSQL ngày 20/11/2013). Ngoài ra, Tổng cục Hải quan sẽ có hướng dẫn đối với từng trường hợp cụ thể.
12	Điều 29: Kiểm tra thực tế hàng hóa		
12.1		Hiện nay, quy định tại Thông tư đối với hàng GC, SXXK rất thông thoáng: không phải thông báo định mức, thông báo mã nguyên vật liệu... Như vậy, trường hợp phải kiểm tra thực tế đối với hàng GC, SXXK thì công chức kiểm tra thực tế hàng hóa chỉ có thể xác định tên hàng, mã số, số lượng, xuất xứ; không có cơ sở xác định chất liệu, quy cách phẩm chất có phù hợp với nguyên liệu NK hay	Việc kiểm tra, đối chiếu thông tin khai báo xuất khẩu với định mức, nguyên vật liệu nhập khẩu của doanh nghiệp được thực hiện khi tiến hành kiểm tra tình hình sử dụng nguyên vật liệu tồn kho theo quy định tại Điều 59 của Thông tư. Do vậy, đối với hàng hóa xuất khẩu, khi thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa, đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Điều 29 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		không,...đặc biệt trong trường hợp kiểm hóa hộ. Đề nghị TCHQ hướng dẫn cụ thể để có cơ sở thực hiện.	
12.2	Khoản 2	Do quy định về tiêu chí, đặc thù của các Chi cục khó kiểm tra bằng máy soi như quy định. Đề nghị thực hiện theo công văn 3518/TCHQ-QLRR.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để quy định cụ thể tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo hướng chỉ thực hiện kiểm tra qua máy soi đối với các Chi cục Hải quan được trang bị máy soi.
12.3	Khoản 6	Trong trường hợp cơ quan hải quan trung cầu giám định hàng hóa ngoài ngành để quyết định việc thông quan thì nguồn kinh phí quyết toán trong trường hợp này được thực hiện như thế nào?	Tổng cục Hải quan ghi nhận và có hướng dẫn cụ thể.
13	Điều 32: Đưa hàng về bảo quản		
13.1		Đối với mặt hàng hóa chất nhập khẩu, do không xác định được tên hàng, mã số nên tiến hành gửi mẫu đến trung tâm PTPL để xác định. Việc PTPL này nhằm xác định tên hàng, mã số hàng hóa, đồng thời còn để xác định hàng hóa có được phép NK hay không. Tuy nhiên, trên cơ sở thực tế quản lý, đơn vị nhận thấy thời gian để thông báo kết quả PTPL khá lâu (thông thường phải từ 2 đến 3 tháng mới có kết quả, có những trường hợp lên đến trên 6 tháng). Đối với trường hợp này, trước đây theo quy định tại Điều 27 Thông tư 128/2013/TT-BTC ngày 10/9/2013 đơn vị đã giải quyết cho doanh nghiệp được đưa hàng về kho bảo quản chờ kết quả. Tuy nhiên, theo quy định hiện nay thì đối với trường hợp này doanh nghiệp phải để hàng hóa tại cửa khẩu	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ để hướng dẫn.

		trong khi chưa có kết quả PTPL. Việc lưu hàng hóa tại cửa khẩu sẽ phát sinh chi phí lưu kho bãi cho doanh nghiệp, do vậy để tạo điều kiện cho DN, đề nghị TCHQ xem xét trong trường hợp này doanh nghiệp được đưa hàng về kho bảo quản.	
13.2	Khoản 3	Theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC, mẫu đơn đề nghị đưa hàng hóa về bảo quản 09/BQHH/GSQL không thể hiện số tờ khai, tên hàng, vận đơn. Do vậy, cơ quan hải quan không có cơ sở xác định lô hàng doanh nghiệp đề nghị đưa hàng hóa về bảo quản và xử lý nếu doanh nghiệp vi phạm.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ Tài chính hướng dẫn theo hướng sửa đổi mẫu số 09/BQHH/GSQL để phù hợp với yêu cầu quản lý theo kiến nghị của các đơn vị.
13.3	Khoản 5	Đề nghị TCHQ hướng dẫn trường hợp xử lý các tờ khai xuất nhập khẩu không đủ điều kiện thông quan theo kết luận của cơ quan quản lý chuyên ngành trên Hệ thống VNACCS.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn trong Quy trình thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
13.4	Khoản 6	Quy định tại điểm c1; c2 khoản này được áp dụng đối với các hành vi vi phạm bị xử phạt kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. Được hiểu là toàn bộ các vi phạm của các doanh nghiệp về đưa hàng về bảo quản trước ngày 01/4/2015 được xóa bỏ. Do đó để thống nhất trong các đơn vị, đề nghị TCHQ có văn bản thông báo bãi bỏ toàn bộ thông báo của các Hải quan tỉnh thành phố trước đây, để thực hiện thống nhất.	Yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại Điều 32 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
13.5	Khoản 7	Nội dung này quy định trình tự, thủ tục kiểm tra việc bảo quản hàng hóa của doanh nghiệp. Tuy nhiên chưa quy định rõ việc tổ chức kiểm tra được thực	Khoản 7 Điều 32 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã quy định cụ thể trình tự, thủ tục kiểm tra. Yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định.

		hiện như thế nào? Phối hợp giữa các chi cục và Cục như thế nào?	
14	Điều 33: Giải phóng hàng		
14.1		Theo hướng dẫn khai báo tại Điểm 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC: + Tờ khai nhập khẩu: Tại chỉ tiêu thông tin mã lý do đề nghị ĐP (Tiêu chí 1.53): Trường hợp đề nghị giải phóng hàng trên cơ sở nộp thuế thì người khai hải quan khai đề nghị giải phóng hàng tại ô “Chi tiết khai trị giá”. + Tờ khai xuất khẩu: Chưa có hướng dẫn khai báo. Vướng mắc: Hiện chưa có hướng dẫn cụ thể thao tác xử lý đối với các trường hợp trên để có thể in được tờ khai nhập khẩu giải phóng hàng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Mặt khác, đối với trường hợp hàng xuất khẩu hiện cũng chưa có hướng dẫn khai báo và quy định về mẫu tờ khai xuất khẩu giải phóng hàng tại Thông tư. Đề nghị: Trong thời gian Tổng cục Hải quan chưa ban hành quy trình hướng dẫn cụ thể, đơn vị đề xuất như sau: Công chức sau khi kiểm tra đề nghị giải phóng hàng của doanh nghiệp (thể hiện tại ô “Chi tiết khai trị giá” đối với tờ khai nhập khẩu, ô “Ghi chú” đối với tờ khai xuất khẩu) và xử lý như sau: - Trường hợp hàng hóa không thuộc đối tượng được giải phóng hàng: Công chức thực hiện thông báo cho	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn cụ thể trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo hướng sử dụng văn bản đề nghị giải phóng hàng của người khai hải quan làm căn cứ thực hiện thủ tục hải quan.

		người khai hải quan bằng “Chỉ thị của hải quan” thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã A), đồng thời cập nhật lý do không chấp nhận cho giải phóng hàng vào Hệ thống. - Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng được giải phóng hàng: Đề xuất Lãnh đạo Chi cục cho phép giải phóng hàng trên Hệ thống. Sau khi được Lãnh đạo Chi cục phê duyệt, công chức thực hiện thông báo cho người khai hải quan quyết định cho phép giải phóng hàng tại ô “Chỉ thị của hải quan” trên tờ khai hải quan thông qua nghiệp vụ IDA01/EDA01 (mã B), sau đó cập nhật quyết định cho phép giải phóng hàng vào Hệ thống thông quan điện tử tập trung (e-Customs).	
14.2	Khoản 1 điểm a	Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, thì hàng hóa xuất khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai thuộc diện “Giải phóng hàng”. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 1 Điều 32 Nghị định 08 quy định các trường hợp Giải phóng hàng, gồm “Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai và người khai hải quan nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở giá do người khai hải quan tạm tính”. Như vậy, đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai có thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là 0%, thì có áp dụng điều kiện giải phóng hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 38 hay không;	Yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		khi có giá chính thức thì trình tự, thủ tục khai bổ sung thực hiện như thế nào? Đề nghị: Cho phép thông quan đối với trường hợp hàng hóa XNK có thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là 0% và chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai. Khi có giá chính thức, người khai hải quan khai bổ sung giá chính thức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm có giá chính thức theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC	
		Trường hợp hàng hóa xuất khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai thì người khai hải quan khai báo giá tạm tính và cơ quan Hải quan thực hiện giải phóng hàng. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giải phóng hàng thì người khai hải quan thực hiện khai báo trị giá hải quan bổ sung và nộp đủ thuế để thông quan theo quy định. Như vậy mâu thuẫn với quy định tại Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC quy định trị giá Hải quan đối với các trường hợp hàng xuất khẩu chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai (được chốt giá chính thức trong vòng 90 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai). Hỏi: Như vậy, đối với trường hợp này, cơ quan hải quan thực hiện thông quan hay giải phóng hàng?	Căn cứ quy định tại điểm a.1.4 khoản 1 Điều 33 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giải phóng hàng, người khai hải quan thực hiện khai báo trị giá hải quan trên tờ khai hải quan hoặc trên tờ khai bổ sung sau thông quan, xác định số thuế phải nộp và thông quan hàng hóa theo quy định. Như vậy, căn cứ vào quy định nêu trên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giải phóng hàng, cơ quan hải quan yêu cầu người khai hải quan thực hiện khai báo trị giá hải quan để thông quan hàng hóa. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giải phóng hàng mà người khai hải quan chưa có giá chính thức thì cơ quan hải quan thực hiện thông quan theo trị giá khai báo. Khi có giá chính thức, người khai hải quan thực hiện khai bổ sung theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
14.3	Khoản 2	Đề nghị TCHQ hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn cụ thể tại

		của cơ quan hải quan và doanh nghiệp. Khi khai hải quan, người khai hải quan không biết lô hàng có phải đi giám định, PTPL nên không thể khai thông tin giải phóng hàng trên tờ khai hải quan điện tử. Do vậy, khi phát sinh, người khai hải quan phải khai bổ sung gây mất thời gian cho doanh nghiệp và CQHQ trong việc xử lý. Đề nghị: doanh nghiệp có thể chọn khai bổ sung hoặc có văn bản đề nghị giải phóng hàng.	Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo hướng: chấp nhận thông tin khai bổ sung và văn bản đề nghị giải phóng hàng của người khai hải quan.
15	Điều 42: Thời hạn nộp thuế		
15.1	Khoản 1 điểm a.5	Người nộp thuế tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai đủ điều kiện được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày theo mẫu số 04/DKNT-SXXX/TXNK phụ lục VI. Doanh nghiệp kê khai mẫu số 04/DKNT-SXXX/TXNK cho từng tờ khai hay áp dụng cho nhiều tờ khai? Đề xuất:	
		1. Việc kê khai theo mẫu trên được thực hiện một lần áp dụng cho nhiều tờ khai.	1. Người nộp thuế chỉ kê khai theo mẫu 04/DKNT-SXXX/TXNK đối với các tờ khai lần đầu được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày. Các tờ khai tiếp theo nếu vẫn đáp ứng các điều kiện theo quy định thì không phải kê khai.
		2. Quy định này được áp dụng cho tất cả doanh nghiệp kể từ ngày 01/4/2015, kể cả những doanh nghiệp trước đây khi áp dụng Thông tư số 128/2013/TT-BTC đã đủ điều kiện áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày?	2. Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/4/2015, theo đó, tại điểm a khoản 1 Điều 42 Thông tư 38 về “Người nộp thuế tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai đủ điều kiện được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày theo mẫu số 04/DKNT-SXXX/TNTX” được áp dụng đối với tờ khai đăng ký từ ngày 1/4/2015 nếu người nộp thuế đủ điều

			kiện được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày. Các tờ khai đăng ký tiếp theo, người nộp thuế vẫn đủ điều kiện thì không phải kê khai mà tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
		3. Đối với những doanh nghiệp chỉ thuê mặt bằng sản xuất (bao gồm nhà xưởng), không có quyền sở hữu hợp pháp đối với máy móc, thiết bị hoặc có quyền sở hữu hợp pháp đối với máy móc, thiết bị phù hợp với nguyên vật liệu sản xuất thì có được áp dụng điều kiện ân hạn 275 ngày. Cơ sở nào để xác định quyền sở hữu hợp pháp đối với máy móc, thiết bị của doanh nghiệp.	3. Điểm a khoản 1 Điều 42 đã quy định rõ một trong các điều kiện được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày là <i>“Phải có cơ sở sản xuất trên lãnh thổ Việt nam: Có quyền sử dụng hợp pháp mặt bằng sản xuất, nhà xưởng (bao gồm cả nhà xưởng gắn liền trên đất đai); có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu”</i> Theo đó, người nộp thuế phải đáp ứng cả 2 tiêu chí: <i>Có quyền sử dụng hợp pháp mặt bằng sản xuất, nhà xưởng (bao gồm cả nhà xưởng gắn liền trên đất đai); có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với máy móc, thiết bị tại cơ sở sản xuất.</i> Việc xác định quyền sở hữu hợp pháp đối với máy móc thiết bị của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại điểm b.2 khoản 2 Điều 57 Thông tư 38/2015/TT-BTC
15.2	Khoản 1 điểm đ.3	Trường hợp không đáp ứng đủ một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản này (và không có bảo lãnh): người nộp thuế phải nộp đủ các loại thuế và tiền chậm nộp kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu đến ngày thực nộp thuế và bị xử phạt vi phạm theo quy định. Hỏi: Trường hợp doanh nghiệp không nộp thuế xuất khẩu ngoài thời hạn 275 ngày không gia hạn hoặc	Quy định tại điểm đ.3, Khoản 1, Điều 42 áp dụng đối với trường hợp cơ quan hải quan kiểm tra, phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện được áp dụng thời hạn nộp thuế 275 ngày (không áp dụng xử lý trong trường hợp xuất khẩu ngoài thời hạn 275 ngày). Việc xử lý đối với trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu ngoài thời hạn 275 ngày thực hiện theo quy định tại tiết đ2, điểm đ khoản 1 Điều 42 và tiết d.1, điểm d, khoản 2 Điều 129 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015

		không đủ điều kiện gia hạn thì tiền chậm nộp có tính không và tính như thế nào?	của Bộ Tài chính. Theo đó, về nguyên tắc nếu doanh nghiệp xuất khẩu ngoài thời hạn 275 ngày, không đủ điều kiện được gia hạn nộp thuế thì phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác nếu có theo quy định của pháp luật (trừ thuế GTGT thực hiện theo kết quả kiểm tra tại Điều 59). Việc chậm nộp thuế so với thời hạn quy định thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 133 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.
15.3	Khoản 3	Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý thuế được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 người nộp thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng. Hỏi: Hướng dẫn tại khoản 3 điều này đang mâu thuẫn với hướng dẫn tại khoản 1 Điều 42. Đề nghị TCHQ xem xét và có hướng dẫn cho phù hợp.	Khoản 1 Điều 42 Thông tư 38/2015/TT-BTC áp dụng đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để SXKK. Khoản 3 Điều 42 Thông tư 38/2015/TT-BTC áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu khác (không áp dụng đối với hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để SXKK và hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất). Như vậy, quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 42 là áp dụng cho 2 loại hình nhập khẩu khác nhau.
15.4	Khoản 4 điểm d	Quy định Hàng hóa được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, nhưng chưa được thanh toán thì thời hạn nộp thuế trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền từ ngân sách nhà nước thanh toán để nộp thuế. Căn cứ Điều 43 Luật sửa đổi bổ sung các Luật thuế số 71/2014/QH13 và Điều 31 Nghị định 83/2013/NĐ-CP thì không quy định tiếp tục gia hạn đối với trường hợp hàng hóa được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã hết thời hạn gia hạn nộp thuế nhưng chưa nộp đủ thuế do ngân sách chưa thanh toán. Hỏi: Xử lý thuế với trường hợp này trên hệ thống kế toán như thế nào?	Căn cứ khoản 4 Điều 5, khoản 3 Điều 6 Luật số 71/2014/QH13, khoản 8 Điều 5 Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015; khoản 8 Điều 133 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, trường hợp người nộp thuế cung ứng hàng hóa dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, nhưng chưa được thanh toán thì không thuộc đối tượng gia hạn nộp thuế, không cưỡng chế thuế và không phải nộp tiền chậm nộp trong thời gian ngân sách nhà nước chưa thanh toán. - Tổng cục Hải quan ghi nhận việc bổ sung chức năng theo dõi nợ thuế trên hệ thống kế toán tập trung đối với loại hình này.

16	Điều 43: Bảo lãnh số tiền thuế phải nộp		
		Đối với phần cập nhật thư bảo lãnh trên hệ thống KTT: tại phần nhập liệu chứng từ bảo lãnh chung và bảo lãnh riêng chưa thiết kế để nhập nội dung “thời hạn nộp thuế được bảo lãnh”, đề nghị bổ sung thêm nội dung này cho phù hợp với mẫu thư bảo lãnh theo TT 38/2015/TT-BTC. Hiện nay, Cục Hải quan TP. Hà Nội hướng dẫn các Chi cục ghi thời hạn nộp thuế được bảo lãnh vào ô “số ngày bảo lãnh”.	Để đảm bảo việc cập nhật thời hạn nộp thuế được bảo lãnh phù hợp với từng trường hợp (có số ngày bảo lãnh khác nhau), Hệ thống Kế toán tập trung đang thiết kế theo hướng mở, vì vậy, đề nghị đơn vị cập nhật thời hạn nộp thuế được bảo lãnh vào ô "số ngày bảo lãnh".
17	Điều 45: Thu nộp lệ phí hải quan		
17.1		Trước khi Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực thi hành, hàng hóa quá cảnh được khai báo trên mẫu tờ khai ban hành kèm theo Thông tư 186/2012/TT-BTC, việc nộp lệ phí quá cảnh (200.000 đồng) được thực hiện bằng cách dán tem lệ phí và ô quy định trên tờ khai giấy. Thực hiện theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC, hàng hóa quá cảnh phải khai báo vận chuyển độc lập trên hệ thống VNACCS. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống VNACCS không tự động cập nhật lệ phí quá cảnh chuyển vào hệ thống Kế toán tập trung như đối với trường hợp làm thủ tục cho tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu thương mại. Để việc quản lý thu, nộp lệ phí hàng hóa quá cảnh được thuận lợi, thống nhất, đề nghị Tổng cục Hải quan nâng cấp, bổ sung chức năng tự động cập nhật lệ phí hàng hóa quá cảnh chuyển vào hệ thống Kế toán tập	Ngày 26/5/2015, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 4743/TCHQ-TXNK hướng dẫn tạm thời cho phép dán tem vào phần dưới bên trái trang đầu tiên của tờ khai. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu, cập nhật nội dung công văn và thực hiện.

		trung đối với trường hợp khai báo vận chuyển độc lập trên VNACCS. Trước mắt, khi hệ thống chưa nâng cấp bổ sung chức năng này, đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc thu phí, dán tem đối với hàng quá cảnh khai báo vận chuyển độc lập. Đề nghị cho phép thực hiện in tờ khai vận chuyển trên hệ thống để dán tem lệ phí. Vì tờ khai vận chuyển có đầy đủ các tiêu chí, số tờ khai và các thông tin liên quan đến hàng hóa quá cảnh như tờ khai hàng hóa quá cảnh trước đây.	
17.2	Khoản 1	Theo quy định tại Thông tư số 172/2010/TT-BTC thì hàng hóa XNK tại chỗ không thuộc đối tượng phải nộp lệ phí hải quan. Tuy nhiên, mã loại hình không phân biệt được hàng XNK tại chỗ nên khó cho việc thu, nộp, quản lý. Tương tự, đối với trường hợp phải tách tờ khai thì quy định chỉ thu lệ phí hải quan của tờ khai hải quan đầu tiên nhưng hệ thống không phân biệt được tờ khai nhánh và vẫn tính lệ phí cho các tờ khai nhánh.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
18	Điều 46: Nộp thuế đối với hàng hóa phải phân tích, giám định		
		Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn về thời gian cụ thể (số ngày) doanh nghiệp phải thực hiện khai bổ sung sau khi có thông báo của cơ quan hải quan về kết quả phân tích, phân loại. Nếu sau thời gian này, doanh nghiệp không thực hiện khai bổ sung thì cơ quan hải quan ấn định thuế.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
19	Điều 50: Quy định về vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan		
19.1		Một số trường hợp hàng hóa vận chuyển chưa có quy định thì thực hiện như thế nào? (Hàng hóa XK,	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn tại Quy trình

		NK chuyển từ cảng này sang cảng khác, chi cục HQ này sang chi cục HQ khác, từ địa điểm kiểm tra tập trung đến cửa khẩu và ngược lại). Đề nghị: TCHQ có hướng dẫn và bổ sung các chức năng của hệ thống để doanh nghiệp và cơ quan hải quan xử lý tờ khai vận chuyển độc lập. Quy trình xử lý tờ khai vận chuyển, bộ phận nào thực hiện (giám sát hay đội thủ tục) vì ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp (thường xuyên làm ngoài giờ).	hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Việc phân quyền xử lý tờ khai do Chi cục trưởng Chi cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định đơn vị thực hiện.
19.2		Theo Điều 50 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, như vậy đối với các trường hợp là chủ địa điểm thu gom hàng lẻ, chủ kho hàng không kéo dài sẽ không đáp ứng được theo Điều 5 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định về Người khai hải quan là chủ hàng hóa hoặc Đại lý hải quan. Đề nghị TCHQ có hướng dẫn, có lộ trình cụ thể để Doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện.
20	Điều 51: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan		
20.1		Do đặc thù hàng nhập về khu vực Cái Mép được chuyển cảng về các ICD (chiếm khoảng 80%) nhưng hệ thống của Hải quan chỉ cho khai tối đa 5 vận đơn, trong khi đó mỗi 01 lô hàng nhập chuyển cảng của doanh nghiệp phải khai trên 100 vận đơn (hơn 20 tờ khai). Như vậy doanh nghiệp rất khó khăn trong việc khai báo và ảnh hưởng đến thời gian vận chuyển hàng nhập về các ICD để khách hàng lấy hàng.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện thống nhất.
20.2		Ngày 14/9/2009, Bộ Tài chính có Công văn	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn

12894/BTC-TCHQ hướng dẫn tạm thời thủ tục giám sát hàng hóa XK vận chuyển bằng container từ các cảng TP HCM, ICD ra các cảng thuộc cụm cảng Cái Mép - Thị Vải. thực hiện thống nhất.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp đến nộp hồ sơ giấy để làm thủ tục cho hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến cảng đích ghi trên vận đơn và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác bằng hồ sơ giấy theo Quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của TCHQ.

Theo quy định tại Điều 50, 51 thì doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục khai báo vận chuyển hàng hóa chịu sự giám sát hải quan trên Hệ thống.

Tuy nhiên hiện nay, các Chi cục Hải quan tại khu vực TPHCM, các Chi cục Hải quan khác làm thủ tục và chuyển hồ sơ đối với hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến cảng đích ghi trên vận đơn và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển từ địa điểm làm thủ tục hải quan này đến địa điểm làm thủ tục hải quan khác vẫn thực hiện bằng hồ sơ giấy theo công văn 12894/BTC-TCHQ và Quyết định số 2406/QĐ-TCHQ ngày 04/11/2011 của TCHQ và một số DN trình bày do hạ tầng chưa đáp ứng nên chưa thực hiện khai báo được trên Hệ thống. Do đó, đề nghị được thực hiện theo các văn bản nêu trên.

Đề nghị BTC (Tổng cục Hải quan) hướng dẫn để thống nhất thực hiện. Đồng thời thống kê các văn

		bản hướng dẫn đã hết hiệu lực khi Thông tư số 38/2015/TT-BTC được ban hành.	
20.3	Khoản 1	Hiện nay, triển khai Hệ thống thông tin một cửa quốc gia và Hệ thống e-Manifest, chứng từ vận tải đơn đã được kê khai trên Hệ thống và theo dạng điện tử. Do vậy, việc yêu cầu doanh nghiệp phải nộp thêm vận tải đơn là không cần thiết. Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, cho phép doanh nghiệp không phải nộp vận tải đơn (bản chụp) trong trường hợp đã khai báo trên Hệ thống cho cơ quan hải quan.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện thống nhất.
20.4	Khoản 1 điểm c1.2	Theo quy định trên thì người khai hải quan phải thực hiện khai hai lần, khai thông tin vận chuyển ban đầu và khai bổ sung thông tin số hiệu niêm phong hải quan, số chỉ hải quan. Theo chúng tôi, quy định như vậy chưa tạo thuận lợi, gây mất thời gian cho doanh nghiệp; mặt khác, việc niêm phong là trách nhiệm của cơ quan Hải quan trong công tác quản lý Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm bớt thủ tục khai báo, đồng thời vẫn đảm bảo cho công tác quản lý của cơ quan Hải quan, đơn vị đề xuất như sau: Bổ sung chức năng cho cơ quan Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi nhập thông tin số hiệu niêm phong, số chỉ hải quan để khi phê duyệt tờ khai vận chuyển phía Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến cập nhật đầy đủ thông tin đối với lô hàng, không yêu cầu người khai hải quan phải khai bổ sung những thông tin này. Đồng thời bổ sung chức năng thống kê hàng hóa vận	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện theo hướng cho phép công chức hải quan ghi trực tiếp số niêm phong hải quan lên tờ khai vận chuyển độc lập khi thực hiện niêm phong hải quan, không yêu cầu người khai hải quan phải khai bổ sung số hiệu niêm phong hải quan.

		chuyển và chức năng phân công tự động công chức kiểm tra để phù hợp với thực tế phát sinh tại mỗi Chi cục	
20.5	Khoản 2	Hệ thống VNACCS không hỗ trợ khai báo vận chuyển kết hợp đối với mã loại hình E56. Đề nghị: Tạm thời tham khảo công văn số 4177/TCHQ-VNACCS để tạm thời hướng dẫn cho các doanh nghiệp khai nội dung tiêu chí “Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế” vào Phần ghi chú trên bản khai tờ khai (ghi rõ thời gian, tuyến đường, nơi đi và nơi đến).	Điểm b khoản 2 Điều 51 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã quy định “Trường hợp Hệ thống không hỗ trợ khai báo thông tin vận chuyển kết hợp, người khai hải quan đề nghị hàng hóa được vận chuyển chịu sự giám sát hải quan tại tiêu chí "Phần ghi chú" trên tờ khai hải quan (ghi rõ thời gian, tuyến đường, nơi đi và nơi đến)". Yêu cầu các Chi cục Hải quan hướng dẫn người khai hải quan thực hiện theo đúng quy định.
20.6	Khoản 4	Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn nội dung tại điểm b.7 khoản 1 Điều 51.	Tổng cục Hải quan đã có công văn số 5324/TCHQ-GSQL ngày 10/6/2015 hướng dẫn Cục Hải quan tỉnh Đắk Lắk. Để đảm bảo việc thống nhất thực hiện chung, Tổng cục Hải quan ghi nhận và sẽ hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
21	Điều 52: Giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu		
21.1		Tại khoản 1 Điều 53 (cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu) Thông tư số 38/2015/TT-BTC có quy định: “Đối với hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu đường biển, đường hàng không, đường thủy nội địa, cảng chuyển tải, khu chuyển tải;... là tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan và được xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát trên Hệ thống”. Đồng thời tại khoản 1 Điều 52 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định việc xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát được thực hiện sau khi hàng hóa đưa vào khu vực kho, bãi, cảng để xếp lên	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn cho các trường hợp đặc thù.

		phương tiện vận tải. Tuy nhiên, do yếu tố đặc thù của Bến cảng Vạn Gia (cảng nổi, không có công cảng, không có kho và doanh nghiệp kinh doanh kho bãi) nên gây khó khăn cho cơ quan hải quan trong việc xác định thời điểm xác nhận hàng qua khu vực giám sát trên hệ thống. Đề nghị TCHQ hướng dẫn: Tại Bến cảng Vạn Gia, việc xác nhận hàng hóa đã qua khu vực giám sát trên Hệ thống được thực hiện sau khi hàng hóa đã được vận chuyển qua khu vực cửa khẩu xuất sang nước nhập khẩu.	
21.2	Khoản 1 điểm c4	Về việc giám sát đối với máy móc thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí có cảng đích là các cảng dầu khí ngoài khơi: Trước đây, ngày 05/2/2013, TCHQ đã ban hành Công văn số 800/TCHQ-GSQL v/v kiểm tra, giám sát hải quan đối với dầu thô XK, hàng hóa XNK phục vụ hoạt động dầu khí đi, đến các cảng dầu khí ngoài khơi, theo đó tại điểm 2, 3 công văn TCHQ hướng dẫn nội dung này. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn về việc giám sát hải quan đối với máy móc thiết bị nhập khẩu có cảng đích hoặc XK có cảng đi là các cảng dầu khí ngoài khơi. Đề nghị TCHQ hướng dẫn bổ sung nội dung này.	Tổng cục Hải quan đang dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 139/2013/TT-BTC, Thông tư số 70/2014/TT-BTC và bổ sung các quy định đối với hàng hóa xuất nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí, dầu thô xuất nhập khẩu quy định, theo đó sẽ điều chỉnh nội dung vướng mắc này, do vậy trước mắt yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện theo công văn số 800/TCHQ-GSQL.
21.3	Khoản 2 điểm a.1, điểm a.3	Việc quy định người khai hải quan cung cấp thông tin số tờ khai, danh sách container, danh sách hàng hóa là phù hợp. Tuy nhiên hải quan giám sát sẽ gặp khó khăn trong việc xác định doanh nghiệp hoặc đại	Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, người khai hải quan có nghĩa vụ "<i>cử người đại diện khi làm thủ tục hải quan và các thủ tục hành chính khác với cơ quan hải quan</i>". Nghĩa vụ này

		diện hợp pháp của doanh nghiệp để giải quyết thủ tục. Đề nghị TCHQ hướng dẫn khi doanh nghiệp hoặc người đại diện doanh nghiệp thực hiện giao dịch với cơ quan hải quan tại khu vực giám sát hải quan phải xuất trình các giấy tờ chứng minh là đại diện hợp pháp của doanh nghiệp (Giấy ủy quyền, giấy giới thiệu,...) theo như quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.	được thực hiện trong tất cả các bước của quy trình thủ tục hải quan, không phải chỉ tại khu vực giám sát hải quan.
21.4	Khoản 2 điểm d	Điều 52 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Công căn 2733/TCHQ- GSQL quy định doanh nghiệp khi làm thủ tục mang hàng qua khu vực giám sát, người khai hải quan xuất trình danh sách container/danh sách hàng hóa theo mẫu số 29/30/DSCT/GSQL phụ lục và Thông báo phê duyệt vận chuyển, Công chức giám sát xác nhận trên 3 mẫu trên, chuyển doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi cho phép hàng ra khỏi khu vực giám sát. Hàng hóa có Quyết định sai áp của cơ quan có thẩm quyền, hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp ... Chi cục Hải quan cửa khẩu căn cứ các chứng từ có liên quan do cơ quan có thẩm quyền ban hành để giám sát hàng hóa đưa ra khu vực giám sát hải quan. Với các trường hợp lô hàng có danh sách container/hàng hóa doanh nghiệp in trên hệ thống thì thuận lợi. Tuy nhiên theo quy định trên thì doanh nghiệp kinh doanh cảng sẽ tiếp nhận các chứng từ như mẫu số 29/30/DSCT/GSQL phụ lục, Thông báo phê duyệt vận chuyển, Quyết định sai áp của cơ quan có thẩm	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn cụ thể trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo hướng cơ quan hải quan lập Danh sách hàng hóa đủ điều kiện qua khu vực giám sát theo mẫu thống nhất để chuyển cho doanh nghiệp kinh doanh cảng giám sát hàng hóa.

		quyền, việc này gây khó khăn cho cơ quan kinh doanh cảng. Đề nghị quy định thống nhất chỉ sử dụng mẫu 29/30/DSCT/GSQL phụ lục để làm thủ tục ra khỏi khu vực giám sát (áp dụng cho: hàng xuất khẩu, nhập khẩu mở tờ khai hải quan; hàng vận chuyển độc lập; hàng có Quyết định sai áp của cơ quan có thẩm quyền, hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp...).	
21.5	Khoản 4	Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc Ban hành Quyết định tạm dừng đưa hàng hóa qua khu vực giám sát hải quan thực hiện như thế nào?	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
21.6	Khoản 4 điểm a	Quy định: "...nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hoặc nơi lưu giữ hàng hóa ban hành Quyết định tạm dừng đưa hàng qua KVGS hải quan theo mẫu số 11/QĐTDGS/GSQL ..." Tuy nhiên: - Thông tư không hướng dẫn cụ thể về thời hạn tạm dừng và lý do tạm dừng đưa hàng qua KVGS nên các Chi cục đang thực hiện không thống nhất. - Thông tư chưa có hướng dẫn mẫu Quyết định gia hạn việc tạm dừng trong trường hợp cơ quan hải quan cần gia hạn thêm thời gian - Quyết định tạm dừng theo mẫu số 11/QĐTDGS/GSQL không quy định rõ các việc doanh nghiệp phải thực hiện như: xuất trình hồ sơ, hàng hóa... dẫn đến việc doanh nghiệp khó thực hiện.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
22	Điều 53: Cơ sở để xác định hàng hóa xuất khẩu		

22.1	Đơn vị gặp một số vướng mắc như sau: - Bộ quy định phải có vận đơn có đảm bảo hàng hóa thực xuất khẩu hay không? - Nếu chỉ xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát trên Hệ thống thì các cơ quan khác thực hiện như thế nào? (cơ quan thuế, ngân hàng...). - Trường hợp hàng hóa mua bán giữa nội địa và khu PTQ, DNCX nếu không xác nhận giám sát thì việc theo dõi hàng hóa ra vào KCX thực hiện như thế nào? (DNCX nằm trong KCX).	- Yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại Điều 53 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. - Thông tin về tờ khai hải quan được cập nhật trên Hệ thống của cơ quan hải quan và các cơ quan khác được cơ quan hải quan cấp quyền truy cập để tra cứu thông tin tờ khai.. - Tổng cục Hải quan đang khảo sát quy hoạch các khu chế xuất và sẽ có hướng dẫn cụ thể sau.
22.2	Theo quy định, tờ khai xuất khẩu phải được hải quan cửa khẩu xác nhận hàng đã qua KVGS trên hệ thống (trừ tờ khai XNK tại chỗ, tờ khai giấy) để làm cơ sở xác định hàng hóa đã thực xuất khẩu. Để công tác quản lý đối với hàng xuất khẩu được chặt chẽ, kiến nghị TCHQ có văn bản chỉ đạo các Cục hải quan địa phương nơi có cửa khẩu xuất như sau: - Cần quy định rõ trách nhiệm, thời gian thực hiện của từng cá nhân, đơn vị hải quan cửa khẩu đối với công tác xác nhận hàng qua KVGS (ví dụ trường hợp hàng hóa xuất khẩu được đưa vào kho CFS cần quy định rõ trách nhiệm, thời gian phải thực hiện của hải quan kho CFS sau khi tiếp nhận thông tin lô hàng đã qua KVGS từ hải quan cửa khẩu xuất, đồng thời quy định trách nhiệm, thời gian phải thực hiện đối với hải quan cửa khẩu xuất từ khi tiếp nhận lô	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		hàng).	
		- Công chức hải quan được phân công xác nhận hàng đã qua KVGs trên hệ thống phải hoàn tất việc xác nhận cho các tờ khai xuất phát sinh trong ca trực trước khi bàn giao cho ca trực kế tiếp để tránh tồn đọng.	
22.3	Khoản 4	Quy định: “Riêng hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu đường bộ, đường sông là tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan và được xác nhận hàng hóa đã thực xuất khẩu”. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể về mẫu dấu xác nhận hàng hóa xuất khẩu.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
23	Điều 56: Thông báo cơ sở gia công, sản xuất xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị		
23.1	Khoản 1 điểm a	Doanh nghiệp thông báo CSSX, nơi lưu giữ nguyên liệu thông qua hệ thống bằng cách nào? Gửi file HYS? Hiện nay, Hệ thống chưa có chức năng xử lý những chứng từ này. Sau khi xử lý, công chức hải quan có phải in các chứng từ này để lưu kèm hồ sơ không vì việc truy xuất các chứng từ này trên hệ thống rất khó khăn và mất thời gian. Hiện nay, chưa có hướng dẫn thực hiện nội dung này. Đề nghị: TCHQ có hướng dẫn quy trình xử lý Thông báo cơ sở sản xuất trên hệ thống.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
		Thông báo cơ sở gia công; SXKK đối với doanh nghiệp đã và đang thực hiện 02 loại hình trên tại Chi cục (đã có biên bản kiểm tra CSSX trước đây), có phải thông báo lại ko? Tổ chức cá nhân thực hiện lần đầu: Nếu doanh nghiệp đã thực hiện Gia công; SXKK trước đây (quá 12 tháng), sau đó không làm tiếp mà vẫn thực hiện hoạt động XNK (kinh doanh),	- “Lần đầu” được hiểu là lần đầu tiên trên phạm vi toàn quốc và là đầu tiên tổ chức, cá nhân thực hiện loại hình này từ trước đến nay. - Về việc thông báo cơ sở sản xuất theo quy định tại thực hiện theo mẫu số 12/TB-CSXX/GSQL quy định tại Điều 56 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, khi có phát

		nay doanh nghiệp lại thực hiện loại hình GC; SXXK thì có coi là lần đầu không?	sinh thay đổi các thông tin trên bản thông báo thì trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải thông báo bổ sung cho cơ quan Hải quan.
23.2	Khoản 2	Khi doanh nghiệp thông báo cơ sở sản xuất trực tiếp hoặc thông qua hệ thống thì xử lý như thế nào? Có phải chờ cơ quan hải quan kiểm tra trước cơ sở sản xuất của doanh nghiệp thì doanh nghiệp mới được đăng ký tờ khai nhập khẩu hay không? Trường hợp không thông báo thì xử lý như thế nào? Hệ thống hiện tại không có chức năng cảnh báo doanh nghiệp đăng ký tờ khai trước khi kiểm tra cơ sở sản xuất. Trường hợp doanh nghiệp không thông báo cơ sở sản xuất nhưng đăng ký tờ khai thì xử lý như thế nào? Đề nghị: kiểm tra cơ sở sản xuất trước khi thực hiện đăng ký tờ khai nhập khẩu. Trường hợp doanh nghiệp không thông báo hoặc chưa kiểm tra cơ sở sản xuất mà doanh nghiệp đăng ký tờ khai thì xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định 08/2015/NĐ-CP.	Việc xử lý thông báo cơ sở sản xuất của doanh nghiệp sẽ được quy định cụ thể trong Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải thông báo cơ sở sản xuất trước khi thực hiện hoạt động gia công, SXXK. Việc tổ chức kiểm tra cơ sở sản xuất của doanh nghiệp được thực hiện sau khi nhận được thông báo của doanh nghiệp hoặc trong quá trình doanh nghiệp hoạt động gia công, SXXK.
23.3	Khoản 2 điểm c	Đối với trường hợp có yêu cầu hoàn thuế nêu tại điểm c.2, c.5 khoản 5 Điều 114 Thông tư số 38 thì doanh nghiệp phải thông báo cơ sở sản xuất trước khi nộp hồ sơ hoàn thuế, báo cáo quyết toán quy định tại Thông tư này. Doanh nghiệp thông báo cơ sở sản xuất thì CQHQ có phải kiểm tra cơ sở sản xuất trước khi thực hiện hoàn thuế hay không? Nếu kiểm tra cơ sở sản xuất thì trái với quy định của khoản 1 Điều 57 về các trường hợp kiểm tra cơ sở	Nếu thuộc các trường hợp phải kiểm tra cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 57 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra.

		sản xuất (không có quy định trường hợp này) Đề nghị: bổ sung trường hợp này vào các trường hợp kiểm tra cơ sở sản xuất.	
24	Điều 57: Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; năng lực gia công, sản xuất		
24.1	Khoản 1	Trường hợp cơ sở sản xuất thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác, nếu đã được cơ quan hải quan nơi có cơ sở sản xuất kiểm tra rồi thì Cơ quan hải quan thuộc tỉnh thành phố không có cơ sở sản xuất có yêu cầu doanh nghiệp phải thông báo cơ sở sản xuất để cơ quan hải quan kiểm tra cơ sở sản xuất nữa hay không? Đề nghị: Trường hợp đã kiểm tra thì không kiểm tra nữa. Cơ quan hải quan căn cứ vào biên bản kiểm tra cơ sở sản xuất hoặc Quyết định công nhận cơ sở sản xuất để thực hiện.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
24.2	Khoản 1 điểm c	Cơ quan hải quan sẽ quản lý hoạt động của cơ sở sản xuất này như thế nào nếu doanh nghiệp tăng giảm quy mô, thay đổi loại hình cơ sở sản xuất? Ví dụ: khi kiểm tra doanh nghiệp thông báo năng lực sản xuất là 500.000 sản phẩm/năm. Sau đó doanh nghiệp tiến hành NK nguyên liệu, vật tư để sản xuất, gia công. Theo quy định, doanh nghiệp không phải thông báo danh mục nguyên liệu, vật tư, không phải thông báo hợp đồng cho cơ quan hải quan. Bằng cách nào cơ quan hải quan biết doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư vượt quá năng lực sản xuất hoặc không đủ năng lực sản xuất để tiến hành kiểm tra? Đề nghị: TCHQ có hướng dẫn. Cho phép sử dụng hệ thống V5 và yêu cầu doanh nghiệp khai báo định mức, danh mục NL, VT để theo dõi trên hệ thống	Trách nhiệm của doanh nghiệp đã được quy định tại Điều 37 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, theo đó, doanh nghiệp phải thông báo khi có thay đổi về quy mô, loại hình. Việc kiểm tra doanh nghiệp khi có dấu hiệu nhập khẩu nguyên liệu, vật tư vượt quá năng lực sản xuất thực hiện trên cơ sở nội dung thông báo cơ sở sản xuất, phân tích thông tin xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Pháp luật không quy định doanh nghiệp thông báo định mức và danh mục nguyên liệu, vật tư cho cơ quan hải quan. Doanh nghiệp chỉ xuất trình khi cơ quan hải quan thanh tra, kiểm tra.

		của cơ quan hải quan.	
24.3	Khoản 2	Thẩm quyền ban hành Quyết định kiểm tra cơ sở sản xuất thuộc chi cục hay Cục? Việc kiểm tra do Cục hay Chi cục thực hiện? Đề nghị: làm rõ thẩm quyền ký quyết định kiểm tra cơ sở sản xuất (Chi cục hoặc Cục ủy quyền cho chi cục thực hiện) Trường hợp CSSX, nơi lưu giữ nguyên liệu nằm ở địa bàn tỉnh, thành phố khác với chi cục nơi thông báo hoạt động gia công thì thực hiện như thế nào? Có được phép nhờ hải quan địa phương khác kiểm tra hộ không? Nếu không khi đi kiểm tra có phải thông báo cho cục hải quan nơi có cơ sở sản xuất biết không? Đề nghị: phải thông báo và quy định việc kiểm hộ cơ sở sản xuất, gia công Về thẩm quyền ký quyết định, theo Điều 57 chỉ có biên bản kiểm tra, không hướng dẫn về việc ra kết luận kiểm tra do lãnh đạo chi cục ký. Kiến nghị Tổng cục xây dựng quy trình kiểm tra cơ sở sản xuất để thực hiện thống nhất. Đề nghị TCHQ ban hành Quy trình kiểm tra CSSX để các đơn	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC theo hướng quy định thẩm quyền ban hành Quyết định là Chi cục trưởng Chi cục Hải quan. Riêng nội dung báo cáo nơi lưu giữ nguyên liệu, Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ sửa Mẫu thông báo số 12/TB-CSSX/GSQL để hướng dẫn người khai hải quan.
			
		hải quan quản lý KCX sẽ kiểm tra cơ sở sản xuất doanh nghiệp nội địa tại nhiều địa phương khác nhau.	Điều 58 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

25.3	Khoản 1	Theo quy định tại Điều 50 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì hàng hóa từ kho ngoại quan đưa vào nội địa không thuộc đối tượng được chuyển cửa khẩu. Nếu hàng hóa NK phục vụ hợp đồng gia công doanh nghiệp lựa chọn và đã làm thủ tục nhập khẩu tại một chi cục hải quan không phải là chi cục hải quan quản lý kho ngoại quan thì việc chuyển cửa khẩu sẽ thực hiện như thế nào?	Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, người nhập khẩu thực hiện thủ tục hải quan tại Chi cục Hải quan quản lý doanh nghiệp thực hiện hoạt động gia công và khai báo tờ khai vận chuyển kết hợp.
26	Điều 59: Kiểm tra tình hình sử dụng tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu		
26.1		Khi phát hiện doanh nghiệp kê khai sản phẩm XK không đúng thì cơ quan hải quan có tiếp tục cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm hay không hay yêu cầu doanh nghiệp dừng lại chờ kiểm tra xong thì mới tiếp tục XK.	Thông tư không quy định việc cơ quan hải quan dừng làm thủ tục để chờ việc kiểm tra xác định vi phạm. Cơ quan hải quan xác định hành vi vi phạm và xử lý theo quy định.
26.2	Khoản 1	Quy định còn thiếu trường hợp kiểm tra đối với trường hợp kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế tại trụ sở của người nộp thuế theo quy định tại Điều 130 Thông tư số 38. Đề nghị bổ sung thêm trường hợp: e) Kiểm tra đối với trường hợp kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế tại trụ sở của người nộp thuế theo quy định tại Điều 130 TT38. Điểm d khoản 1 quy định: "Khi phát hiện tổ chức, cá nhân bán nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm vào nội địa nhưng không khai hải quan". Đề nghị TCHQ giải thích rõ hơn thế nào là không đúng quy định.	Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 Thông tư này, nội dung kiểm tra bao gồm "<i>kiểm tra hồ sơ hải quan, hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế (đối với trường hợp kết hợp kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế),...</i>". Như vậy, được hiểu rằng việc kiểm tra hoàn thuế, không thu thuế kết hợp việc kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho nếu như 2 việc kiểm tra này phát sinh cùng thời điểm. Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

26.3	Khoản 3	1. Nội dung này quy định: “<i>Cục trưởng Cục Hải quan ban hành Quyết định kiểm tra. Chỉ cục trưởng Chỉ cục Hải quan quản lý tổ chức thực hiện việc kiểm tra</i>” Tuy nhiên, Thông tư số 38/2015/TT-BTC không ban hành mẫu Quyết định kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế tại trụ sở người nộp thuế. Đề nghị: Để việc thực hiện thuận lợi, đề nghị sử dụng mẫu số 01/2015-KTSTQ để ban hành Quyết định kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế tại trụ sở người nộp thuế, đồng thời điều chỉnh nội dung cho phù hợp với nội dung kiểm tra theo quy định tại Điều 129, Điều 130 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. 2. Nếu kiểm tra theo Điều 59 thì hiện nay chưa có quy trình kiểm tra và các mẫu ấn chỉ liên quan. Đề nghị: Để việc thực hiện thuận lợi, đề nghị sử dụng mẫu số 01/2015-KTSTQ để ban hành Quyết định kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế tại trụ sở người nộp thuế, đồng thời điều chỉnh nội dung cho phù hợp với nội dung kiểm tra theo quy định tại Điều 129, Điều 130 Thông tư số 38/2015/TT-BTC	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
26.4	Khoản 4	Thời gian kiểm tra CSSX, tình hình sử dụng nguyên liệu vật tư, tồn kho trong 5 ngày rất khó thực hiện được, nhất là các doanh nghiệp có lượng hàng hóa XK, NK lớn. Đề nghị TCHQ có quy định những trường hợp đặc thù (áp dụng như trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan).	Theo quy định khoản 4 Điều 59, trong trường hợp phức tạp, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố ban hành Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc. Ngoài ra, việc kiểm tra được thực hiện trên cơ sở phân tích hồ sơ, xác định trọng tâm, trọng điểm nội dung kiểm tra.

			Tổng cục Hải quan yêu cầu đơn vị chủ động xây dựng, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ công chức thực thi, phù hợp với yêu cầu kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan.
26.5	Khoản 5	Theo quy định, thẩm quyền ban hành Quyết định kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu là Cục trưởng Cục Hải quan. Tuy nhiên, do địa bàn quản lý của một số đơn vị hải quan phức tạp nên gặp khó khăn trong việc luân chuyển hồ sơ từ Chi cục Hải quan về Cục Hải quan để ban hành Quyết định. Đề nghị: Cho phép phân cấp cho các Chi cục Hải quan trực thuộc ban hành Quyết định kiểm tra tình hình sử dụng nguyên vật liệu hoặc kiểm tra tồn kho nguyên liệu, vật tư tại trụ sở người khai hải quan. Quy định này buộc cơ quan hải quan phải thực hiện kiểm tra chậm nhất trước 05 ngày làm việc kể từ ngày gửi quyết định, doanh nghiệp sẽ bị giới hạn thời gian để chuẩn bị trong khi nội dung kiểm tra theo quy định rất nhiều, phức tạp dẫn đến công tác kiểm tra khó đạt hiệu quả. Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể.	Cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế để thực hiện ủy quyền theo quy định của pháp luật. Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
26.6	Khoản 6 điểm d	Đề nghị TCHQ hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền là cơ quan nào? Trong ngành hay ngoài ngành hải quan?	Đối với từng nội dung cần tham vấn, Cục Hải quan phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành để thực hiện.
26.7	Khoản 7	Sau khi thực hiện kiểm tra thì cơ quan hải quan phải thông báo kết luận kiểm tra và xử lý. Đối với trường hợp hoàn thuế thì cơ quan hải quan căn cứ vào văn bản nào để xác định là doanh nghiệp đã sử dụng số nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa XK và đã	Việc phân loại hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau, Bộ Tài chính có công văn số 7892/BTC-TCHQ ngày 15/6/2015 hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Về hướng dẫn kiểm tra trước hoàn thuế sau, Tổng cục

		xuất khẩu hết sản phẩm để hoàn thuế. Nếu căn cứ vào kết luận kiểm tra thì không đủ cơ sở vì kết luận kiểm tra không thể hiện rõ có bao nhiêu nguyên liệu, vật tư đã sử dụng; nguyên liệu, vật tư đó thuộc tờ khai nhập khẩu nào và tổng số tiền phải hoàn là bao nhiêu. Và trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều tờ khai nhập khẩu đã nộp thuế, nếu thực hiện kiểm tra trước hoàn thuế sau thì sẽ phát sinh công việc rất lớn và cơ quan hải quan không thể thực hiện được. Đề nghị TCHQ hướng dẫn kiểm tra trước hoàn thuế sau đối với loại hình sản xuất xuất khẩu, (chỉ thực hiện theo quản lý rủi ro hoặc áp dụng chương trình thanh khoản như trước đây).	Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
		Theo quy định, sau khi kiểm tra, công chức hải quan lập biên bản và xác định kết quả kiểm tra. Như vậy, có đảm bảo không? (hay phải có tờ trình, trình lãnh đạo chi cục xem xét?) Đề nghị TCHQ hướng dẫn nội dung này. Sau khi kiểm tra, công chức hải quan lập biên bản và có tờ trình, trình lãnh đạo chi cục xem xét, quyết định (áp dụng như kiểm tra cơ sở sản xuất).	Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu, thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư.
26.8	Khoản 8	Đề nghị TCHQ hướng dẫn việc xử lý kết quả kiểm tra và cập nhật vào Hệ thống.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
27	Điều 60: Báo cáo quyết toán		
27.1	Khoản 1	Theo quy định, định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người khai hải quan nộp báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và hàng hóa xuất khẩu trong năm tài chính cho cơ quan Hải	- Về nội dung thời điểm nộp báo cáo quyết toán: Đề nghị đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC. - Về nội dung kiểm tra và cập nhật số liệu báo cáo trên

	quan. Đối với loại hình sản xuất xuất khẩu thời hạn ân hạn thuế 275 ngày, nếu bắt doanh nghiệp phải chờ đến kết thúc năm tài chính mới báo cáo quyết toán trong khi thời hạn ân hạn thuế đã hết 275 ngày, người khai hải quan sẽ chịu phát sinh nợ thuế, phạt chậm trong khi người khai hải quan có thể quyết toán ngay không cần chờ đến kết thúc năm tài chính. Đề nghị: - Ngoài quy định chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính phải báo cáo quyết toán nên quy định bổ sung quyết toán thuế khi kết thúc hợp đồng hoặc hết thời hạn ân hạn thuế. - Đề nghị Tổng cục Hải quan ban hành quy trình hướng dẫn kiểm tra trên Hệ thống và cập nhật số liệu báo cáo quyết toán vào Hệ thống.	Hệ thống: Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
	Ngày kết thúc năm tài chính được quy định tại văn bản nào? Hiện nay, mỗi doanh nghiệp có ngày kết thúc năm tài chính khác nhau (31/12, 30/9, 31/3...)- Để biết ngày kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp thì doanh nghiệp có phải đăng ký hay thông báo cho cơ quan hải quan không? Thủ tục thông báo như thế nào? Theo dõi và quản lý như thế nào? Nếu không theo dõi và quản lý thì không thể xử lý doanh nghiệp nộp quá hạn báo cáo quyết toán theo Điều 65 TT38. Nếu quy định kiểm tra báo cáo quyết toán tại cùng thời điểm sẽ gây ùn tắc vào thời điểm đầu năm 2016.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		Đề nghị TCHQ có hướng dẫn: doanh nghiệp thông báo cho cơ quan hải quan biết ngày kết thúc năm tài chính (như đã đăng ký với cơ quan thuế). TCHQ xây dựng chương trình để theo dõi trên hệ thống.	
		Căn cứ theo công văn số 1301/TCHQ-GSQL ngày 2/3/2007, công văn 2003/TCHQ-GSQL ngày 29/4/2008, công văn số 573/TCHQ-GSQL ngày 6/2/2009, công văn số 4888/TCHQ-GSQL ngày 17/9/2012 thì định kỳ hàng tháng, các Cục Hải quan phải thực hiện báo cáo về Tổng cục Hải quan về tình hình tồn đọng hàng Gia công, sản xuất xuất khẩu. Hiện nay, thời hạn nộp báo cáo quyết toán theo Khoản 1 Điều 60 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì các Cục Hải quan có phải tiếp tục thực hiện báo cáo tình hình tồn đọng hàng Gia công, sản xuất xuất khẩu nữa hay không? Nếu có thì biểu mẫu có thay đổi không vì Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã thay đổi phần lớn cách thức quản lý đối với hàng Gia công, SXKK?	Tổng cục Hải quan ghi nhận và sẽ hướng dẫn việc xử lý tồn đọng và xây dựng biểu mẫu báo cáo mới.
		Quy định chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người khai hải quan phải nộp báo cáo quyết toán. Tuy nhiên, trong thực tế, đối với các trường hợp báo cáo quyết toán của doanh nghiệp kết thúc ngày 31/3/2015, doanh nghiệp phải nộp báo cáo quyết toán trước ngày 28/6/2015, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Đề nghị: để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thì cho phép doanh nghiệp chưa phải nộp báo cáo tài chính và thực hiện sau khi kết thúc năm tài chính 2015.	Đối với trường hợp này, doanh nghiệp báo cáo quyết toán trước ngày 28/6/2016.
27.2	Khoản 3	Quy định doanh nghiệp nộp báo cáo quyết toán theo nguyên tắc tổng trị giá nhập - xuất - tồn kho NVL,	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

	sản phẩm hoàn chỉnh theo mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL thông qua Hệ thống rất khó khăn trong việc quản lý. Cơ quan HQ theo dõi và xử lý như thế nào? Để xem xét, kiểm tra báo cáo cần phải có báo cáo chi tiết kèm theo, trong báo cáo chi tiết phải thể hiện từng loại nguyên liệu, vật tư theo danh mục như trước đây dựa trên định mức do doanh nghiệp xác định. Đề nghị TCHQ có hướng dẫn thực hiện quyết toán theo mẫu số 15 phụ lục V.	
	Về trị giá trong báo cáo quyết toán, quy định không nói rõ trị giá nguyên liệu và thành phẩm có bao gồm chi phí hay không. Nếu trị giá trên có bao gồm chi phí theo quy định của báo cáo kế toán thì không có ý nghĩa về quản lý của cơ quan hải quan Đề nghị TCHQ có hướng dẫn.	Trị giá trong báo cáo quyết toán là trị giá trên chứng từ sổ sách kế toán được lập theo nguyên tắc hướng dẫn tại Thông tư, không phải trị giá khai báo trên tờ khai hải quan. Báo cáo quyết toán là một trong những nội dung cơ quan hải quan xác minh sự tuân thủ của doanh nghiệp.
	Đối với các nguyên liệu, vật tư do doanh nghiệp tự cung ứng (tự sản xuất, mua nội địa, nhập khẩu theo loại hình kinh doanh...) thì có phải thực hiện báo cáo quyết toán hàng năm không? Nếu có thì thực hiện, theo dõi như thế nào? Đề nghị vẫn báo cáo quyết toán, doanh nghiệp lập sổ chi tiết theo dõi nguyên liệu, vật tư và nêu rõ nguồn gốc.	Đề nghị thực hiện lập báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại mẫu số 15/BCQT/GSQL Phụ lục V Thông tư này.
	Báo cáo quyết toán chỉ có 2 dòng, thể hiện 2 tài khoản 152 (nguyên liệu) và 155 (thành phẩm). Cơ quan hải quan không thể sử dụng báo cáo quyết toán để làm căn cứ kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư; kiểm tra lượng hàng hóa tồn kho hoặc để	Báo cáo quyết toán là một trong những nội dung cơ quan hải quan xác minh sự tuân thủ của doanh nghiệp. Theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 37 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai hải quan có trách

		làm thủ tục hoàn thuế, không thu thuế vì báo cáo quyết toán tính theo trị giá còn việc sử dụng nguyên liệu vật tư và hàng hóa tồn kho phải tính theo số lượng; khi kiểm tra phải kiểm đếm số lượng chứ không phải kiểm đếm trị giá. Việc hoàn thuế, không thu thuế cũng vậy; báo cáo quyết toán không chỉ rõ số lượng, trị giá nguyên liệu, vật tư nhập khẩu (theo tờ khai nhập khẩu nào) và số lượng, trị giá sản phẩm xuất khẩu (theo tờ khai xuất khẩu nào). Vì vậy, báo cáo quyết toán chỉ mang tính hình thức, không có ý nghĩa về mặt quản lý của cơ quan hải quan. CQHQ căn cứ vào số liệu nào để kiểm tra báo cáo quyết toán nếu doanh nghiệp không cung cấp đầy đủ số liệu. Đề nghị TCHQ có hướng dẫn.	nhiệm báo cáo quyết toán; cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan; giải trình các số liệu, quy trình liên quan đến hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khai không tuân thủ các quy định trên, cơ quan hải quan căn cứ vào mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.
27.3	Khoản 3 điểm a	Quy định như tại Thông tư chưa nêu rõ trường hợp mặt hàng là linh kiện, phụ tùng dùng để thay thế, sửa chữa nhập khẩu của DNCX có phải đưa vào Báo cáo xuất nhập tồn hay không?	Theo quy định, doanh nghiệp phải phản ánh đầy đủ hoạt động nhập khẩu linh kiện, phụ tùng thay thế, sửa chữa của DNCX trong hệ thống sổ sách kế toán và mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL cũng đã yêu cầu doanh nghiệp báo cáo cả thông tin liên quan đến nguyên liệu, vật tư và sản phẩm.
27.4	Khoản 5 điểm b.1.1	Việc kiểm tra Báo cáo quyết toán của tổ chức, cá nhân nộp lần đầu, Báo cáo quyết toán có sự chênh lệch bất thường về số liệu so với hệ thống của cơ quan hải quan sẽ thực hiện như thế nào?	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
27.5	Khoản 5 điểm b	Thẩm quyền kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, Báo cáo quyết toán là Cục trưởng. Đề nghị quy định trường hợp ủy quyền hoặc giao cho các chi cục báo cáo lãnh đạo cục phụ trách trực tiếp ký Quyết định.	Việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.
27.6	Khoản 5 điểm b.3	Quy định: “ <i>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và xử lý</i>	Việc kiểm tra được thực hiện trên cơ sở phân tích hồ

kết quả kiểm tra thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục kiểm tra tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị tại trụ sở người khai hải quan quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 59 Thông tư này”

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 thì cơ quan hải quan kiểm tra định mức thực tế sản phẩm xuất khẩu và các chứng từ liên quan đến việc xây dựng định mức.

Định mức thực tế để gia công, SX XK được quy định tại khoản 1 Điều 55 Thông tư gồm:

- + Định mức sử dụng nguyên liệu;
- + Định mức vật tư tiêu hao;
- + Tỷ lệ hao hụt nguyên liệu hoặc vật liệu;

Như vậy, đối với các doanh nghiệp trong một năm thực hiện nhiều hợp đồng gia công với nhiều sản phẩm xuất khẩu (VD: Công ty May 10 trong một năm thực hiện khoảng 18 hợp đồng gia công, mỗi hợp đồng có khoảng 500 mã sản phẩm, mỗi sản phẩm được cấu thành từ 18-20 mã nguyên liệu) thì không thể kiểm tra toàn bộ định mức sản phẩm xuất khẩu bằng phương pháp thủ công trong khoảng thời gian từ 5-10 ngày làm việc.

Đề nghị: Việc kiểm tra định mức sản phẩm xuất khẩu: chỉ kiểm tra xác suất trên từng hợp đồng gia công theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

sơ, xác định trọng tâm, trọng điểm nội dung kiểm tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

27.7	Việc kiểm tra xác định lượng XK trong kỳ phải căn cứ vào TKXK đã qua khu vực giám sát trên hệ thống. Để kiểm tra, công chức hải quan phải kiểm tra từng tờ khai, nhất là những doanh nghiệp có lượng tờ khai lớn, mất nhiều thời gian và công sức Đề nghị có chương trình cảnh báo hoặc kết xuất các tờ khai chưa có xác nhận của hải quan giám sát để thực hiện kiểm tra.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và bổ sung chức năng của Hệ thống để quản lý và sẽ hướng dẫn thực hiện khi hoàn thiện chức năng.
27.8	Đối với loại hình SXXK, thời hạn ân hạn thuế là 275 ngày, nếu thực hiện báo cáo quyết toán theo thời hạn trên thì sẽ gặp khó khăn trong việc xem xét thủ tục không thu thuế, hoàn thuế. Cơ quan hải quan không có căn cứ để kiểm tra đề nghị không thu thuế, hoàn thuế của doanh nghiệp vì không có số liệu để đối chiếu. Đề nghị có chương trình hỗ trợ kết xuất số liệu trong trường hợp doanh nghiệp XK, NK ở nhiều cửa khẩu, Chi cục khác nhau.	
27.9	Trường hợp doanh nghiệp nội địa gia công cho doanh nghiệp chế xuất chỉ thực hiện duy nhất 1 hợp đồng gia công (mở 1, 2 tờ khai nhập, xuất) sau đó không phát sinh hợp đồng gia công khác. Theo quy định nêu trên thì phải đến khi kết thúc năm tài chính doanh nghiệp mới thực hiện quyết toán, gây nhiều khó khăn cho công tác giám sát quản lý của cơ quan hải quan. Đề nghị: Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác, theo dõi quyết toán, trong trường hợp này đề nghị cho doanh nghiệp được thực hiện quyết toán ngay	Đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư.

		khi kết thúc hợp đồng.	
27.10		Theo hướng dẫn của TCHQ tại Công văn số 2733/TCHQ-GSQL ngày 31/3/2015, Chi cục hải quan phải hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện hợp đồng gia công, doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu sản xuất hàng XK, doanh nghiệp chế xuất thực hiện việc chốt tồn đầu kỳ đối với nguyên liệu, vật tư và hàng hóa XK theo mẫu số 15/BCQT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Qua quá trình hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện, nhận thấy: - Đối với hàng sản xuất xuất khẩu: Cơ quan hải quan hiện đang theo dõi theo số lượng NPL của từng tờ khai. - Đối với hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hợp đồng gia công: theo dõi theo số lượng NPL, vật tư của từng hợp đồng gia công. Tuy nhiên, trên mẫu số 15/BCQT/GSQL Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC chỉ có quyết toán theo trị giá VND cho cả hai loại hình trên và theo từng NPL không phân biệt tờ khai đối với hàng SXK và hợp đồng gia công. Do vậy, Chi cục không có cơ sở để đối chiếu số liệu chốt tồn với doanh nghiệp. Đề nghị TCHQ hướng dẫn để thống nhất thực hiện.	Theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, việc xây dựng báo cáo quyết toán được thực hiện trên cơ sở ghi nhận hoạt động này trên hệ thống sổ sách kế toán tại doanh nghiệp. Do vậy, số liệu chốt đầu kỳ theo báo cáo tại mẫu số 15, doanh nghiệp tự chốt theo hệ thống sổ sách kế toán và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác trước pháp luật. Cơ quan hải quan chỉ thực hiện kiểm tra, đối chiếu số liệu tại mẫu số 15 khi thực hiện kiểm tra báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 60 Thông tư này và các văn bản hướng dẫn (nếu có).
27.11		Việc kiểm tra báo cáo quyết toán: Đối với các đơn vị nhiều doanh nghiệp nhất là các đơn vị quản lý khu công nghiệp, khu vực SX, nhiều doanh nghiệp mới thành lập hoặc có hoàn thuế và không thu, nêu phải	Việc kiểm tra báo cáo quyết toán được thực hiện theo quy định tại Thông tư. Theo đó trách nhiệm của Chi cục quản lý phải có phân tích, đánh giá hoạt động của từng doanh nghiệp thuộc sự quản lý để đưa ra quyết

		kiểm tra báo cáo quyết toán sẽ mất nhiều thời gian và nhân lực đối với các đơn vị. Đề nghị hướng dẫn kiểm tra theo tiêu chí phân loại rủi ro (mặt hàng, doanh nghiệp...) hoặc có trường hợp chỉ kiểm tra tại trụ sở hải quan.	định kiểm tra báo cáo quyết toán phù hợp quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 60 (không phải trường hợp nào cũng kiểm tra).
28	Điều 64: Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn		
28.1		Do Thông tư không có quy định về việc Thông báo hợp đồng cho CQHQ nên không thể biết lúc nào HDGC kết thúc hoặc hết hiệu lực. Vì vậy, nếu DN không thực hiện đúng theo quy định thì giải quyết như thế nào?	Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng thì xử lý theo quy định của pháp luật.
28.2		Trường hợp doanh nghiệp kết thúc hợp đồng, chuyển sang hợp đồng gia công khác hoặc gia hạn hợp đồng thì thực hiện xử lý như thế nào? Doanh nghiệp phải xử lý xong mới thực hiện tiếp hợp đồng mới hay tiến hành cùng lúc? Đề nghị doanh nghiệp xử lý xong mới thực hiện tiếp hợp đồng mới.	Thông tư không có quy định về việc doanh nghiệp phải thực hiện xong hợp đồng này mới thực hiện hợp đồng khác. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu, thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư.
28.3		Trường hợp doanh nghiệp thông báo cho cơ quan hải quan phương án xử lý, bằng cách nào cơ quan hải quan biết là doanh nghiệp đã xử lý theo phương án thông báo chưa? (tái xuất theo tờ khai nào, chuyển tiếp sang hợp đồng mới nào, cho biểu tưng tờ khai nào, bán nội địa theo tờ khai nào hoặc tiêu hủy như thế nào?). Nếu không biết doanh nghiệp đã xử lý hay chưa thì không thể xử lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 65 được.	Theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì tất cả các phương án xử lý như tái xuất, chuyển tiếp sang hợp đồng khác, cho biểu tưng, bán nội địa đều phải làm thủ tục hải quan. Do vậy, về nguyên tắc thì hải quan phải biết doanh nghiệp đã thực hiện xử lý nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm hay chưa. Yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổ chức theo dõi chặt chẽ các thủ tục này để làm cơ sở xử lý các công việc tiếp theo.

28.4	Khoản 1 điểm a	Trên thực tế, có một số trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu kéo dài thời gian nộp phương án giải quyết nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị như sau: a) Đã sản xuất thành phẩm gia công nhưng chưa xuất kịp, cần phải gia hạn thời gian xuất khẩu (không tiếp tục nhập nguyên liệu). b) Số lượng tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu quá lớn, hoặc có nhiều HĐGC hết hạn cùng một thời điểm, DN không thể hoàn thành phương án xử lý trong thời gian 15 ngày theo quy định. c) Đối tác thuê gia công không có nhu cầu ký HĐGC mới mà chỉ thỏa thuận kéo dài thời gian xuất khẩu sản phẩm gia công phù hợp với nguyên liệu, vật tư đã nhập khẩu để kết thúc hợp đồng gia công. d) Trì hoãn xuất khẩu do đang trong quá trình giải quyết tranh chấp kinh tế của Tòa án. e) Trì hoãn xuất khẩu do sự thay đổi của chính sách nhập khẩu của Chính phủ nước nhập khẩu. f) Một số loại hình gia công đặc thù (đóng tàu, lắp ráp động cơ điện, động cơ thủ vv...) có nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng. Đề nghị: Đối với trường hợp a), để giải quyết nhu cầu XK của DN, căn cứ vào khoản 4 Điều 64 “Đối với HĐGC có cùng đối tác đặt gia công và cùng đối tác nhận gia công, tổ chức, cá nhân được bù trừ nguyên liệu cùng chủng loại, cùng quy cách, phẩm	Nội dung trình bày vướng mắc của đơn vị chưa rõ ràng nên Tổng cục Hải quan chưa có cơ sở giải quyết Các trường hợp còn lại, đề nghị gửi đầy đủ hồ sơ cụ thể để Tổng cục Hải quan có căn cứ hướng dẫn.
------	----------------	---	---

		chất”, đề nghị giải quyết cho DN được phép sử dụng NL, VT còn tồn của HĐGC hết hiệu lực để xuất khẩu sang HĐGC còn hiệu lực nếu phù hợp với quy định trên. DN phải cam kết sẽ nộp phương án giải quyết NL, VT, MMTB còn tồn đúng thời gian quy định. Đối với các trường hợp còn lại, đề nghị TCHQ có hướng dẫn thực hiện.	
		Thông tư chưa có quy định: Tổ chức, cá nhân <i>phải thông báo việc đã thực hiện xong thủ tục hải quan</i> đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa... cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục quyết toán để làm căn cứ xử lý theo Khoản 2 Điều 65 Thông tư.	Theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Thông tư, việc xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị, phế liệu, phế phẩm đều phải thực hiện thủ tục hải quan hoặc thông báo cho cơ quan hải quan (đối với trường hợp tiêu hủy). Do vậy, cơ quan hải quan luôn biết được thời điểm doanh nghiệp thực hiện việc xử lý trên, không cần yêu cầu doanh nghiệp thông báo.
28.5	Khoản 1 điểm b	Tại mẫu số 17/XL-HĐGC/GSQL Phụ lục V Thông tư lại có nội dung quy định là: “Chúng tôi cam kết chậm nhất 30 ngày kể từ ngày được Chi cục Hải quan... đồng ý sẽ làm xong thủ tục xử lý nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị theo quy định của pháp luật”; và trên biểu mẫu có phần ý kiến của Chi cục nơi quyết toán hợp đồng gia công, lãnh đạo Chi cục phải có ý kiến và ký tên đóng dấu trên bản thông báo xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn; phế liệu, phế phẩm. Như vậy, Công văn số 2733/TCHQ-GSQL ngày 31/3/2015 hướng dẫn không yêu cầu doanh nghiệp làm thủ tục phê duyệt văn bản nhưng tại biểu mẫu số 17/XL-HĐGC/GSQL lại yêu cầu Chi cục Hải quan phê duyệt, dẫn tới mâu thuẫn.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
28.6	Khoản 3 điểm d	Quy định tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm trái với Nghị định 187/2013/NĐ-CP. Quy định	Do cơ quan hải quan giám sát việc tiêu hủy trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro nên quy định này không trái với Nghị định số 187/2013/NĐ-CP.

		này còn chung chung, chưa chặt chẽ. Đề nghị TCHQ hướng dẫn chi tiết vì việc này có liên quan đến việc xem xét không thu thuế đối với hàng hóa được tiêu hủy.	
28.7		Quy định DN chỉ thông báo phương án xử lý qua hệ thống và làm thủ tục chuyển tiếp đối với NL, VT, MMTB sang HĐGC khác, cơ quan hải quan không kiểm tra đối chiếu nên đã xảy ra trường hợp: sau khi nộp phương án xử lý, DN đã thực hiện hoàn tất thủ tục chuyển tiếp một thời gian thì DN có công văn xin điều chỉnh số liệu chuyển tiếp do nhầm lẫn. Đề nghị bổ sung thêm hành vi vi phạm này vào Nghị định 127/2013/NĐ-CP do các thủ tục thông báo mã nguyên liệu, vật tư, mã sản phẩm, định mức đã bị bãi bỏ, cho nên cơ quan hải quan không có cơ sở xem xét cho DN khai bổ sung. Những trường hợp vi phạm về chuyển tiếp nguyên liệu, vật tư, MMTB phát hiện được sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển tiếp nếu ảnh hưởng đến thuế thì xử lý như trường hợp gian lận thuế, buôn lậu.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, bổ sung hành vi bị xử phạt trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 127/2013/NĐ-CP.
28.8		Mẫu 17/XL-HĐGC có nội dung sai so với quy định (chậm nhất 30 ngày kể từ ngày được chi cục hải quan đồng ý). DN chỉ thông báo, cơ quan hải quan không thực hiện xem xét, đồng ý hay không đồng ý. Đề nghị TCHQ sửa lại mẫu 17/XL-HĐGC.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ sửa đổi mẫu số 17/XL-HĐGC để phù hợp với quy định. Trong thời gian này, Tổng cục Hải quan sẽ hướng dẫn cách thức xử lý trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
28.9		DN không mở được tờ khai đối với trường hợp máy móc thiết bị gia công chuyển tiếp vì hệ thống yêu cầu DN phải làm thủ tục xuất trước khi làm thủ tục	Nội dung hướng dẫn việc chuyển tiếp thiết bị, máy móc từ hợp đồng này sang hợp đồng khác hoàn toàn phù hợp với quy định xuất nhập khẩu tại chỗ (xuất trước, nhập sau), cụ thể: Khi thực hiện sẽ là thực hiện xuất

		nhập (khai mã loại hình G13 và G23). Đề nghị TCHQ có hướng dẫn về mã loại hình khai báo đối với trường hợp này hoặc sửa lại hệ thống.	khai tại chỗ theo mã G23 trước và nhập khẩu tại chỗ theo mã G13 sau. Trường hợp G13 đầu vào không thực hiện trên hệ thống VNACCS thì việc tái xuất G23 sẽ được thực hiện trên tờ khai giấy.
28.10	Khoản 5	Đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa đã nhập khẩu để gia công không quá 3% tổng lượng nguyên liệu, vật tư thực nhập khẩu thì khi bán, tiêu thụ nội địa không phải làm thủ tục hải quan chuyển đổi mục đích sử dụng nhưng phải kê khai nộp thuế với cơ quan thuế nội địa theo quy định của pháp luật về thuế. Tuy nhiên theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 34 Nghị định 187/2013/NĐ-CP và điểm d khoản 4 Điều 103 Thông tư số 38/2015/TT-BTC chỉ quy định đối với phế liệu, phế phẩm, phế thải nằm trong định mức sử dụng. Như vậy, giữa quy định tại Điều 64 và Điều 103 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Điều 34 Nghị định 187/2013/NĐ-CP là chưa rõ?	Quy định trên áp dụng đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa, không áp dụng đối với phế liệu, phế phẩm. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định.
29	Điều 65: Xử lý quá hạn nộp báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và quá thời hạn làm thủ tục hải quan đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị thuê, mượn khi hợp đồng gia công kết thúc hoặc hết hiệu lực thực hiện		
29.1	Khoản 1 Điểm a	Theo quy định, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo quyết toán mà người khai hải quan không nộp báo cáo quyết toán thì cơ quan Hải quan sẽ xử lý theo quy định tại Điều 65. Đề nghị: - Đối với loại hình sản xuất xuất khẩu và hàng hóa đăng ký danh mục miễn thuế: không quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp báo cáo quyết toán mà người khai hải quan không nộp báo	Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động gia công, SXKK, DNCX là phải nộp báo cáo quyết toán chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc xử lý quá thời hạn nộp báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 65 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		cáo quyết toán thì cơ quan Hải quan sẽ xử lý theo các quy định tại Điều 65 giống như loại hình gia công mà thực hiện kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp. - Cả 3 loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu và danh mục miễn thuế đều giống nhau về thời gian báo cáo quyết toán (90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính) nhưng loại hình gia công thì cách kiểm tra khác với loại hình sản xuất xuất khẩu và danh mục miễn thuế. Do vậy, đề nghị đối với loại hình sản xuất xuất khẩu và danh mục miễn thuế cũng áp dụng như loại hình gia công. Quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn báo cáo quyết toán, Cục Hải quan có văn bản mời người khai hải quan đến làm việc và xử lý tuân tữ theo Điều 65 trước khi quyết định kiểm tra sau thông quan.	
29.2	Khoản 1 Điểm b.2	Theo quy định, đối với tổ chức, cá nhân bỏ trốn, mất tích thì hoàn chỉnh và chuyển toàn bộ hồ sơ hải quan cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra về tội buôn lậu, trốn thuế theo Bộ Luật hình sự. Quy định này là kế thừa của Thông tư 13/2014/TT-BTC, Chi cục Hải quan không thực hiện được và trong quá trình thực hiện đã báo cáo Tổng cục Hải quan do:	
		- Để hoàn chỉnh hồ sơ chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm hình sự thì phải xác định đối tượng đã xâm phạm số tiền thuế là bao nhiêu? Đã thực hiện đầy đủ các bước cưỡng chế theo Luật Quản lý thuế hay chưa?	- Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC
		- Thông tư số 38 đã quy định về ấn định thuế theo Điều 48 nhưng chưa hướng dẫn trường hợp người khai hải quan thực hiện gia công, bỏ trốn, mất tích.	- Doanh nghiệp không quyết toán và qua xác minh đã bỏ trốn, mất tích thì Chi cục Hải quan trên hồ sơ hiện có, xác định lượng nguyên liệu nhập khẩu không còn

		Trong khi Điều 33 Nghị định 83/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định các trường hợp ấn định thuế, trong đó có: “e) có dấu hiệu bỏ trốn hoặc phát tán tài sản để không thực hiện nghĩa vụ thuế”. Như vậy, những trường hợp người khai hải quan thực hiện hợp đồng gia công, không thực hiện báo cáo quyết toán và qua xác minh đã bỏ trốn, mất tích thì thuộc đối tượng phải ấn định thuế.	trong kho và lượng hàng hóa đã xuất khẩu để chuyển lực lượng chống buôn lậu xử lý tiếp. Nội dung này Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
29.3		Chưa có quy định về việc xử phạt đối với hành vi không nộp, nộp chậm báo cáo quyết toán. Đề nghị bổ sung hành vi không nộp hoặc nộp chậm báo cáo quyết toán để xử lý theo quy định.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, bổ sung hành vi bị xử phạt trong Nghị định sửa đổi Nghị định số 127/2013/NĐ-CP.
30	Điều 71: Thủ tục xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa		
30.1	Khoản 2	Tại Điều 55 điểm c định nghĩa: “<i>Định mức thực tế để gia công, sản xuất sản phẩm xuất khẩu gồm:</i> a) <i>Định mức sử dụng nguyên liệu là lượng nguyên liệu cần thiết, thực tế sử dụng để sản xuất một đơn vị sản phẩm;</i> b) <i>Định mức vật tư tiêu hao là lượng vật tư tiêu hao thực tế để sản xuất một đơn vị sản phẩm;</i> c) <i>Tỷ lệ hao hụt nguyên liệu hoặc vật tư là lượng nguyên liệu hoặc vật tư thực tế hao hụt bao gồm hao hụt tự nhiên, hao hụt do tạo thành phế liệu, phế phẩm tính theo tỷ lệ % so với định mức thực tế sản xuất hoặc so với định mức sử dụng nguyên liệu hoặc định mức vật tư tiêu hao. Trường hợp lượng</i>	Phế liệu, phế phẩm nằm trong, nằm ngoài định mức thực tế do doanh nghiệp tự xác định. Cơ quan hải quan căn cứ vào định mức do doanh nghiệp xây dựng để xác định định mức thực tế.

		phế liệu, phế phẩm đã tính vào định mức sử dụng hoặc định mức vật tư tiêu hao thì không tính vào tỷ lệ hao hụt nguyên liệu hoặc vật tư.” Căn cứ vào định nghĩa tại Điều 55 thì hao hụt tự nhiên, hao hụt do tạo thành phế liệu, phế phẩm nằm trong định mức thực tế. Đề nghị TCHQ có hướng dẫn cụ thể (phế liệu, phế phẩm nằm ngoài định mức thực tế) để bộ phận kiểm tra quyết toán có cơ sở thực hiện kiểm tra doanh nghiệp.	
30.2		Thực tế đối với phế liệu, phế phẩm, doanh nghiệp không thể xác định được tờ khai nhập khẩu ban đầu để kê khai khi làm thủ tục thay đổi mục đích sử dụng. Đề nghị TCHQ có hướng dẫn đối với trường hợp này doanh nghiệp không phải kê khai số tờ khai nhập khẩu.	Khoản 2 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định các hình thức xử lý đối với phế liệu, phế phẩm, bao gồm: bán tại thị trường Việt Nam; xuất khẩu trả ra nước ngoài; chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác tại Việt Nam; biếu, tặng tại Việt Nam; tiêu hủy tại Việt Nam. Nội dung không bao gồm việc thay đổi mục đích sử dụng.
31	Điều 72: Thủ tục tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm		
		Quy định tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm tại Việt Nam còn chung chung, chưa cụ thể cho nên dễ xảy ra tình trạng thực hiện không thống nhất giữa hải quan và doanh nghiệp. Đề nghị có quy định rõ vì việc này có liên quan đến việc xem xét không thu thuế đối với hàng hóa được tiêu hủy. Đề nghị TCHQ có hướng dẫn cụ thể hơn.	Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, căn cứ vào thông báo phương án sơ hủy, tiêu hủy nguyên liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm, cơ quan hải quan giám sát việc tiêu hủy theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan căn cứ từng trường hợp cụ thể bố trí công tác giám sát tiêu hủy đảm bảo thực hiện các thủ tục tiếp theo (bao gồm cả các thủ tục liên quan đến thuế).
32	Điều 74: Nguyên tắc chung		
		Không đề cập đến trường hợp tiêu hủy phế liệu, phế	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ hướng dẫn

		phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất, gia công của DNCX mà chỉ hướng dẫn đối với trường hợp tiêu hủy máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên tạo TSCĐ khi thanh lý (Điều 79). Vậy cơ quan hải quan có thực hiện việc giám sát tiêu hủy phế liệu, phế phẩm, phế thải phát sinh trong quá trình sản xuất, gia công của DNCX như trước hay không?	thực hiện theo hướng: thực hiện như đối với loại hình gia công quy định tại Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
33	Điều 76: Thủ tục hải quan đối với trường hợp DNCX thuê doanh nghiệp nội địa gia công, DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp nội địa. DNCX thuê DNCX khác gia công		
	Khoản 3	Trường hợp 2 DNCX ở 2 KCX khác nhau nếu không làm thủ tục thì việc theo dõi, quản lý rất khó khăn, không có cơ sở để giải quyết đưa hàng hóa ra vào KCX. Đề nghị: DNCX được lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện thủ tục hải quan (trường hợp 2 DN trong cùng KCX) DNCX phải thực hiện thủ tục hải quan (trường hợp 2 DNCX ở 2 KCX khác nhau).	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ theo hướng thống nhất quản lý chung đối với DNCX nằm trong và ngoài khu chế xuất.
34	Điều 82: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất		
34.1	Khoản 3 điểm b	Tại Điểm b Khoản 3 Điều 82 Thông tư số 38/2015/TT-BTC có quy định: “ <i>Trường hợp thay đổi cửa khẩu tái xuất đã khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu nhưng không thay đổi phương thức vận chuyển thì người khai hải quan có văn bản đề nghị gửi Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai, nếu được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan phê duyệt thì công chức hải quan thực hiện chuyển địa điểm giám sát trên Hệ thống. Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi đang</i>	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		lưu giữ hàng hóa lập biên bản bàn giao và niêm phong hàng hóa để chuyển đến Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất”. Do đặc thù tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu đường bộ thuộc Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh ngoài cửa khẩu còn có các điểm xuất hàng (điểm thông quan). Cụ thể: Chi cục Hải quan cửa khẩu Móng Cái quản lý cửa khẩu quốc tế Bắc Luân, cửa khẩu Ka Long và 4 điểm xuất hàng (Địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu Lục Lâm; Địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu km3+4; Điểm xuất hàng Lục Chấn; Điểm xuất hàng Đại Vai); Chi cục Hải quan cửa khẩu Hoành Mô quản lý cửa khẩu Hoành Mô và 4 điểm xuất hàng (Địa điểm kiểm tra hàng xuất khẩu Đồng Văn; Điểm xuất hàng khu vực Mốc 1306; Điểm xuất hàng khu vực Mốc 1326; Điểm xuất hàng khu Nà Kép; Điểm xuất hàng tại Mốc 1302/2); Chi cục Hải quan Bắc Phong Sinh quản lý cửa khẩu Bắc Phong Sinh và 2 điểm xuất hàng (Điểm xuất hàng khu vực Mốc 1342+300; Điểm xuất hàng khu vực Mốc 1344(2)+500). Khi làm thủ tục tái xuất doanh nghiệp khai cụ thể “Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế” trên tờ khai xuất khẩu, trong khi việc tái xuất hàng hóa qua từng địa điểm và thời gian phụ thuộc phía đối tác nước ngoài (Trung Quốc). Nếu thực hiện như quy định trên, sẽ gây khó khăn và làm mất cơ hội của doanh nghiệp khi tái xuất hàng hóa sang biên giới.	
34.2	Khoản 3	Tại khoản 3 Điều 82 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã quy định trường hợp thay đổi cửa khẩu tái xuất đã khai trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu. Nhưng chưa hướng dẫn cụ thể trong trường hợp đã tái xuất một	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		phần của lô hàng, doanh nghiệp xin chuyển phần còn lại sang tái xuất tại cửa khẩu khác. Đề nghị TCHQ hướng dẫn.	
34.3	Khoản 5	Tại Khoản 5 Điều 82 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định: <i>Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất (bao gồm các trường hợp đã hoàn thành thủ tục tạm nhập hoặc đã hoàn thành thủ tục tái xuất; chờ thực xuất) được lưu giữ tại một trong các địa điểm, sau:</i> a) Khu vực chịu sự giám sát hải quan tại cửa khẩu; b) Cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa hoặc kho ngoại quan tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất; c) Kho, bãi của thương nhân thuộc địa bàn hoạt động hải quan đã được Bộ Công Thương cấp mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất. Trong khi tại điểm a1 Khoản 1 Điều 83 cũng quy định: “<i>Hàng hóa đang được lưu giữ tại các địa điểm quy định tại khoản 5 Điều 82 Thông tư này hoặc các điểm thông quan; địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới</i>”. Với quy định như trên được hiểu Khu vực chịu sự giám sát hải quan tại cửa khẩu không bao gồm các điểm thông quan; địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới. ” Tại một số cửa khẩu trên biên giới đường bộ, ngoài khu vực cửa khẩu còn có các điểm thông quan; địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới chịu	Đối với việc lưu giữ hàng hóa tại các điểm thông quan; địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn. Hiện tại, yêu cầu các đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư.

		sự giám sát của hải quan và từ trước đến nay vẫn được lưu giữ hàng hóa chờ tái xuất. Vì tại khu vực cửa khẩu chật hẹp, không có đủ mặt bằng để lưu giữ hàng hóa, đề nghị Tổng cục Hải quan cho phép hàng hóa đã hoàn thành thủ tục tái xuất được lưu giữ tại các điểm thông quan; địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới tại cửa khẩu xuất.	
34.4	Khoản 7	Thủ tục hải quan chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư này. Đề nghị TCHQ hướng dẫn.	Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau: Thủ tục hải quan chuyển tiêu thụ nội địa thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 38/2015/TT- BTC.
35	<i>Điều 84: Quản lý theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập, tái xuất, tạm xuất tái nhập</i>		
35.1	Khoản 2	Theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, các phương tiện chứa hàng quay vòng tạm nhập tái xuất trong thời hạn tạm nhập chưa phải nộp thuế. Chi cục hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập tái xuất theo dõi, quản lý lượng hàng trên hệ thống. Khi thực hiện khai trên VNACCS, doanh nghiệp nhập mã “C” tại ô mã thời hạn nộp thuế. Tuy nhiên, hiện tại, trên Hệ thống VNACCS, đối với loại hình TNTX không cho nhập tại ô mã thời hạn nộp thuế nên cơ quan hải quan và doanh nghiệp không theo dõi được thời hạn nộp thuế trên Hệ thống. Đề nghị TCHQ sớm hoàn thiện Hệ thống để phù hợp với quy định	Theo hướng dẫn tại công văn số 2765/TCHQ-GSQL ngày 01/4/2015, các phương tiện chứa hàng quay vòng tạm nhập tái xuất được khai báo dưới chế độ tạm (G14 và G24), trong đó phải khai báo cụ thể thời hạn tạm nhập tái xuất. Yêu cầu các đơn vị tiến hành rà soát thời hạn tạm nhập tái xuất trên Hệ thống (thông qua nghiệp vụ ITI) làm căn cứ để xác định thời hạn nộp thuế.
		Quy định: “Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm	Trường hợp đã bị cơ quan hải quan xử lý vi phạm hành

	nhập, tạm xuất theo dõi, quản lý lượng hàng tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập trên Hệ thống. Quá thời hạn tạm nhập, tạm xuất đã đăng ký với cơ quan hải quan nhưng chưa làm thủ tục tái xuất, tái nhập hoặc chưa thực hiện việc gia hạn thời gian tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập thì cơ quan hải quan thực hiện việc ấn định thuế (nếu có). Quy định này có áp dụng đối với các tờ khai đăng ký trước ngày 01/4/2015, chưa tái xuất, đã bị cơ quan hải quan xử lý vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung “buộc tái xuất” nhưng doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện?	chính và áp dụng biện pháp xử phạt bổ sung “buộc tái xuất” thì thực hiện theo quyết định của cơ quan hải quan.
	Quy định: “Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất theo dõi, quản lý lượng hàng tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập trên Hệ thống. Quá thời hạn tạm nhập, tạm xuất đã đăng ký với cơ quan hải quan nhưng chưa làm thủ tục tái xuất, tái nhập hoặc chưa thực hiện việc gia hạn thời gian tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập thì cơ quan hải quan thực hiện việc ấn định thuế (nếu có). Việc theo dõi Container/ bồn mềm rỗng tái xuất, tái nhập của hãng vận tải sau khi đã tạm nhập, tạm xuất và ấn định thuế (nếu có) là không thể thực hiện được vì: + Do theo yêu cầu kinh doanh vận tải hàng hóa, vỏ container được tạm nhập vào Việt Nam với mục đích để đóng hàng xuất khẩu, do đó, khi xuất khỏi Việt Nam thì là container đã chứa hàng, không thuộc đối tượng làm thủ tục theo quy định tại Điều 49, chỉ có một số ít không đóng hàng xuất khẩu sẽ được tái	Tổng cục Hải quan ghi nhận và sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể.

		xuất ra nước ngoài; vỏ container tạm xuất khỏi Việt Nam với mục đích để đóng hàng nhập khẩu, do đó, khi nhập về Việt Nam thì là Container đã chứa hàng, cũng không thuộc đối tượng làm thủ tục theo quy định tại Điều 49 và chỉ có một số ít không đóng hàng nhập khẩu sẽ được tái nhập về Việt Nam. + Mặt khác, doanh nghiệp có quyền tạm nhập, tạm xuất vỏ container và xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chứa trong các container tại tất cả các cửa khẩu của Việt Nam theo yêu cầu của tuyến đường vận tải (Vỏ container có thể được làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất tại cửa khẩu này nhưng được tái xuất, tái nhập hoặc đóng hàng để xuất khẩu, nhập khẩu tại cửa khẩu khác); hơn nữa với vỏ container đã tạm xuất có thể tái nhập lại theo hàng hóa theo các chuyến tàu sau tại cảng tạm xuất/ cảng khác hoặc hãng tàu vận chuyển đi toàn thế giới có thể không quay lại cửa khẩu tạm xuất. Trong khi đó, ngành hải quan không có hệ thống cơ sở dữ liệu và không có phần mềm để quản lý số ký hiệu Container thống nhất trên toàn quốc. Do đó, hiện nay Chi cục Hải quan làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất chỉ giám sát chặt chẽ các vỏ Container/ bồn mềm rỗng tạm nhập và tạm xuất, không thể theo dõi để xác định được lô hàng đã được tái xuất, tái nhập hết hay chưa.	
35.2	Khoản 3 điểm a.2	Thời hạn thực hiện việc quyết toán đối với tờ khai hải quan giấy không chịu thuế hoặc thuế suất 0% được quy định: <i>"Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ bộ hồ sơ, công chức hải quan thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu bộ hồ sơ do người khai hải quan nộp với bộ hồ sơ lưu tại cơ quan hải quan để thực hiện việc quyết toán, xác</i>	Đối với hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế của hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập có mức thuế suất thuế xuất khẩu, nhập khẩu 0%, yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 84 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		nhận trên tờ khai hải quan tạm nhập, tạm xuất lưu tại cơ quan hải quan." Trong khi tại khoản 2 Điều 129 Thông tư quy định: <i>"Thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế (áp dụng đối với cả các trường hợp có mức thuế suất thuế nhập khẩu, xuất khẩu là 0%/ và tại khoản 6 Điều 129 Thông tư quy định thời hạn xử lý hồ sơ, ra Quyết định hoàn thuế, không thu thuế: "...chậm nhất trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế".</i> Hỏi: Trường hợp doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ hoàn thuế (không thu thuế) gồm nhiều tờ khai (có tờ khai có thuế, tờ khai thuế suất 0% và tờ khai hải quan giấy thuế suất 0%) thì thời hạn xử lý, ra Quyết định thực hiện theo thời hạn nào?	
35.3	Khoản 3	Khoản 3 Điều 84 Thông tư số 38 quy định việc quản lý, theo dõi tờ khai hải quan tạm nhập, tái xuất, tạm xuất tái nhập. Mặt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 129 quy định: <i>"Thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế (áp dụng đối với cả các trường hợp có mức thuế suất, thuế nhập khẩu, xuất khẩu 0%).</i> Tại d.3 điểm d khoản 5 và khoản 6 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, hàng nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu thuộc đối tượng kiểm tra trước, hoàn thuế, không thu thuế sau. Việc kiểm tra đối với hồ sơ thuộc trường hợp này thực hiện tại trụ sở người nộp thuế theo quy định tại Điều 130 Thông tư số	

		38/2015/TT-BTC. Như vậy, cùng loại hình kinh doanh tạm nhập tái xuất, cùng mặt hàng nhưng chính sách, thủ tục liên quan đến thuế lại có quy định khác nhau (tờ khai hải quan giấy: doanh nghiệp nộp bộ hồ sơ quyết toán cho cơ quan hải quan; tờ khai điện tử: cơ quan Hải quan kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế), tờ khai điện tử thủ tục phức tạp hơn. Đối với hàng hóa có thuế suất, thuế nhập khẩu, xuất khẩu 0%, thì không phát sinh số thuế phải nộp đối với người nộp thuế. Vì vậy trong trường hợp này việc người nộp phải nộp hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế và cơ quan Hải quan phải thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế theo quy trình chung là không phù hợp với bản chất của việc kiểm tra và không cần thiết. Đề xuất: đối với trường hợp hàng hóa có thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, thuế suất thuế xuất khẩu 0% người nộp thuế không phải thực hiện thủ tục hoàn thuế, không thu thuế quy định tại Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.	
36	Điều 86: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ		
36.1		Trước 1/4/2015, các Cục Hải quan thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng trước ngày 05 tháng sau về việc thống kê, cung cấp danh sách và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp mua hàng hóa của nhà thầu nước ngoài theo hình thức XNK tại chỗ theo biểu mẫu kèm theo công văn 5178/TCHQ-GSQL ngày	Đề nghị đơn vị thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC, theo đó sử dụng mẫu số 20/TKXNTC/GSQL.

		27/9/2012. Theo nội dung Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì việc thông báo các tờ khai nhập khẩu tại chỗ đến cơ quan Thuế là do các Chi cục Hải quan thực hiện theo mẫu số 20/TKXNTC/GSQL. Đề nghị TCHQ hướng dẫn: có tiếp tục thực hiện báo cáo theo nội dung Công văn 5178/TCHQ-GSQL ngày 27/9/2012 hay không? Và nếu có thì sử dụng biểu mẫu ban hành kèm theo Công văn số 5178/TCHQ-GSQL hay theo mẫu số 20/TKXNTC/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC?	
36.2		Khoản 5 Điều 75 Thông tư quy định: “Đối với phế liệu, phế phẩm được phép bán vào thị trường nội địa: Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này, theo đó DNCX làm thủ tục xuất khẩu và doanh nghiệp nội địa mở tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu theo loại hình tương ứng”. Điểm b khoản 1 Điều 86 Thông tư quy định:” 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ gồm: b) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan”. Do vậy, thủ tục hải quan đối với hàng hóa là phế liệu của DNCX được phép bán vào nội địa áp dụng thủ tục hải quan XK, NK tại chỗ theo quy định tại Điều 86 Thông tư. Điểm a khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 3 Điều 10, khoản 6 Điều 86 Thông tư quy định việc kiểm tra thực tế hàng hóa. Như vậy, việc kiểm tra thực tế	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn cụ thể trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015TT-BTC.

	hàng hóa đối với những tờ khai XK, NK tại chỗ là hàng hóa khác và tờ khai NK của các doanh nghiệp nội địa (doanh nghiệp tuân thủ pháp luật) mua phế liệu của DNUT được hệ thống phân luồng đỏ, phải kiểm tra thực tế hàng hóa. Như vậy, việc này áp dụng theo quy định tại Điều 10 hay Điều 86? Nếu áp dụng theo quy định tại Điều 10 thì doanh nghiệp không xuất trình được hàng hóa để kiểm tra. Đề nghị; Tổng cục Hải quan thiết lập tiêu chí loại trừ (không phân luồng đỏ) đối với các tờ khai XK, NK tại chỗ của các doanh nghiệp nội địa tuân thủ pháp luật mà đối tác XK, NK là DNUT. Trong khi chờ hướng dẫn của TCHQ, đơn vị đề xuất thực hiện theo kết quả phân luồng đối với tờ khai XK, NK thông thường (hàng hóa không thuộc quản lý chuyên ngành) của doanh nghiệp nội địa mua bán với DNCX là DNUT. Trường hợp hệ thống phân luồng đỏ, công chức hải quan sẽ thực hiện ghi nhận kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa như sau: <i>“Hàng hóa là đối tượng thuộc khoản 6 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, cơ quan hải quan chỉ kiểm tra các chứng từ liên quan đến việc giao nhận hàng hóa, không kiểm tra thực tế hàng hóa.”</i>	
37	Điều 88: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra, đưa vào cảng trung chuyển	
	Theo mẫu số 21/BKTrC/GSQL Phụ lục V thì doanh nghiệp phải lập và kê khai các tiêu chí trong đó có tiêu chí “số seal hăng tàu”. Tuy nhiên, liên quan đến vấn đề này, Cục Hải quan đã có công văn 2831/HQBRVT-GSQL ngày 02/10/2013 báo cáo vướng mắc của 12 hãng tàu, theo đó việc kê khai số seal làm mất rất nhiều thời gian, việc kiểm tra đối	Yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố thực hiện theo công văn số 6918/BTC-TCHQ ngày 27/5/2014 của Tổng cục Hải quan. Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung chuyển lập và kê khai số Container, không phải kê khai số seal.

		chiếu của cơ quan hải quan với kê khai của doanh nghiệp là rất khó khăn do phải đối chiếu thủ công. Để tạo điều kiện và nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp kinh doanh cảng, Bộ Tài chính đã có công văn số 6918/BTC-TCHQ ngày 27/5/2014, cho phép doanh nghiệp lập và kê khai số Container, không phải kê khai số seal. Đề nghị Tổng cục Hải quan cho phép tiếp tục thực hiện theo công văn số 6918/BTC-TCHQ.	
38	Điều 89: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu		
	Khoản 2 điểm b5	Theo quy định: “<i>Trường hợp hàng hóa chuyển khẩu xuất qua cửa khẩu khác với cửa khẩu nhập nhưng cùng trong hệ thống khu vực cảng biển thuộc địa bàn giám sát của Cục Hải quan thì sau khi hàng hóa đưa vào khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu xuất, công chức hải quan giám sát xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát trên văn bản đề nghị chuyển khẩu hàng hóa; việc giám sát hàng hóa đưa ra, đưa vào khu vực giám sát hải quan tại cửa khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 52 Thông tư này.</i> Tuy nhiên, theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định 70/2013/QĐ-TTg ngày 19/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố Danh mục phân loại cảng biển Việt Nam có quy định Quảng Ninh chỉ có duy nhất một cảng đó là cảng biển Quảng Ninh và được phân loại là cảng biển loại I. Đồng thời theo tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 1433/QĐ-BGTVT ngày 21/4/2014 của Bộ Giao thông vận tải Công bố Danh mục bến cảng thuộc cảng biển Việt Nam thì cảng biển Quảng Ninh có 11	Căn cứ quy định tại điểm b.5 khoản 2 Điều 89 thì hàng hóa nhập khẩu qua 1 trong 11 bến cảng thuộc cảng biển Quảng Ninh theo công bố của Bộ Giao thông Vận tải được phép chuyển khẩu qua các bến cảng khác thuộc cảng biển Quảng Ninh.

		bến cảng gồm: (1) Bến cảng Mũi Chùa; (2) Bến cảng Vạn Gia (khu chuyên tải Vạn Gia); (3) Bến cảng than Cẩm Phả; (4) Bến cảng Nhà máy xi măng Cẩm Phả; (5) Bến cảng tổng hợp Cái Lân; (6) Bến cảng xăng dầu B12; (7) Bến cảng nhà máy đóng tàu Hạ Long; (8) Bến cảng khách Hòn Gai; (9) Bến cảng Nhà máy xi măng Hạ Long; (10) Bến cảng Nhà máy xi măng Thăng Long; (11) Bến cảng xăng dầu Cái Lân. Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn hàng hóa nhập khẩu qua một trong 11 bến cảng của cảng biển Quảng Ninh (ví dụ nhập khẩu qua Bến cảng Cái Lân) có được chuyển khẩu qua các Bến cảng khác của cảng biển Quảng Ninh hay không.	
39	Điều 91: Quản lý hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan		
39.1		Đề nghị TCHQ hướng dẫn cụ thể các trường hợp hàng hóa xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài đã đến cửa khẩu xuất, nhưng không xuất được, còn nguyên trạng, xin được đưa trở lại kho ngoại quan/ thay đổi cửa khẩu xuất hoặc đã xuất một phần của lô hàng, phần còn lại đề nghị được gửi lại trở lại kho ngoại quan/ thay đổi cửa khẩu xuất.	- Việc xin đưa hàng hóa trở lại kho ngoại quan: hiện tại không có quy định về việc hàng hóa đã xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài, đã đến cửa khẩu xuất được phép quay trở lại kho ngoại quan. Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn cụ thể. Việc thay đổi cửa khẩu xuất một phần hoặc toàn bộ lô hàng: Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
39.2	Khoản 3	Theo quy định, thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài thực hiện khai báo vận chuyển độc lập (thực hiện thủ tục theo phương thức điện tử). Nhưng trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan gặp sự cố không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau đủ thủ tục hải quan đối với	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ để hướng dẫn cụ thể.

		hàng hóa xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài được thực hiện như thế nào? Vì Thông tư không có mẫu tờ khai vận chuyển độc lập bằng giấy. Đề nghị Tổng cục Hải quan cho phép sử dụng tờ khai hàng hóa xuất khẩu (mẫu HQ/2015/XK) để khai báo đối với hàng hóa xuất kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài, trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau.	
40	Điều 92: Giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra và các dịch vụ thực hiện trong địa điểm thu gom hàng lẻ (sau đây gọi tắt là kho CFS)		
40.1		Đối với trường hợp chia tách đóng gói hàng vận chuyển chung container ngoài CFS, trước đây thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 12079/BTC-TCHQ. Hiện nay Thông tư số 38/2015/TT-BTC không hướng dẫn trường hợp này. Đề nghị TCHQ cho phép thực hiện theo hướng dẫn tại công văn 12079/BTC-TCHQ.	Đơn vị tiếp tục thực hiện theo công văn số 12079/BTC-TCHQ và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến nội dung này cho đến khi có hướng dẫn mới của Bộ Tài chính.
40.2	Khoản 1	Quy định đối với hàng hóa xuất khẩu đưa vào kho CFS: “Trên cơ sở thông tin về lô hàng xuất khẩu do Chi cục nơi đăng ký tờ khai chuyển đến, Chi cục Hải quan quản lý kho CFS tiếp nhận lô hàng, kiểm tra đối chiếu trên hệ thống, giám sát đưa hàng vào kho CFS”. Đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn rõ “trên cơ sở thông tin” là trên cơ sở gì đối với các tờ khai được phân luồng xanh, vàng, đỏ.	Đối với tờ khai hàng hóa xuất khẩu đưa vào CFS, theo quy định phải khai tờ khai vận chuyển kết hợp. Ngay khi người khai hải quan hoàn thành thủ tục hải quan tờ khai vận chuyển kết hợp, không phân biệt luồng tờ khai, thông tin về tờ khai được chuyển đến Chi cục Hải quan quản lý kho CFS trên Hệ thống (Chi cục có thể tra cứu thông qua nghiệp vụ ITF). Do vậy, đề nghị Chi cục quản lý kho CFS sử dụng thông tin trên Hệ thống để đối chiếu và kiểm tra hàng hóa đưa vào kho CFS.

41	Điều 93: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu đăng ký tờ khai hải quan một lần		
	Khoản 2	Khoản 2 Điều 93 quy định: người khai hải quan thực hiện khai báo và sử dụng tờ khai hải quan đã được thông quan để làm thủ tục cho từng lần thực tế nhập khẩu. Khoản 2 Điều 36 quy định việc tính thuế thực hiện theo từng lần nhập khẩu tại thời điểm làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu. Điểm a khoản 4 Điều 42 quy định thời hạn nộp thuế thực hiện theo loại hình tương ứng và áp dụng đối với từng lần thực tế nhập khẩu. Như vậy, nếu thực hiện theo quy định tại Điều 36 và Điều 42 thì không thể thông quan tờ khai trên Hệ thống và sử dụng tờ khai để làm thủ tục cho từng lần nhập khẩu theo quy định tại Điều 93. Thông tư chưa quy định biểu mẫu kê khai, tính thuế nên không có chứng từ làm thủ tục hải quan và lưu thông cho hàng hóa thực tế nhập khẩu. Đề nghị: áp dụng khoản 2 Điều 93 cho mặt hàng thạch cao đăng ký tờ khai 1 lần, nhập khẩu nhiều lần. Việc kê khai, tính thuế thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai trên Hệ thống; sau khi người khai hoàn thành nghĩa vụ về thuế, tờ khai được thông quan và được sử dụng để làm thủ tục cho từng lần thực tế nhập khẩu.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn.
42	Điều 94: Thủ tục hải quan đối với hàng hóa mua, bán, trao đổi của cư dân biên giới		
42.1		Hiện tại, một số đơn vị đang sử dụng mẫu tờ khai	Theo quy định tại điểm 3 mục III Thông tư liên tịch số

	HQ/2004- XKBG và thực hiện cấp số tờ khai theo hệ thống phần mềm quản lý thống kê tập trung. Theo công văn số 2765/TCHQ-GSQL, mã H11 được sử dụng cho một số loại hình, trong đó có hàng xuất khẩu của cư dân biên giới. Như vậy, cơ quan hải quan có thực hiện việc cấp số tờ khai theo hướng dẫn tại công văn số 3295/TCHQ-GSQL ngày 13/4/2005 hay tiếp tục cấp số tờ khai theo số cấp của hệ thống thống kê tập trung? Nếu thực hiện cấp số theo công văn số 3295/TCHQ-GSQL thì việc sử dụng mẫu tờ khai cũ HQ/2004-XKBG có phù hợp không vì Thông tư số 38 không có mẫu tờ khai xuất khẩu biên giới.	01/2008/TTLT-BCT-BTC-BGTVT-BNN&PTNT-BYT-NHNN thì mẫu tờ khai sử dụng cho hàng hóa xuất khẩu của cư dân biên giới là theo tờ khai do Bộ Tài chính quy định. Do vậy, đề nghị đơn vị thực hiện theo đúng mẫu tờ khai của Thông tư số 38/2015/TT-BTC cho đến khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính, về vướng mắc liên quan đến việc cấp số tờ khai tại công văn số 3295/TCHQ-GSQL, Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn cụ thể trong Quy trình hướng dẫn thực hiện Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
42.2	Trường hợp hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới tại các cửa khẩu phụ, lối mở không có lực lượng Hải quan vượt định mức miễn thuế thì phải làm thủ tục hải quan như đối với hàng hóa nhập khẩu và khai trên tờ khai hải quan giấy theo mẫu HQ/2015/NK. Việc này khó khăn cho cư dân biên giới và lực lượng biên phòng không thể cấp số tờ khai, kiểm tra và thông quan hàng hóa. Nếu sử dụng Bảng kê theo mẫu BK/2009/CDBG kèm công văn số 1883/BTC-TCHQ ngày 19/02/2009 thì không thống nhất giữa thủ tục hải quan đối với hàng hóa trao đổi, mua bán của cư dân biên giới vượt định mức miễn thuế nơi có và không có lực lượng hải quan. Đề nghị cho phép được khai báo trên tờ khai hải quan giấy theo mẫu HQ/2015/NK và đề nghị TCHQ hướng dẫn thủ tục đề cơ quan hải quan phối hợp với	Việc khai hải quan thực hiện thống nhất theo mẫu HQ/2015/NK, người khai hải quan khai và nộp thuế trực tiếp tại cửa khẩu. Trường hợp tại các cửa khẩu phụ, lối mở không có lực lượng Hải quan thì lực lượng biên phòng thực hiện theo quy định.

		lực lượng biên phòng.	
43	Điều 102: Địa điểm kiểm tra hàng hóa tại chân công trình hoặc cơ sở sản xuất, nhà máy		
43.1	Khoản 2 điểm b	Điểm b khoản 2 quy định quyết định công nhận có giá trị hiệu lực trong thời hạn 2 năm kể từ ngày ban hành. Tuy nhiên, thực tế phát sinh các trường hợp doanh nghiệp thuê kho, nhà xưởng để phục vụ sản xuất (doanh nghiệp thủy sản) hoặc các nhà thầu dầu khí thuê kho tại khu dịch vụ hậu cần dầu khí để tập kết máy móc thiết bị sau đó đưa ra biển phục vụ hoạt động dầu khí. Các hợp đồng thuê có thời hạn nhất định, có thể dưới 2 năm. Trường hợp này, nếu quyết định công nhận có hiệu lực 2 năm thì chưa phù hợp. Đề nghị Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) hướng dẫn bổ sung vào khoản 2b Điều 102 nội dung: ...“Quyết định công nhận có giá trị hiệu lực trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày ban hành....”	Quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC được hiểu là: thời hạn hiệu lực trên Quyết định công nhận do Cục Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ tình hình thực tế để xem xét, tuy nhiên không quá 02 năm kể từ ngày ban hành.
43.2		Theo quy định: “<i>Trong thời hạn...; Quyết định công nhận có giá trị hiệu lực trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ban hành...</i>”. Tuy nhiên, theo quy định của các Thông tư cũ, các Quyết định công nhận địa điểm kiểm tra tại chân công trình hoặc cơ sở sản xuất, nhà máy không quy định giá trị hiệu lực. Như vậy, đối với các Quyết định công nhận trước khi Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực (đã quá 2 năm hoặc chưa quá 2 năm kể từ ngày ban hành), Cục Hải quan tỉnh có cần ban hành Quyết định công nhận mới hay không?. Đề nghị TCHQ hướng dẫn Cục Hải quan tiến hành	Các Cục Hải quan thực hiện rà soát các trường hợp đã ban hành quyết định công nhận trước thời điểm Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực. Nếu quá 02 năm kể từ ngày ban hành, Cục HQ tỉnh thành phố thực hiện thủ tục công nhận mới theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		rà soát lại và ban hành quyết định công nhận nếu đáp ứng yêu cầu kiểm tra hải quan.	
44	Điều 103: Các trường hợp miễn thuế		
44.1	Khoản 1	Quy định các trường hợp miễn thuế đối với hàng tạm nhập, tái xuất. Hiện nay tại đơn vị phát sinh một số trường hợp tạm nhập tái xuất đối với phương tiện chưa hàng hóa theo phương thức quay vòng (kệ, giá, thùng, lọ,...). Theo công văn số 141/TCHQ-GSQL ngày 7/1/2014 của Tổng cục Hải quan thì chính sách thuế đối với trường hợp này được áp dụng theo khoản 1 Điều 100 Thông tư số 128/2013/TT-BTC. Hiện nay Thông tư số 128/2013/TT- BTC đã hết hiệu lực, các hàng hóa nêu trên có tiếp tục được miễn thuế theo khoản 1 Điều 103 Thông tư số 38/2015/TT-BTC hay không? Đề xuất: Tiếp tục giải quyết miễn thuế đối với các hàng hóa này theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.	Theo quy định tại khoản 8 Điều 49 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ thì trong thời hạn tạm nhập tái xuất mà người khai hải quan đã đăng ký với cơ quan hải quan, phương tiện chứa hàng hóa theo phương thức quay vòng tạm nhập tái xuất chưa phải nộp thuế. Đề nghị đơn vị nghiên cứu thực hiện.
44.2	Khoản 2	Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 87 quy định một trong các đối tượng miễn thuế: “Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài mang vào Việt Nam hoặc mang ra nước ngoài trong mức quy định, bao gồm: a. Hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân người nước ngoài khi được phép vào cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc chuyển ra nước ngoài khi hết thời hạn cư trú, làm việc tại Việt Nam;... - Theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Thông tư số 38 hướng dẫn miễn thuế đối với trường hợp “Hàng	Quy định về miễn thuế, hồ sơ thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa là tài sản di chuyển không phải là nội dung mới tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Theo đó, để được miễn thuế đối với hàng hóa là tài sản di chuyển thì phải đáp ứng quy định về đối tượng và điều kiện miễn thuế.

hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân người nước ngoài khi được phép vào cư trú, làm việc tại Việt Nam theo giấy mời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chuyển ra nước ngoài khi hết thời hạn cư trú, làm việc tại Việt Nam”.

Việc xác định hàng hóa là tài sản di chuyển thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Vướng mắc: Cùng đối tượng miễn thuế nêu trên nhưng quy định tại Thông tư chỉ hướng dẫn miễn thuế trường hợp ... theo giấy mời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đề xuất: Thực hiện thống nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ .

Căn cứ khoản 1 điều 45 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định hồ sơ phải nộp đối với trường hợp người nước ngoài đưa tài sản di chuyển vào Việt Nam; Khoản 2, 3.b- Điều 16, Điều 105 Thông tư số 38 thì hồ sơ miễn thuế đối với trường hợp này gồm:

- Tờ khai hải quan: 02 bản chính;
- Văn bản xác nhận đến công tác, làm việc tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nơi người nước ngoài làm việc hoặc giấy phép làm việc tại Việt Nam do cơ

		quan có thẩm quyền cấp: 01 bản chụp; - Chứng từ vận tải trong trường hợp tài sản vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp. Như vậy, nội dung hướng dẫn về hồ sơ miễn thuế không quy định phải nộp, xuất trình giấy mời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp nêu trên. Vướng mắc: Trường hợp hàng hóa là tài sản di chuyển của tổ chức, cá nhân người nước ngoài khi được phép vào cư trú, làm việc tại Việt Nam (chỉ nộp, xuất trình văn bản xác nhận đến công tác, làm việc tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nơi người nước ngoài làm việc hoặc giấy phép làm việc tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định 08/2015/NĐ-CP) thì có thuộc đối tượng miễn thuế và đảm bảo về hồ sơ miễn thuế theo quy định tại Thông tư? Đề xuất: Về hồ sơ miễn thuế: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2, 3 Điều 16 và Điều 105 Thông tư số 38.	
44.3	Khoản 21	Quy định “hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu theo Điều ước quốc tế” và phải đăng ký danh mục miễn thuế trước khi nhập khẩu. Tuy nhiên tại Điều 104 lại không quy định về căn cứ để đăng ký danh mục miễn thuế cho trường hợp này.	Tại mẫu số 14/CVĐKDDMMT/TXNK - mẫu công văn đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế có yêu cầu doanh nghiệp khai chỉ tiêu “Lý do miễn thuế”, theo đó doanh nghiệp phải kê khai cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế (ghi cụ thể số hiệu, ngày tháng của văn bản làm cơ

		Đề nghị: TCHQ có hướng dẫn để thực hiện.	sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế).
		1. Tại cục Hải quan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có trường hợp Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro được miễn thuế theo Hiệp định năm 2010 giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về việc tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa CHXHCN VN trong khuôn khổ Liên doanh Việt Nga. Tại Điều 7 Hiệp định quy định: “Miễn cho Liên doanh thuế hải quan trên lãnh thổ CHXHCN VN trong khi chuyên đến và chuyển đi các vật tư, thiết bị và hàng hóa vật tư dùng cho việc thực hiện hoạt động chính của Liên doanh..Như vậy, theo Hiệp định thì DN được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu. Tuy nhiên tại khoản 21 Điều 103 chỉ quy định việc miễn thuế nhập khẩu là chưa đủ. 2. Theo công văn số 08/BTC-TCHQ ngày 2/1/2014 và công văn số 6948/BTC-TCHQ ngày 19/5/2014 của Bộ Tài chính cho phép doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để chế tạo các cụm thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí, cung cấp cho các DN hoạt động dầu khí thì cũng được miễn thuế. Hiện tại, quy định tại Thông tư không có việc miễn thuế đối với việc chế tạo cụm thiết bị phục vụ hoạt động dầu khí. Cục HQ địa phương đề xuất cho doanh nghiệp tiếp tục thực hiện theo các công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính.	Tổng cục Hải quan sẽ trả lời căn cứ vào hồ sơ của từng vụ việc.
45	Điều 104: Đăng ký danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được miễn thuế		
45.1	Khoản 9	1. Theo quy định tại khoản 9 Điều 104 thì hồ sơ	1. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo

	đăng ký Danh mục miễn thuế chỉ có công văn và danh mục miễn thuế. Việc kiểm tra hồ sơ phụ thuộc vào việc phối hợp, cung cấp thông tin của cơ quan khác. Do vậy, việc Thông tư quy định xử lý trong tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ là chưa phù hợp.	quy định tại Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
	2. Ngoài ra, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể việc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền (cơ quan nào, hình thức, nội dung phối hợp, trường hợp cơ quan hải quan gửi văn bản đề nghị nhưng các cơ quan này không cung cấp, không trả lời hoặc thời gian chờ phản hồi thông tin quá lâu thì xử lý như thế nào).	2. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
	3. Chưa có hướng dẫn cụ thể việc kiểm tra được thực hiện như thế nào đối với trường hợp hàng hóa miễn thuế theo Điều ước quốc tế (kiểm tra sau thông quan hay kiểm tra khác và đơn vị nào thực hiện kiểm tra, hình thức kiểm tra và cách thức kiểm tra như thế nào?) Trong trường hợp thực hiện kiểm tra sau thông quan, Cục Hải quan Bà Rịa Vũng Tàu gặp vướng mắc đối với trường hợp Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro hiện đang là doanh nghiệp ưu tiên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 86/2013/TT-BTC (Điều 11 Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015, có hiệu lực ngày 25/6/2015) thì cơ quan hải quan không KTSTQ tại trụ sở cơ quan hải quan, chỉ kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan không quá 1 lần trong 3 năm liên tục trên cơ sở quản lý rủi ro kể từ ngày được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.	3. Đối với trường hợp cụ thể, yêu cầu đơn vị báo cáo cụ thể và đề xuất phương án xử lý gửi về Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn.

45.2	Khoản 12	Quy định trường hợp tổ chức, cá nhân làm mất danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế bản giấy, có điểm a), a1) ... nhưng không có điểm b), b1) ... Trước đây theo khoản 9 Điều 101 Thông tư số 128/2013/TT-BTC quy định trường hợp xử lý danh mục miễn thuế bị thất lạc được quy định rõ ràng, chi tiết hơn. Hiện tại cơ quan hải quan đang phát sinh trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp lại danh mục miễn thuế bị thất lạc. Do đó, để có cơ sở trả lời doanh nghiệp, đề nghị Tổng cục Hải quan hướng dẫn hồ sơ, trình tự thực hiện việc kiểm tra và cấp lại danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế, Phiếu theo dõi trừ lùi bị thất lạc theo khoản 12 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC nêu trên.	1. Về hồ sơ đề nghị cấp lại: Thực hiện chủ trương cải cách thủ tục hành chính, đồng thời triển khai thực hiện đồng thời triển khai khoản 15 mục II Nghị quyết 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ người nộp thuế không phải nộp các chứng từ trong hồ sơ khai, nộp thuế, hải quan; hồ sơ hoàn thuế, thoái thuế... mà cơ quan thuế, cơ quan hải quan đã có”, nên những quy định về giải trình trong công văn đề nghị cấp lại Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế và phiếu theo dõi trừ lùi (quy định tại điểm a.1.2, a.1.3, a.1.4 và a.2 khoản 9 Điều 101 Thông tư số 128 như tên, lượng trị giá hàng hóa theo Danh mục hàng hóa miễn thuế đã đăng ký) là không cần thiết. Vì những nội dung này cơ quan hải quan có thể tra cứu được dựa vào Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế mà cơ quan hải quan có và phiếu theo dõi trừ lùi có xác nhận của cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng cuối cùng trước khi thất lạc. Do đó, hồ sơ đề nghị cấp lại Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế và phiếu theo dõi trừ lùi được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 104 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. 2. Về trình tự thực hiện: Nội dung mất Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế bản giấy tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC không phải là nội dung mới so với Thông tư số 128/2013/TT-BTC, do có sơ suất về kỹ thuật trong quá trình đánh máy, nên tại khoản 12 Điều 104 bổ sung nội dung trình tự thực hiện như sau:
------	----------	---	---

			b.Trình tự thực hiện: b.1) Trường hợp mất Danh mục hàng hóa miễn thuế: Cơ quan hải quan nơi cấp lại căn cứ hồ sơ đề nghị và tài liệu kê khai do doanh nghiệp cung cấp thực hiện: Thông báo cho Cục hải quan các tỉnh, thành phố về việc hủy Danh mục đã cấp và thực hiện cấp 01 bản chụp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế thay thế Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị mất....”
46	Điều 105: Hồ sơ, thủ tục miễn thuế		
46.1	Khoản 1	Điểm b khoản 22 Điều 103 Thông tư quy định các trường hợp miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu ủy thác trúng thầu. Khoản 1 Điều 105 quy định hồ sơ miễn thuế là hồ sơ hải quan theo hướng dẫn tại Thông tư này; Tuy nhiên khoản 2 Điều 16 quy định về hồ sơ nhập khẩu đối với hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 22 Điều 103 lại không có hợp đồng cung cấp, hợp đồng ủy thác hoặc thông báo trúng thầu ...vậy cơ quan hải quan căn cứ vào cơ sở, chứng từ nào để xem xét miễn thuế trong trường hợp trên. Đề nghị TCHQ bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư theo hướng: Doanh nghiệp nộp bản chụp và xuất trình bản chính hợp đồng trúng thầu hoặc Hợp đồng cung cấp hàng hóa hoặc hợp đồng ủy thác, quyết định trúng thầu để thực hiện kiểm tra xử lý miễn thuế.	- Tại điểm b khoản 22 Điều 103 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã có quy định về việc giá cung cấp hàng hóa theo hợp đồng ủy thác hoặc giá trúng thầu theo quyết định trúng thầu không bao gồm thuế nhập khẩu. - Tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC (mẫu số 14/CVĐKDMMT/TXNK mẫu công văn đăng ký danh mục hàng hóa miễn thuế) có yêu cầu doanh nghiệp khai chỉ tiêu “Lý do miễn thuế”, theo đó doanh nghiệp phải kê khai cụ thể đối tượng miễn thuế (ghi cụ thể số hiệu, ngày tháng của văn bản làm cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế). - Trách nhiệm tự kê khai, tự chịu trách nhiệm của người nộp thuế đã được quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trách nhiệm kiểm tra của cơ quan hải quan khi đăng ký Danh mục miễn thuế, khi làm thủ tục hải quan, sau khi hàng hóa đã được thông quan đã được quy định tại Luật Quản lý

			thuế, Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu thực hiện.
46.2	Khoản 2 điểm b.2	Điểm b.2 khoản 2 Điều 105: - Cách thức khai báo trên VNACCS và trừ lùi số lượng hàng hóa nhập khẩu theo tổ hợp, hệ thống; - Cục trưởng xem xét quyết định cho từng Dự án hay cho từng tổ hợp của Danh mục? Chi cục hay doanh nghiệp phải đề nghị Cục trưởng quyết định.	Theo quy định tại điểm b.2 khoản 2 Điều 105 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì trường hợp nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền, phải nhập khẩu làm nhiều chuyển đề lắp ráp thành tổ hợp thành dây chuyền hoàn chỉnh, không thể thực hiện trừ lùi theo số lượng hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu thì thực hiện trừ lùi sau khi kết thúc việc nhập khẩu hàng hóa của tổ hợp, dây truyền trên Phiếu theo dõi trừ lùi. Theo đó không thực hiện được việc đăng ký Danh mục miễn thuế và trừ lùi Danh mục hàng hóa miễn thuế trên VNACCS. Cục trưởng Cục Hải quan xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể không thực hiện trừ lùi theo số lượng hàng hóa tại thời điểm nhập khẩu và tổ chức thực hiện kiểm tra sau thông quan để xác định hàng hóa do tổ chức, cá nhân kê khai miễn thuế nhập khẩu thực tế có hay không sử dụng đúng mục đích phục vụ dự án theo quy định hiện hành và thực hiện xử lý theo quy định nếu tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm. Đề nghị đơn vị nghiên cứu quy định nêu trên để thực hiện.
47	Điều 106: Báo cáo, kiểm tra việc sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu		
	Khoản 1	Quy định “Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người đăng ký Danh mục miễn thuế có trách nhiệm báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế trong năm tài chính cho cơ quan Hải quan nơi đăng ký	(1), (3) Theo quy định tại khoản 1 Điều 106 thì “Định kỳ hàng năm, chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, người đăng ký Danh mục miễn thuế có trách nhiệm báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế trong năm tài chính cho cơ quan Hải quan nơi đăng ký Danh mục hàng hóa miễn

	Danh mục hàng hóa miễn thuế”. Về quy định này đơn vị phát sinh một số vướng mắc sau: (1) Đối với những trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện quyết toán các Danh mục miễn thuế trước ngày Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực (trước ngày 1/4/2015) thì có phải tiếp tục báo cáo định kỳ hàng năm theo quy định này không? (2) Đối với những trường hợp đăng ký danh mục trước ngày 1/4/2015 nhưng chưa quyết toán thì thực hiện quyết toán theo quy định này hay vẫn thực hiện quyết toán theo các quy định trước? (3) Đối với trường hợp doanh nghiệp đã nhập khẩu hết lượng hàng hóa đăng ký trên Danh mục miễn thuế và doanh nghiệp cũng đã quyết toán xong thì định kỳ hàng năm có tiếp tục báo cáo không? Đề xuất: - Những trường hợp đăng ký danh mục miễn thuế trước ngày 1/4/2015 đã quyết toán xong theo các quy định trước đây thì không phải tiếp tục báo cáo tình hình sử dụng theo Điều 106. - Trường hợp đăng ký Danh mục miễn thuế trước ngày 1/4/2015 những doanh nghiệp chưa báo cáo quyết toán thì phải thực hiện báo cáo tình hình sử dụng theo Điều 106.	thuế” Căn cứ quy định trên, đối với các trường hợp đã quyết toán và kết thúc việc sử dụng hàng hóa nhập khẩu theo mục đích miễn thuế (ví dụ: nguyên liệu, vật tư, linh kiện được miễn thuế 5 năm đã đưa vào sản xuất, đã quyết toán) thì không phải báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế trong năm tài chính nữa, đối với các trường hợp khác thực hiện báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo quy định của Thông tư số 38/2015/TT-BTC. (2) Đối với những trường hợp đăng ký danh mục trước ngày 1/4/2015 nhưng chưa quyết toán thì thực hiện báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo quy định của Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
--	--	--

		- Trường hợp doanh nghiệp đã nhập khẩu hết lượng hàng hóa đăng ký trên Danh mục miễn thuế và doanh nghiệp cũng đã quyết toán báo cáo tình hình sử dụng xong thì hàng năm không phải thực hiện báo cáo tình hình sử dụng nữa.	
48	Điều 114: Các trường hợp hoàn thuế		
48.4	Khoản 5	Tại khoản 5 Điều 114 mục D Thông tư số 38/2015/TT-BTC: có đưa ví dụ về lạc nhân: khi sản xuất ra 2 sản phẩm lạc nhân loại 1 và lạc nhân loại 2 và ví dụ về sản xuất lạc nhân sản phẩm thu được là hạt lạc nhân và vỏ lạc nhân. Căn cứ Điều 71 Thông tư số 38 quy định về thủ tục xử lý phế liệu, phế phẩm tiêu thụ nội địa. Vướng mắc: Nguyên liệu là cá ngừ nguyên con: sau sản xuất ra sản phẩm là cá ngừ đóng hộp và đầu, đuôi, bụng (nội tạng), cá ngừ, xương, da, máu... tạm gọi là phế phẩm, số phế phẩm này nhà sản xuất chế biến thành bột cá (nguyên liệu thức ăn chăn nuôi) và nằm trong định mức tiêu hao hoặc ngoài định mức tiêu hao: a. Trong định mức tiêu hao: Nếu nhà sản xuất (người khai hải quan) tiêu thụ tại thị trường nội địa, căn cứ Điều 71 thì người khai hải quan không cần đăng ký thủ tục hải quan đối với phế phẩm là bột cá nhưng phải kê khai quyết toán thuế với Thuế nội địa. b. Ngoài định mức tiêu hao: Nếu nhà sản xuất (người khai hải quan) tiêu thụ tại thị trường nội địa, căn cứ Điều 71 thì người khai hải quan phải đăng ký	Tổng cục Hải quan ghi nhận vướng mắc của đơn vị để trao đổi với các đơn vị liên quan và sẽ có hướng dẫn cụ thể.

		thủ tục hải quan đối với phế phẩm là bột vá và phải bổ sung theo Điều 21. Khi làm thủ tục hoàn thuế (không thu thuế): áp dụng khoản 5 Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC số tiền thuế được hoàn như thuế nào cho đúng quy định? Vì tổng trị giá các sản phẩm thu được là cá ngừ đóng hộp và bột cá trong đó bột cá phải qua giai đoạn chế biến từ phế phẩm mới trở thành sản phẩm bột cá, như vậy khi tính toán theo quy định thì trị giá của “bột cá” sẽ bao gồm trị giá của phế phẩm cộng chi phí sản xuất (vật tư, nguyên liệu và máy móc thiết bị, nhân công...) Khoản 5 Điều 114 Thông tư số 38 chỉ mới quy định phần trị giá vật tư, nguyên liệu cấu thành vào sản phẩm xuất khẩu mà chưa quy định trị giá phần vật tư, nguyên liệu cấu thành vào sản phẩm tiêu thụ nội địa.	
48.2		Căn cứ Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định: "... hàng hóa nhập khẩu nhưng phải tái xuất lại chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang nước thứ 3 hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan... được xét hoàn thuế nhập khẩu đã nộp tương ứng với số lượng hàng thực tế tái xuất và không phải nộp thuế xuất khẩu..." Khi thực hiện nội dung này có một số Chi cục không chấp nhận hoàn thuế đối với trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa sau đó tìm đối tác để xuất bán sang nước thứ ba, doanh nghiệp khai mã loại hình B13 Đề nghị: Các trường hợp không xuất trả (tái xuất)	Tổng cục Hải quan có công văn số 2765/TCHQ- GSQL ngày 01/4/2015 hướng dẫn mã loại hình XNK trên hệ thống VNACCS, theo đó mã loại hình B13 được sử dụng trong trường hợp: "<i>Hàng nhập khẩu của các loại hình phải trả lại (gồm tái xuất để trả lại cho khách hàng nước ngoài; tái xuất sang nước thứ ba hoặc xuất vào khu phi thuế quan);...</i>" Đề nghị Cục Hải quan báo cáo rõ lý do tại sao một số Chi cục không chấp nhận hoàn thuế đối với trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa sau đó tìm đối tác để xuất bán sang nước thứ ba, doanh nghiệp khai báo mã loại hình B13 để Tổng cục Hải quan xem xét, hướng dẫn xử lý.

		cho chủ hàng nước ngoài mà xuất bán cho đối tác tại nước thứ 3 nếu thỏa mãn đầy đủ các điều kiện vẫn hoàn thuế cho doanh nghiệp (nếu đã nộp thuế nhập khẩu).	
49	Điều 129: Thủ tục nộp, tiếp nhận và xử lý hồ sơ xét hoàn thuế không thu thuế		
49.1	Khoản 2 điểm b	1. Nếu quá thời hạn theo quy định người khai hải quan mới nộp hồ sơ, sau khi xử lý vi phạm hành chính, cơ quan hải quan vẫn làm thủ tục hoàn thuế, không thu thuế cho người khai hải quan nếu hồ sơ hợp lệ và đủ điều kiện?	1. Nếu quá thời hạn nộp hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế theo quy định người khai hải quan mới nộp hồ sơ và không có vi phạm nào khác sau khi xử lý vi phạm hành chính, cơ quan hải quan giải quyết hồ sơ theo đúng quy định.
		2. Ban hành biểu mẫu kiểm tra trước - hoàn thuế sau, không thu thuế. Sớm ban hành quy trình thay thế quy trình 2424/QĐ-TCHQ ngày 27/11/2008.	2. Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn tại Quy trình miễn, giảm, hoàn thuế.
		3. Đối với các lô hàng đăng ký tờ khai trước ngày 01/4/2015 nhưng người khai hải quan nộp hồ sơ hoàn thuế từ ngày 01/4/2015 trở đi thì áp dụng các quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.	3. Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn cụ thể.
49.2	Khoản 2 điểm b.2	Theo quy định tại khoản 5 Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất vào khu phi thuế quan được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với tỷ lệ sản phẩm thực tế xuất khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu có đủ điều kiện xác định là được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu. Theo quy định tại điểm b.2 khoản 2 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thời hạn nộp hồ sơ không thu thuế xuất khẩu chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa nhập khẩu cuối	Thời hạn nộp hồ sơ không thu thuế xuất khẩu của sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu theo quy định tại khoản 5 Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được thực hiện như thời hạn nộp hồ sơ không thu thuế vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu quy định tại điểm b.1.1 khoản 2 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

		cùng. Tuy nhiên, với quy định trên một số doanh nghiệp gặp vướng mắc về thời hạn nộp hồ sơ không thu thuế xuất khẩu của sản phẩm xuất khẩu chế biến từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu theo loại hình SXKK vì gây khó khăn cho doanh nghiệp vì 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai nhập khẩu nguyên liệu cuối cùng là quá ngắn để sản xuất và xuất khẩu lô hàng ra thị trường nước ngoài.	
49.3	Khoản 2 điểm d. 1	1. Xử lý thuế GTGT theo tiết d.1 điểm d khoản 2 Điều 129: “Người nộp thuế chưa phải kê khai, nộp thuế GTGT của số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu còn tồn kho chưa đưa vào sản xuất hoặc đã sản xuất sản phẩm nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 59 Thông tư này”. Đề xuất: khi hết thời hạn nộp thuế, doanh nghiệp chưa phải kê khai nộp thuế GTGT do cơ quan Hải quan chưa thực hiện kiểm tra theo Điều 59 Thông tư số 38. Bởi vì tại thời điểm hết hạn nộp thuế mà cơ quan Hải quan đến doanh nghiệp để kiểm tra nguyên liệu còn tồn kho sẽ phát sinh khối lượng công việc rất lớn cho cơ quan Hải quan cũng như cho doanh nghiệp. Việc kiểm tra sẽ được thực hiện cùng với thời gian hoàn thuế, không thu thuế, quyết toán, để doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm việc kê khai này. 2. Căn cứ quy định tại điểm d1 khoản 2 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC hướng dẫn: d) Xử lý thuế trong trường hợp không xuất khẩu hàng hóa trong thời hạn nộp thuế thì người nộp thuế chưa phải	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện.

kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng của số lượng nguyên liệu vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu còn tồn kho, chưa đưa vào sản xuất hoặc đã sản xuất sản phẩm nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 59 Thông tư này”.

- Căn cứ theo Điều 59 quy định các trường hợp phải kiểm tra....

Vướng mắc: Theo quy định tại Điều 59 thì không phải trường hợp nào cơ quan hải quan cũng kiểm tra hàng hóa còn tồn kho hay thành phẩm chưa xuất khẩu (chỉ kiểm tra khi có nghi vấn), do đó Cục Hải quan Đồng Nai kiến nghị 02 phương án như sau:

+ Phương án 1: Doanh nghiệp tự xác định việc chưa phải kê khai khi nguyên liệu còn tồn kho, chưa xuất khẩu sản phẩm hay phải có công văn cam kết hàng còn tồn kho gửi cơ quan hải quan khi nộp hồ sơ không thu thuế, hoàn thuế hoặc báo cáo quyết toán.

+ Phương án 2: Doanh nghiệp phải nộp thuế GTGT.

Với 02 vướng mắc nêu trên, cơ quan hải quan sẽ phải tăng cường nhân lực rất nhiều để tiến hành kiểm tra hồ sơ không thu - hoàn thuế tại trụ sở doanh nghiệp cũng như kiểm tra tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị do đặc thù của địa bàn quản lý với hơn 60% kim ngạch là loại hình NSXXX, gia công. Ngoài ra việc thường xuyên kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp cũng gây rất nhiều phiền hà cho doanh nghiệp.

		Quy định về xử lý thuế trong trường hợp không xuất khẩu hàng hóa trong thời hạn nộp thuế: <i>Người nộp thuế chưa phải kê khai nộp thuế GTGT của số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất sản phẩm nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 59 Thông tư này.</i> <i>Trường hợp đã nộp thuế giá trị gia tăng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì khi thực tế xuất khẩu sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, người nộp thuế được hoàn lại tiền chậm nộp thuế GTGT (nếu có) theo hướng dẫn tại Điều 49 Thông tư này.</i> Như vậy, đối với nguyên liệu nhập sản xuất xuất khẩu, nhưng doanh nghiệp khai báo chuyển tiêu thụ nội địa quá 275 ngày thì có tính chậm nộp thuế (nhập khẩu, GTGT,...) không?	Theo quy định tại tiết đ.1, điểm đ, khoản 1 Điều 42 thì đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để SXKK chuyển tiêu thụ nội địa, người nộp thuế phải nộp đủ các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật trước khi hoàn thành thủ tục chuyển tiêu thụ nội địa; thủ tục khai báo chuyển tiêu thụ nội địa, đăng ký tờ khai mới và tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 40 Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Như vậy, khi chuyển tiêu thụ nội địa, người nộp thuế đăng ký tờ khai mới, nộp thuế theo tờ khai mới thì không bị tính chậm nộp.
49.4	Khoản 2 điểm đ	Công văn số 4345/TCHQ-TXNK ngày 22/4/2014 của Tổng cục Hải quan cho phép được sử dụng chứng từ điều chỉnh phi kế toán để áp dụng thời hạn nộp thuế đối với các trường hợp điểm c, khoản 2 Điều 127 Thông tư số 128/2013/TT-BTC. Hiện nay, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 127 nêu trên đã được thay thế bằng điểm đ khoản 2 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC cũng với nội dung tương tự. Như vậy, cơ quan hải quan có tiếp tục được sử dụng Chứng từ điều chỉnh phi kế toán để áp dụng thời hạn nộp thuế đối với các trường hợp trên theo công văn 4345/TCHQ-TXNK hay không? Đề xuất: Tiếp tục cho phép sử dụng Chứng từ điều chỉnh phi kế toán	Chứng từ điều chỉnh ngày ân hạn được sử dụng trong trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sản xuất hàng hóa xuất khẩu; hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, đã nộp hồ sơ không thu thuế được áp dụng thời hạn nộp thuế và chưa bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế quy định tại pháp luật về quản lý thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 129 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. Việc lập chứng từ điều chỉnh ngày ân hạn phải tuân thủ các điều kiện nêu tại công văn số 4345/TCHQ-TXNK ngày 22/4/2014 của Tổng cục Hải quan.

		trong hệ thống KT559 để áp dụng thời hạn nộp thuế đối với các trường hợp này theo hướng dẫn tại công văn số 4345/TCHQ-TXNK ngày 22/4/2014 của Tổng cục Hải quan.	
49.5	Khoản 2 điểm d.1	Quy định: “d.1) <i>Người nộp thuế chưa phải kê khai, nộp thuế GTGT của số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu còn tồn kho, chưa đưa vào sản xuất hoặc đã sản xuất sản phẩm nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 59 Thông tư này</i>” Do đây là quy định mới, cách quản lý mới của Thông tư số 38/2015/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 1/4/2015, nên việc quyết toán và kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho của các tờ khai nhập khẩu trước ngày 1/4/2015 chưa thực hiện được ngay theo quy định này. Vậy, cơ quan Hải quan có chấp nhận đề người khai hải quan chưa phải kê khai, nộp thuế GTGT của số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu còn tồn kho, chưa đưa vào sản xuất hoặc đã xuất khẩu sản phẩm nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm của các tờ khai trước ngày 1/4/2015 như quy định tại điểm d.1 nói trên hay không? Đề xuất: Doanh nghiệp phải thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT như trước. Việc chưa phải kê khai nộp thuế GTGT theo quy định này được thực hiện khi có kết quả kiểm tra theo Điều 59 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.	Trường hợp người nộp thuế có tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu trước ngày 1/4/2015 nhưng sau ngày 1/4/2015 mới hết thời hạn 275 ngày hoặc hết thời hạn gia hạn nộp thuế thì việc xử lý tiền thuế GTGT thực hiện theo quy định tại điểm d.1 khoản 2 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT- BTC
49.6	Khoản 4	Theo quy định Điều 129 và Điều 130 Thông tư số 38 thì có nhiều đối tượng mà cơ quan hải quan phải	

	thực hiện kiểm tra hồ sơ trước khi hoàn thuế, không thu thuế và phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Đề xuất:	
	1. Nếu trường hợp chưa cần thiết phải kiểm tra hàng hóa còn tồn kho, kiểm tra hàng hóa chưa xuất khẩu...mà chỉ cần kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán; chứng từ theo dõi xuất kho, nhập kho của hàng hóa đề nghị hoàn thuế, không thu thuế và chứng từ liên quan khác thì cho phép người khai hải quan được mang hồ sơ đến cơ quan hải quan để thực hiện kiểm tra, chưa cần thiết phải đến trụ sở người nộp thuế để kiểm tra.	1. Về phân loại hồ sơ hoàn thuế, ngày 15/6/2015 Bộ Tài chính có công văn số 7892/BTC-TCHQ hướng dẫn các đơn vị thực hiện, về trường hợp phải kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đã được quy định cụ thể tại Điều 49 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP. Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố nghiên cứu quy định trên để thực hiện.
	2. Căn cứ các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 38 chưa có biểu mẫu Quyết định kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan khi thực hiện “kiểm tra trước - hoàn thuế, không thu thuế sau”. Đề nghị TCHQ hướng dẫn biểu mẫu để áp dụng thống nhất. Đề xuất: Hiện nay Bộ Tài chính có công văn số 7982/BTC-TCHQ ngày 15/6/2015 tháo gỡ cho 6 đối tượng “hoàn thuế trước - kiểm tra sau”. Tuy nhiên vẫn còn nhiều đối tượng phải kiểm tra trước - hoàn thuế, không thu thuế sau. Đề nghị Tổng cục Hải quan sớm ban hành quy trình. Trong đó lưu ý cần quy định rõ các nội dung kiểm tra để tránh tình trạng gây phiền hà cho doanh nghiệp và giải trừ trách 1. Về phân loại hồ sơ hoàn thuế, ngày 15/6/2015 Bộ Tài chính có công văn số 7892/BTC-TCHQ hướng dẫn các đơn vị thực hiện, về trường hợp phải kiểm tra tại trụ sở người nộp	2. Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn tại quy trình hoàn thuế.

		thuế đã được quy định cụ thể tại Điều 49 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP.nhiệm cho cơ quan hải quan.	
49.7	Khoản 6	Quy định: hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế, không thu thuế sau được kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp. Thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 130, theo đó thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra và kết luận kiểm tra là Cục trưởng. Tại một số đơn vị, hàng hóa làm thủ tục theo loại hình TNTX phát sinh thường xuyên, hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế loại hình này thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế sau, kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp. Thực hiện theo quy định này, đơn vị phát sinh một số khó khăn như sau: - Trường hợp nhiều doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế, không thu thuế cùng một thời điểm, trụ sở doanh nghiệp ở xa (doanh nghiệp ngoài tỉnh), như vậy, việc cơ quan Hải quan sắp xếp, bố trí công chức đến trụ sở doanh nghiệp để kiểm tra sẽ rất khó khăn (với công việc phát sinh và biên chế hiện có, các Chi cục thuộc Cục bố trí 03 công chức phụ trách công tác này).Như vậy với những Chi cục có số lượng công chức ít, nhưng phát sinh hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế (kiểm tra tại doanh nghiệp) nhiều sẽ không đủ nhân lực giải quyết công việc. - Thẩm quyền ban hành quyết định và kết luận kiểm tra là Cục trưởng, tổ chức thực hiện kiểm tra là Chi cục trưởng. Do vậy việc luân chuyển hồ sơ, thông tin giữa hai cấp sẽ mất thêm thời gian, không chủ động	

		được việc kiểm tra. Để đảm bảo việc giải quyết thủ tục kiểm tra trước, hoàn thuế, không thu thuế sau; phù hợp với đặc thù từng Hải quan địa phương, đơn vị đề xuất như sau:	
		1. Về thẩm quyền ban hành quyết định, kết luận kiểm tra: Tùy tình hình thực tế từng đơn vị, Cục trưởng quyết định, kết luận kiểm tra, quyết định phân cấp cho Chi cục trưởng ban hành quyết định kiểm tra và kết luận kiểm tra.	1. Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ vào tình hình thực tế để thực hiện việc ủy quyền theo quy định.
		2. Đề nghị Tổng cục Hải quan ban hành bổ sung các biểu mẫu quyết định kiểm tra, biên bản kiểm tra, kết luận,...Đồng thời xem xét ban hành quy trình miễn, giảm, hoàn thuế thay thế quy trình ban hành theo quyết định số 2424/QĐ-TCHQ ngày 27/11/2008.	2. Tổng cục Hải quan ghi nhận và hướng dẫn trong quy trình miễn, giảm, hoàn thuế, không thu thuế.
50	Điều 130: Kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế tại trụ sở người nộp thuế		
		* Về hồ sơ hoàn thuế: Theo điểm a khoản 1 Điều 119 Thông tư số 38 quy định công văn yêu cầu hoàn thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Trong các chứng từ xuất trình không bao gồm các bảng kê ghi nhận kết quả thanh khoản. * Về hồ sơ không thu thuế: Theo quy định tại khoản 6 Điều 129 Thông tư số 38. Theo quy định tại khoản 2b Điều 130 Thông tư số 38, nội dung kiểm tra gồm: “b.1 Kiểm tra hồ sơ hải quan; hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế; chứng từ kế toán, sổ kế toán; chứng	Vướng mắc của đơn vị phản ánh chưa rõ, vì theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 130 thì nội dung kiểm tra không chỉ căn cứ vào tờ khai nhập khẩu, tờ khai xuất khẩu. Do đó, đề nghị đơn vị báo cáo cụ thể nội dung vướng mắc và đề xuất hướng xử lý gửi về Tổng cục Hải quan để xem xét giải quyết.

		từ theo dõi xuất kho, nhập kho của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị hoàn thuế; chứng từ khác liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị hoàn thuế. ..." Việc kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, không thu thuế nếu chỉ căn cứ vào tờ khai nhập, tờ khai xuất thì không có cơ sở để xác định số thuế được hoàn, không thu. Đề nghị có hướng dẫn thực hiện.	
51	<i>Điều 131: Cập nhật thông tin hoàn thuế, không thu thuế</i>		
	Khoản 1	Trên cơ sở quyết định hoàn thuế, không thu thuế cơ quan hải quan nơi người nộp thuế có số tiền thuế được hoàn phải thanh khoản số tiền thuế được hoàn và cập nhật các thông tin hoàn thuế trên hệ thống của cơ quan hải quan. Hỏi: Đề nghị hướng dẫn cách nhập thông tin hoàn thuế trên hệ thống vì Chương trình E- Customs V5 hiện tại chưa có chức năng này?	Hiện nay, việc cập nhật quyết định hoàn thuế, không thu thuế được thực hiện trên Hệ thống kế toán thuế tập trung.
52	<i>Điều 133: Tiền chậm nộp</i>		
	Khoản 7	Theo quy định tại khoản 7 có áp dụng đối với các lô hàng nhập khẩu trước ngày 1/4/2015 và tái xuất sau ngày 1/4/2015 không hay chỉ áp dụng đối với các lô hàng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu kể từ ngày 1/4/2015 sau đó tái xuất. Đề nghị hướng dẫn trường hợp nhập khẩu trước 1/4/2015 nhưng tái xuất sau ngày 1/4/2015 thì cũng không phải nộp tiền chậm nộp.	Nhất trí theo hướng đề xuất của đơn vị theo đó hàng hóa nhập khẩu trước 1/4/2015 nhưng tái xuất sau ngày 1/4/2015 thì cũng không phải nộp tiền chậm nộp.

53	Điều 136: Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt		
	Khoản 3 điểm c.3	Đề nghị trong thực tế sau nhiều năm đôn đốc thu hồi nợ đọng, đặc biệt là các khoản nợ trên 10 năm, tại Cục Hải quan TP.HCM hiện nay số nợ này đã lên đến gần 500 tỷ đồng. Nếu quy định chỉ xóa nợ khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp cưỡng chế đến biện pháp cuối cùng thì không có khoản nợ nào đủ điều kiện xóa nợ. Ở góc độ thẩm quyền của Cục Hải quan TP. HCM chỉ thực hiện được biện pháp dừng làm thủ tục hải quan hoặc liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư để được cung cấp các quyết định Thu hồi giấy chứng nhận kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề. Khi triển khai Thông tư số 179/2013/TT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Tài Chính, hiện nay Chính phủ, Bộ Tài Chính và Tổng cục Hải quan chỉ mới quyết định xóa tiền nợ thuế tại Cục Hải quan TP.HCM là 63,6 tỷ đồng / 1.500 tỷ đồng. Cục Hải quan TP.HCM báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét, kiến nghị với Bộ Tài Chính xin ý kiến Chính phủ chỉ đạo về vấn đề này vì thực tế số nợ thuế trên 10 năm là không còn khả năng thu hồi được.	Về thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế trong lĩnh vực hải quan đã được quy định tại Nghị định số 127/2013/NĐ-CP, đề nghị Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh thực hiện các biện pháp cưỡng chế hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Điều 93 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 được sửa đổi bổ sung tại khoản 26 Điều 11 Luật số 21/2012/QH13. Đối với các khoản nợ đã quá 10 năm, sau khi thực hiện đầy đủ các biện pháp cưỡng chế theo quy định, đề nghị đơn vị rà soát, lập và thẩm định hồ sơ trình các cấp thẩm quyền xóa các khoản nợ được xóa theo hướng dẫn tại Điều 136 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 và Thông tư số 179/2013/TT-BTC ngày 2/12/2013 của Bộ Tài chính.
54	Điều 149: Hiệu lực thi hành		
		Công văn số 1493/BTC-TCHQ ngày 29/01/2013 về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhập khẩu thép chứa nguyên tố Bo, yêu cầu phải xuất trình C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai có bị bãi bỏ do Thông tư số 38 thay thế, bãi bỏ 11 Thông tư của Bộ Tài chính không?	Đề nghị đơn vị thực hiện theo đúng hướng dẫn cho đến khi Bộ Tài chính có hướng dẫn mới.
55	Phụ lục II:		

55.1	Tiêu chí 1.31	Trường hợp vận chuyển bằng đường bộ phải “nhập số xe tải”. Tuy nhiên, trên thực tế, tại các cửa khẩu đường bộ có nhiều trường hợp lúc khai hải quan, người khai hải quan chưa xác định được số hiệu phương tiện, hoặc chưa chính xác (tại thời điểm khai chủ hàng chưa thuê được phương tiện vận tải...), để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc khai báo, làm thủ tục. Đề nghị: Đối với chỉ tiêu thông tin Phương tiện vận chuyển (đường bộ), nếu tại thời điểm khai hải quan mà người khai chưa xác định được số hiệu phương tiện thì không cần khai thông tin này trên hệ thống, người khai hải quan chỉ cần xuất trình bảng kê phương tiện khi qua khu vực giám sát; trường hợp hàng hóa được vận chuyển đến Chi cục HQCK xuất thì phải khai bổ sung thông tin này trên hệ thống.	Đây là chỉ tiêu bắt buộc nên trong trường hợp tại thời điểm khai hải quan mà người khai hải quan chưa xác định được số hiệu phương tiện, hoặc chưa chính xác, khi người khai hải quan có thông tin chính xác thì hướng dẫn người khai hải quan khai báo “ZZZZZ” tại tiêu chí số 1.31. Sau khi có số hiệu phương tiện vận chuyển thì thực hiện khai bổ sung theo quy định tại điểm a.4 khoản 3 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
55.2	Tiêu chí 1.35	Việc khai báo và kiểm tra file đính kèm được thực hiện thông qua nghiệp vụ (HYS, MSC), tuy nhiên thủ tục phải qua nhiều bước, mất nhiều thời gian. Đề xuất Tổng cục Hải quan cho phép chấp nhận cả trường hợp khai danh sách container bằng file đính kèm hoặc khai vào Phần ghi chú đối với lô hàng có số lượng container ít để thuận lợi cho việc khai báo cũng như công tác kiểm tra của cơ quan Hải quan.	Đề nghị các đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư do việc khai báo danh sách container bằng file đính kèm HYS ngoài việc phục vụ cho cơ quan hải quan trong công tác kiểm tra còn để thực hiện việc giám sát hải quan bằng mã vạch.
55.3	Tiêu chí 2.19	Hiện tại trên tờ khai hải quan xuất khẩu không có ô “người ủy thác xuất khẩu”, do đó không thể thực hiện khai thông tin người chỉ định giao hàng theo hướng dẫn.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện. Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính, đề nghị các đơn vị hướng dẫn người khai hải quan khai báo thông tin “người ủy thác nhập khẩu” tại ô “Ghi

			chú” trên tờ khai hải quan xuất khẩu.
56	Phụ lục III:		
	Mẫu HQ/2015/NK	Việc sử dụng mẫu tờ khai, phụ lục tờ khai HQ/2015/NK đối với các trường hợp tại điểm b, d khoản 2 điều 25 Nghị định 08 khi thực hiện tờ khai giấy: Cá nhân phải khai báo, nếu có nhiều mục hàng thì phải khai trên rất nhiều tờ phụ lục. Đối với các trường hợp này, cho phép người khai hải quan lập phụ lục theo các tiêu chí của mẫu PLTK để khai báo (1 tờ Phụ lục khai được nhiều dòng hàng).	Tổng cục Hải quan ghi nhận để báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện. Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính, đề nghị đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư.
57	Phụ lục VI:		
57.1		Tại biểu mẫu số 11/QĐHT/TXNK và biểu mẫu số 12/QĐKT/TXNK có tiêu chí “Mã số quản lý hải quan” Hỏi: Đề nghị TCHQ hướng dẫn cho đơn vị thực hiện	Hiện nay, trên các mẫu quyết định có xây dựng chỉ tiêu thông tin “Mã số quản lý hải quan” để mã hóa nhằm phục vụ khai thác báo cáo thống kê. Hiện chỉ tiêu này chưa được triển khai thực hiện, Tổng cục Hải quan sẽ mã hóa các quyết định và thông báo các đơn vị thống nhất thực hiện.
57.2		1. Biểu mẫu 02B/TBXĐTGT/TXNK Phụ lục VI. Ý kiến của đơn vị: đề nghị bổ sung: sau khi tham vấn, 2 bên đã ký biên bản kết quả tham vấn, Cục Hải quan ban hành Thông báo kết quả xác định trị giá tính thuế	1. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 thì cơ quan hải quan xác định trị giá hải quan trong các trường hợp sau: (1) Người khai hải quan không xác định được trị giá hải quan theo các phương pháp quy định tại Thông tư này; (2) Trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 17 Thông tư này. Như vậy, cơ quan hải quan không xác định trị giá hải quan đối với trường hợp kiểm tra, tham vấn trong thông quan.
		2. Biểu mẫu 02A/TBNVTGT/TXNK Phụ lục VI Theo quan điểm của đơn vị thì sử dụng mẫu 2A đối	2. Thông báo theo mẫu số 02A/TBNVTGT/TXNK được áp dụng đối với các trường hợp khai báo tờ khai giấy, còn khai báo điện tử thì cơ quan hải quan thông báo

		với trường hợp hàng thuộc luồng vàng, luồng đỏ, khi người khai hải quan mang hồ sơ chứng từ đến xuất trình.	ngghi vấn trên hệ thống VNACCS cho người khai hải quan để đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.
		3. Thời gian luân chuyển giữa các bộ phận Ý kiến của đơn vị: đề nghị quy định chậm nhất trong thời hạn 3 ngày (ngày làm việc) Đội thủ tục hàng hóa phải chuyển hồ sơ (đã thông quan hoặc đã giải phóng hàng) đến các bộ phận có liên quan để tham vấn hoặc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan.	3. Tổng cục Hải quan ghi nhận để quy định về thời gian luân chuyển hồ sơ giữa các bộ phận tại Quy trình kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
58	Các vướng mắc khác		
58.1		Tại Thông tư chưa có quy định thủ tục hải quan đối với sản phẩm gia công dùng để thanh toán tiền gia công. Đề nghị TCHQ hướng dẫn.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, báo cáo Bộ hướng dẫn thực hiện thống nhất theo hướng thực hiện như quy định tại khoản 3.4 Điều 20 Thông tư 13/2014/TT-BTC trước đây.
58.2		Về công tác lưu trữ tờ khai: Hiện nay, TCHQ chưa hướng dẫn công tác lưu trữ tờ khai VNACCS, tờ khai giấy đăng ký thủ công. Kiến nghị TCHQ có văn bản hướng dẫn việc lưu trữ tờ khai VNACCS luồng xanh, vàng, đỏ có phải lưu trữ hay không và việc lưu trữ các tờ khai giấy đăng ký thủ công để thực hiện thống nhất trong toàn ngành nhằm phục vụ tốt công tác thành tra, kiểm tra, kiểm toán và tổng hợp thống kê.	Tổng cục Hải quan ghi nhận, hướng dẫn trong Quy trình hướng dẫn Thông tư số 38/2015/TT-BTC.
58.3		Theo quy định tại khoản 9 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan sử dụng tờ khai hải quan điện tử phục vụ yêu cầu quản lý, không yêu cầu người khai hải quan cung cấp tờ khai hải quan giấy. Đề nghị TCHQ trao	Tổng cục Hải quan đã giao Cục CNTT&TKHQ làm đầu mối chủ trì triển khai nhiệm vụ này.

		đối với các cơ quan cấp C/O và ngân hàng triển khai việc kết nối dữ liệu điện tử hải quan với cơ quan hải quan để thực hiện quy định này.	
58.4		Việc sử dụng tờ khai điện tử hiện nay đối với doanh nghiệp khi lưu thông trên đường, theo phản ánh của doanh nghiệp: Các cơ quan hữu quan chưa truy cập được vào hệ thống của cơ quan hải quan, nên nhiều khi hàng hóa đã được thông quan trên hệ thống doanh nghiệp phải giải thích chứng minh mất thời gian, (trường hợp DN làm thủ tục tại Hải quan Nội Bài, trụ sở doanh nghiệp lại ở xa...). Đề nghị TCHQ hướng dẫn cung cấp quyền truy nhập hệ thống đối với các cơ quan hữu quan. Trong thời gian này nếu doanh nghiệp đề nghị, thì cơ quan hải quan cung cấp tờ khai từ in từ hệ thống.	Tổng cục Hải quan ghi nhận và sẽ có văn bản hướng dẫn.
58.5		Đối với những tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu đăng ký và hoàn thành thủ tục hải quan trước ngày 1/4/2015 (ngày Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực thi hành) và doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế (không thu thuế) trước ngày 1/4/2015 nhưng Chi cục ra Quyết định hoàn thuế (không thu thuế) sau ngày 1/4/2015 thì căn cứ pháp lý và biểu mẫu Quyết định thực hiện theo Thông tư số 128/2015/TT-BTC hay Thông tư số 38/2015/TT-BTC?	Quyết định hoàn thuế, không thu thuế sau ngày 1/4/2015 thì biểu mẫu Quyết định thực hiện theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC. Trong đó ghi rõ căn cứ Thông tư số 128/2013/TT-BTC, Thông tư số 38/2015/TT-BTC để phù hợp với thực tế đã tiếp nhận, phân loại hồ sơ hoàn thuế theo Thông tư số 128/2013/TT-BTC và ban hành Quyết định hoàn thuế tại thời điểm Thông tư số 38/2015/TT-BTC có hiệu lực.
58.6		Hiện nay đối với loại hình E15, E11, E41....chương trình KTTT tự động cập nhật số thuế phát sinh của các loại hình này vào tài khoản tạm gửi, trong thực tế tại một số Chi cục đối với các loại hình này nếu phát sinh chủ yếu là thuế chuyên thu (thuế bảo vệ môi trường). Công chức Hải quan phải thao tác chuyển vào tài khoản chuyên thu, đồng thời lập tờ	- Việc xác định tài khoản nộp ngân sách và tài khoản tạm thu được thiết kế mặc định trên hệ thống VNACCS và Kế toán thuế tập trung. Do đó, trường hợp các Hệ thống chưa hỗ trợ xác định loại tài khoản theo quy định, đề nghị cán bộ công chức thực hiện điều chỉnh, cập nhật tài khoản chính xác trên Hệ thống kế toán thuế

		trình điều chỉnh giảm số thuế phát sinh tại tài khoản tạm gửi. Chi cục Hải quan KCX Tân thuận: phát sinh loại hình H11, chương trình không tự động cập nhật chứng từ ghi số thuế phải thu, phải dùng lệnh RCC.	tập trung. - Về vướng mắc chương trình không tự động cập nhật chứng từ ghi số thuế phải thu đối với loại hình H11: Hiện nay, Hệ thống KTTT đã xử lý hạch toán, theo dõi tự động để xác định hoàn thành nghĩa vụ về thuế để thông quan hàng hóa. Lưu ý: Không dùng chức năng RCC mà sử dụng chức năng J trên Hệ thống KTTT để xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế.
58.7		Việc kiểm tra khai báo của doanh nghiệp về thông tin hàng đã xuất khẩu trên công văn xin hoàn thuế đối với trường hợp doanh nghiệp đăng ký tờ khai tạm nhập tại Chi cục Hải quan này, nhưng lại đăng ký tờ khai tái xuất tại một Chi cục Hải quan khác (khác mã đơn vị hải quan) thì Hệ thống e-Customs V5 không cho phép tra cứu. Đề nghị TCHQ phân quyền Hệ thống e-Customs V5 cho phép công chức thực hiện nhiệm vụ thanh khoản, hoàn thuế tại các Chi cục Hải quan tra cứu được thông tin về xác nhận hàng hóa đã qua khu vực giám sát đối với các tờ khai đăng ký tại Chi cục Hải quan khác; hoặc hướng dẫn cụ thể về cách thức kiểm tra thông tin này.	Tổng cục Hải quan ghi nhận để hiệu chỉnh chức năng trên Hệ thống.
58.8		Trong thời gian qua, Cục HQ Tp Hồ Chí Minh nhận được phản ánh từ các Ngân hàng thương mại về vướng mắc hệ thống và đường truyền, các kiến nghị cụ thể của NHTM: a. Đa số các NHTM phản nàn thường xuyên không	- Về các vướng mắc không truy vấn được tờ khai nợ thuế, ngân hàng phải nhập thủ công thực hiện truyền sang kho bạc được nhưng truyền sang hải quan có lúc được lúc không: Ngày 16/4/2015 Tổng cục Hải quan đã tổ chức đoàn công tác (trong đó có thành phần là Cục Hải quan Tp Hồ Chí Minh) làm việc với các Chi nhánh

	truy vấn được thông tin nợ thuế của tờ khai. Nhân viên ngân hàng phải nhập dữ liệu bằng phương pháp thủ công, gây chậm trễ, dữ liệu không chính xác, ảnh hưởng đến thời gian thông quan hàng hóa của khách hàng. b. NHTM thực hiện “lệnh nộp thuế” theo yêu cầu của Người khai hải quan cho các trường hợp không truy vấn nợ thuế trên cổng thông tin hải quan. Khi truyền dữ liệu sang Kho bạc Nhà nước vẫn thực hiện bình thường, nhưng khi truyền dữ liệu đến cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan thì lúc được lúc không được (không Online) buộc phải chờ. Ngân hàng phải phát hành chứng từ giấy cho người nộp thuế để xuất trình cho Chi cục hải quan để thông quan. c. Thông tin nộp thuế của Người khai hải quan đã được NHTM truyền đến cổng thanh toán của TCHQ thành công nhưng khách hàng vẫn phải yêu cầu NHTM phát hành chứng từ giấy xuất trình với Chi cục Hải quan để thông quan hàng hóa vì hệ thống dữ liệu của Chi cục Hải quan chưa có thông tin đã nộp tiền thuế. Ngân hàng gặp nhiều áp lực trong việc phát hành chứng từ giấy. d. Chương trình phối hợp thu NSNN chưa có chức năng tra soát, xử lý khi có phát sinh sai sót các vướng mắc, chưa có quy trình xử lý cụ thể và trách nhiệm của các bên liên quan khi phát sinh sai sót, chậm trễ. đ. Đề nghị đường truyền giữa Ngân hàng TM và	ngân hàng thương mại được Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các vướng mắc nêu trên của Hải quan Tp Hồ Chí Minh cũng là các vướng mắc của ngân hàng phối hợp thu. Nguyên nhân của tình trạng trên: do người khai nộp tiền khi khai báo tờ khai tạm, tờ khai thuộc luồng vàng, luồng đỏ, nên tại thời điểm này hệ thống không có thông tin liên quan đến số tiền thuế phải nộp, tài khoản kho bạc, mục lục ngân sách,... Vì vậy, giao dịch viên phải lập lệnh thanh toán bằng tay nên rất dễ xảy ra sai sót trong quá trình nhập liệu. Giải pháp: Tổng cục Hải quan đã chính thức đưa các thông tin này vào hệ thống theo công văn 4024/TCHQ-CNTT ngày 06/5/2015 gửi các ngân hàng phối hợp thu thông báo việc cập nhật thông tin liên quan đến nộp tiền của các tờ khai chưa hoàn thành thủ tục hải quan để các ngân hàng phối hợp kịp thời chủ động khai thác, hạn chế tối đa cập nhật thủ công các thông tin khi thanh toán. - Về vướng mắc người khai đã được NHTM truyền đến cổng thanh toán điện tử hải quan (lệnh thành công) nhưng khách hàng còn yêu cầu cấp giấy nộp tiền (C1-09) nộp cho hải quan để thông quan ngay hàng hóa: Hiện nay, thông tin nộp tiền tiếp nhận từ cổng thanh toán điện tử hải quan, xử lý trong KTTT và hệ thống VNACCS từ khâu tiếp nhận thông tin nộp thuế, hạch toán, thanh khoản nợ và thông quan hàng hóa đều được xử lý tự động;
--	--	---

	TCHQ ổn định để đảm bảo truyền nhận thông tin nhanh chóng, kịp thời.	Các trường hợp ngân hàng thông báo đã truyền thành công nhưng tờ khai không được thông quan hàng hóa, cán bộ hải quan đã yêu cầu người nộp thuế xuất trình giấy nộp tiền để được thông quan ngay, do một số nguyên nhân sau: Thông tin nộp tiền truyền sang KBNN đầy đủ nhưng lệnh chuyển sang Hải quan có thể tổng tiền đủ nhưng thiếu chi tiết sắc thuế, hoặc giữa các sắc thuế không chính xác, hoặc các thông tin trong thông điệp không phù hợp; Tổng cục Hải quan đã đề nghị các ngân hàng kiểm tra lại thông tin khi người nộp thuế đề nghị cấp giấy nộp tiền cho cơ quan hải quan. - Về vướng mắc chưa có chức năng tra soát: Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang xây dựng chức năng tra soát các thông tin trên cổng thanh toán; Sau khi kiểm tra hoàn chỉnh hệ thống sẽ được cập nhật vào KTTT để các đơn vị trực tiếp khai thác và phối hợp với các Chi nhánh ngân hàng kiểm tra theo quy định tại Thông tư 126/2014/TT-BTC.
--	---	--